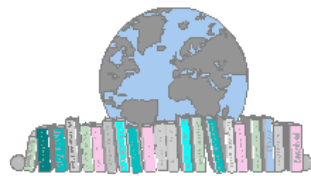


SÁCH GIẢI NGHĨA  
THƯ CỦA PHAO-LÔ  
GỬI CHO  
TÍCH



Study Guide Press

All Scripture quotations in this publication, unless otherwise indicated are from  
Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)  
Copyright © 2002 by Arms of Hope  
Used by permission. All rights reserved.

Illustrations by Horace Knowles à The British & Foreign Bible Society 1954, 1967, 1972  
Additions and amendments by Louise Bass à The British & Foreign Bible Society 1994

Prepublication Version  
Explanations of Titus  
[Vietnamese]

Copyright © 2004 by Study Guides Press

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Study Guides Press  
P.O. Box 382006  
Duncanville, Texas 75138  
USA

# MỤC LỤC

Các chữ tắt và các hình thức đặc biệt khác .....	GT-4
Hướng Dẫn Cách Sử Dụng Bộ Sách Giải Nghĩa .....	HD-5
Giới Thiệu Thư Gửi Cho Ông Tích.....	1
Dàn bài của Sách .....	2
Các Lời Giải Nghĩa Sách Tích .....	3
Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh .....	60

## CÁC CHỮ TẮT VÀ NHỮNG HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT KHÁC

(Các chữ, các con số, hay các dấu hiệu được dùng thay chữ)

### Các bản dịch KT:

BCG	<i>Kinh Thánh Tân Ước (Bản Công Giáo)</i> . 1994. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Du-Sinh Saint-Joseph.
BDM	<i>Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)</i> . 2002. Singapore: Arms of Hope.
BDC	<i>Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)</i> . 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội.
BDY	<i>Thánh Kinh (Bản Diễn ý)</i> . 1994. International Bible Society.

### Các chữ viết tắt và các hình thức khác:

CU	Cựu Ước
TU	Tân Ước
KT	Kinh Thánh
PKTCCN	Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ
CKTG	Câu Kinh Thánh Gốc
CĐN	Câu Định Nghĩa
NNĐDS	Ngôn Ngữ Được Dịch Sang
NNG	Ngôn Ngữ Gốc

Chữ “a” sau số câu cho thấy phần đang nói đến ở phần đầu của câu Kinh Thánh (KT). Cùng một cách, chữ “b” cho thấy là phần thứ hai của câu. Thí dụ:

8a phần đầu của câu 8

8b phần thứ hai của câu 8

8c phần ba của câu 8

dùng các chữ kế tiếp nếu cần để chỉ các phần khác của câu nếu cần.

... Ba chấm cho thấy chỗ một vài chữ đã bị loại bỏ khỏi ngữ cảnh để thêm chỗ trống.

— Một gạch nối dài được dùng trong Câu Định Nghĩa (CĐN) thay vào chỗ của ngoặc đơn hay gạch nối được dùng trong Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG).

[ ] Dấu ngoặc vuông được dùng để chỉ một vài hàm ý trong nguyên bản đã được làm cho rõ ràng. Dấu ngoặc được dùng có ý giúp đỡ người phiên dịch hiểu ý nghĩa trọn vẹn của văn bản. Sau đó người phiên dịch sẽ quyết định họ có cần phải giải thích chi tiết đó rõ ràng hay không trong Ngôn Ngữ Được Dịch Sang (NNĐDS) hay có lẽ nên cung cấp chi tiết đó cho độc giả bằng một cách khác.

# HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA

## Mục Lục

---

Sơ Lược.....	HD-5
Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa.....	HD-7
<b>Các Phần Của Sách Giải Nghĩa</b>	
Phần Giới Thiệu.....	HD-7
Lời Giải Nghĩa.....	HD-8
Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ.....	HD-12
Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ.....	HD-15
Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ.....	HD-16
Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn.....	HD-17

---

## Sơ Lược

---

<b>Mục đích của Bộ Sách Giải Nghĩa</b>	<p><i>Bộ Sách Giải Nghĩa</i> được soạn cho các người chuyển ngữ Kinh Thánh. Bộ sách này nhằm mục đích giúp đỡ cho các người chuyển ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• hiểu toàn thể sứ điệp của mỗi sách trong Kinh Thánh.</li><li>• thấy rõ giá trị sự cấu trúc, về các phần khác nhau (của sách) được phối hợp lại như thế nào.</li><li>• hiểu ý nghĩa một cách chi tiết như trong nguyên bản Hy-lạp.</li><li>• cảnh giác về các chỗ (từ, nhóm từ) có thể khó chuyển ngữ.</li><li>• cân nhắc kỹ đề nghị của những người chuyển ngữ khác về những cách có thể dùng để diễn tả ý nghĩa của đoạn kinh văn.</li></ul>
----------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

---

<b>Các phần của câu</b>	<p>Có nhiều câu được chia ra làm một vài phần nhỏ để cho người chuyển ngữ dễ so sánh với các bản dịch khác. Thí dụ, 1 Giăng 1:4 có thể chia ra làm hai phần:</p> <p><b>1:4a</b>            <b>Chúng tôi viết điều này</b>                       Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em</p> <p><b>1:4b</b>            <b>để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn.</b>                       để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.</p>
-------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

---

## Sơ Lược, tiếp theo

Những từ ngữ chuyên môn được dùng

Các từ chuyên môn dưới đây được dùng trong *Sách Giải Nghĩa* hay trong lời hướng dẫn này:

Từ Ngữ	Ý Nghĩa
<i>Ngôn ngữ gốc</i>	Đây là ngôn ngữ <b>căn chuyển ngữ</b> . Trong trường hợp này thường sẽ là tiếng Việt. Ngôn ngữ này được viết tắt là NNG.
<i>Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang</i>	Đây là ngôn ngữ dùng để <b>chuyển ngữ sang</b> trong bản dịch, ngôn ngữ bạn đang dùng để chuyển ngữ. Đây thường là tiếng mẹ đẻ của người chuyển ngữ. Được viết tắt là NNĐCNS.
<i>Nghĩa bóng (hàm ý)</i>	Ý nghĩa không được viết ra rõ ràng trong các từ nhưng là một phần ý nghĩa của bản nguyên thủy, hay điều được các độc giả đầu tiên hiểu như vậy.
<i>Nghĩa đen</i>	Phần sứ điệp được viết ra rõ ràng.
<i>Tin tức hàm ý</i>	Tin tức chi tiết không được viết ra rõ ràng nhưng các độc giả đầu tiên biết hay hiểu.
<i>Tin tức được viết ra rõ ràng</i>	Tin tức hay chi tiết về sự kiện được tác giả nói hay viết rõ ràng.
<i>Phân kinh văn</i>	Các từ hay các câu hay một đoạn Kinh Thánh được dùng.
<i>Ngôn ngữ phụ</i>	ngôn ngữ mà người đó đã học sau ngôn ngữ của mình. Ngôn ngữ phụ thường không phải là tiếng mẹ đẻ, nhưng là một ngôn ngữ dùng trong buôn bán hay truyền thông quốc ngữ.

## Cách Sử Dụng *Sách Giải Nghĩa*

---

### Lời Hướng Dẫn Tổng Quát

- Cách tốt nhất để sử dụng Sách Giải Nghĩa là luôn luôn căn cứ vào nó trong khi bạn chuyển ngữ một sách. Tuy nhiên, nếu bạn muốn, bạn có thể dùng nó làm tài liệu khi bạn có sự khó khăn trong lúc chuyển ngữ một câu.
- Hãy đọc lời giới thiệu của *Lời Giải Nghĩa* trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một sách. Làm như vậy sẽ giúp bạn hiểu được mục đích, bối cảnh và nội dung của toàn sách.
- Trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một tiểu đoạn, hãy đọc lời giải nghĩa cho tiểu đoạn đó. Các lời giải nghĩa này sẽ giúp cho bạn hiểu những cách chọn lựa để giải kinh và sẽ báo cho bạn biết nếu có nan đề nào bạn có thể gặp trong sự chuyển ngữ.
- Sau khi bạn đã đọc lời giải nghĩa, hãy nghiên cứu Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). So sánh Câu Kinh Thánh Gốc, là hàng chữ trên cùng của Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN), và Câu Định Nghĩa ở bên dưới.
- Câu Định Nghĩa của PKTCCN không phải là “câu chuyển ngữ mẫu;” tức là, bạn không nên chuyển ngữ trực tiếp từ Câu Định Nghĩa. Mục đích của nó là để giúp cho bạn hiểu ý nghĩa của câu Kinh Thánh.

## Phần Giới Thiệu Của *Sách Giải Nghĩa*

---

### Vị trí của phần giới thiệu

Mỗi sách trong loạt sách này đều bắt đầu bằng phần giới thiệu. Phần giới thiệu giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về toàn cuốn sách đó. Sách dài có thể cũng có phần giới thiệu riêng trước mỗi phân đoạn chính của sách.

### Sự quan trọng của phần giới thiệu

Trước khi bắt đầu chuyển ngữ bất cứ sách nào trong Kinh Thánh người chuyển ngữ cần phải hiểu:

- *Bối cảnh* của cuốn sách, kể cả tác giả là ai (nếu biết), hoàn cảnh khi sách được viết, và độc giả mà sách muốn nhắm vào.
- *Mục đích* của tác giả, đó là lý do tại sao tác giả viết sách này.
- *Nội dung* của sách. Người chuyển ngữ cần phải biết rõ cả cuốn sách viết/nói về gì, cũng như chủ đề và phân đoạn.
- *Dàn bài* của sách, cho thấy các phân đoạn cũng như tiểu đoạn chính của nó.

Những chi tiết này được ghi rõ trong phần giới thiệu.

## Lời Giải Nghĩa

---

### Nội dung tổng quát của các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa cung cấp các chi tiết về các phần chính của cuốn sách. Phần của sách mà các Lời Giải Nghĩa đề cập đến trước hết được trích dẫn bằng chữ in *ngiên đậm* của Câu Kinh Thánh Gốc trong Phần Kinh Thánh Cần chuyển ngữ. Sau đó Lời Giải Nghĩa giải thích ý nghĩa trong nguyên văn Hy-lạp một cách chi tiết và cũng cảnh giác người chuyển ngữ về các nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Một sự giải thích đầy đủ hơn về một vài điểm phức tạp có thể được bao gồm trong lời phụ chú ở cuối sách này.

---

### Các thông tin được chứa đựng trong các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa chứa đựng các tin tức sau đây:

- Những vấn đề của đoạn kinh văn
- Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp
- Các cách giải thích khác
- Những nan đề về chuyển ngữ

Trong những trang kế sẽ giải thích về mỗi mục trên.

---

### Những vấn đề của đoạn kinh văn

Không có một bản thảo Tân Ước Hy-lạp nào còn lại. Những bản Tân Ước Hy-lạp cũ nhất hiện có chỉ là những bản sao lại từ bản nguyên thủy/nguyên bản. Có một số khác biệt nhỏ giữa các bản sao với nhau. Một số bản thảo dùng một số từ riêng biệt, trong khi đó các bản thảo khác dùng từ hơi khác nghĩa một chút. Vì vậy phải quyết định xem từ nào có thể là từ mà tác giả dùng trong nguyên văn.

Học giả Kinh Thánh, những người nghiên cứu những bản thảo Tân Ước xưa hơn trong tiếng Hy-lạp, tin rằng chúng ta có thể biết chính xác đến 95 phần trăm những gì các bản thảo nguyên thủy Hy-lạp nói. Một hai chỗ có sự khác biệt trong bản văn, điều đó dẫn đến sự khác biệt trong ý nghĩa. Lời Giải Nghĩa chỉ bàn đến những điểm khác biệt trong bản văn có tầm quan trọng cho việc chuyển ngữ mà thôi.

### Cách viết các từ Hy-lạp trong Lời Giải Nghĩa

Có một vài từ Hy-lạp được trích dẫn trong Lời Giải Nghĩa. Những chữ này được viết *ngiên*. Từ Hy-lạp được viết bằng mẫu tự La-tinh, ngoại trừ hai chữ được viết có dấu ở trên. Từ Hy-lạp *eta* được viết như *ē*. Hy-lạp *omega* được viết như *ō*.

Các từ và sự cấu trúc văn phạm của tiếng Hy-lạp rất khác với tiếng Việt. Hãy nhớ *Sách Giải Nghĩa* nhằm mục đích giúp cho người chuyển ngữ hiểu trọn ý nghĩa ở trong nguyên bản Hy-lạp.



## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp

Khi ý nghĩa của bản văn gốc không thể hiểu được rõ ràng hay khó hiểu đối với độc giả thời nay, Lời Giải Nghĩa sẽ có sự giải thích. Thí dụ như:

- Các từ hay các nhóm từ mà các tác giả trong Kinh Thánh dùng theo nghĩa bóng, như là các ẩn dụ, câu hỏi tu từ, và các thành ngữ.
- Các từ hay các nhóm từ có thể có nhiều hơn một ý nghĩa.
- Các quan niệm lạ không quen thuộc, như một số phong tục trong Kinh Thánh.
- Văn phạm không quen thuộc, không tự nhiên đối với tiếng Việt.
- Các câu tục ngữ và chuyện ngụ ngôn.

### Các cách giải nghĩa khác

Một số câu hay đoạn Kinh Thánh có *cách giải nghĩa khác*. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng câu này hay đoạn này có nghĩa như thế này, và một số học giả khác lại cho là có ý nghĩa khác.

Các Lời Giải Nghĩa không giải thích tất cả các ý khác nhau, nhưng chỉ giải thích những ý ảnh hưởng đến việc chuyển ngữ. Các bản dịch thường được tham khảo cho việc chuyển ngữ là Bản Dịch Mới, Bản Dịch Cựu, Bản Diễn Ý, Bản Công Giáo có sự giải thích khác nhau về cùng một vấn đề.

### Cách trình bày các cách giải nghĩa khác nhau

Lời Giải Nghĩa luôn luôn liệt kê sự giải nghĩa hợp với ngữ cảnh nhất bằng con số (1). Sự đề nghị này dựa trên việc nghiên cứu cẩn thận đoạn Kinh Thánh và dùng các sách giải nghĩa Kinh Thánh cũng như các sách tham khảo khác. Những cách giải nghĩa khác được liệt kê dưới sự giải thích đầu tiên và đánh số (2), (3), ...v.v...

### Thí dụ

Đây là một thí dụ về cách giải nghĩa có thể chấp nhận của 1 Giăng 4:2b:

#### 4:2b

**Chúa Cứu Thế Giê-su:** Các học giả không đồng ý với nhau về chữ *Cứu Thế* là một phần của tên hay là tước vị có nghĩa là “Đấng Cứu Thế”:

- (1) Nhiều học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một phần của tên ( BDC, BDY, BCG).
- (2) Một số học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một tước vị, và vì vậy câu đó có nghĩa là “Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế và Ngài đến thế gian như một con người” (BDM).

Đề nghị nên theo cách giải thích thứ nhất.

---

## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Các nan đề của việc chuyển ngữ

Khi có khó khăn trong việc dùng chữ để diễn tả ý nghĩa đối với ngôn ngữ của bạn vì sự khác biệt về ngôn ngữ hay văn hoá, chúng tôi cung cấp lời cố vấn về việc chuyển ngữ. Các nan đề trong việc chuyển ngữ gồm có:

- Cách nói tượng hình
- Quan hệ giữa các mệnh đề
- Thể thụ động
- Có thể sắp đặt lại thứ tự
- Lập lại
- Thể thơ
- Thông tin hàm ý

### Thông tin hàm ý

Mục đích của Sách Giải Nghĩa là giúp đỡ bạn hiểu, sát nghĩa nhất, tất cả ý nghĩa của những đoạn kinh văn mà các độc giả thời đó đã hiểu khi họ đọc đoạn kinh văn gốc.

Sự khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh văn hoá, và hoàn cảnh thường ngăn cản các độc giả hiện đại hiểu được ý nghĩa nguyên thủy. Đôi khi tác giả giả định rằng độc giả của ông đã hiểu các dữ kiện nhất định và vì vậy ông không nói đến trong đoạn kinh văn. Đôi khi phần quan trọng của ý nghĩa được hàm ý, độc giả thời đó đã hiểu đúng ý nhưng có thể khó hiểu đối với độc giả hiện đại. Khi cần phải có các thông tin hàm ý này để hiểu được đoạn văn, Sách Giải Nghĩa giải thích loại thông tin được hàm ý này.

### Cách trình bày các cách chuyển ngữ khác nhau

Nếu trong Lời Giải Nghĩa có nhiều hơn một cách để trình bày ý nghĩa, những cách giải nghĩa khác sẽ đánh dấu bằng những chấm (●) thay vì bằng số. Làm như vậy để cho thấy rằng những cách giải nghĩa khác này có giá trị như nhau. Bạn có thể dùng theo cách nào phù hợp và tự nhiên với ngôn ngữ của bạn nhất, hay bạn có thể chọn một cách nào đó mà nó thích hợp hơn những cách được đề nghị. Dưới đây là một thí dụ trong sách Tích:

**Các nan đề của việc chuyển ngữ, tiếp theo****3:2b**

**nhưng phải tỏ sự hòa nhã:** Trong bản Hy-lạp đây có nghĩa là “không đánh nhau”. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 3:3. Đây muốn nói đến một người thích cãi cọ, bất đồng ý kiến và gây lộn với người khác. Một Cơ Đốc nhân nên tránh sự tranh luận với người khác. Hai cách để chuyển ngữ ở đây:

- Theo cách tích cực:

Hãy bảo các con dân Chúa sống hoà thuận với nhau.

*-HAY-*

...sống với mọi người một cách hoà thuận.

- Theo cách tiêu cực: “không đánh nhau” hay “không tranh luận” [với người khác].

**Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa**

Các sách trong Kinh Thánh được chia ra làm những Phân Đoạn, Tiểu Đoạn và Đoạn văn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa*.

**Phân Đoạn**

Mỗi Phân Đoạn là một phần chính của sách. Mỗi Phân Đoạn mới được bắt đầu bằng một *chủ đề cho Phân Đoạn*. Câu tóm tắt chủ đề trong phần chính này của sách là được in trong một khung in đậm như sau:

**Chủ Đề của Phân Đoạn**

Dưới khung này có những lời tóm tắt tổng quát về ý nghĩa của toàn Phân Đoạn.

**Tiểu đoạn**

Mỗi tiểu đoạn được bắt đầu bằng *chủ đề của Tiểu Đoạn*. Chủ đề này tóm tắt ý tưởng chính trong Tiểu Đoạn hay nói đại ý về nội dung của Tiểu Đoạn.

Mỗi chủ đề được đặt trong một khung có nền xám và các cạnh khung lợt hơn khung của Phân Đoạn. Sau đây là một thí dụ:

**Chủ đề của Tiểu Đoạn**

Khung này được nối tiếp bằng lời giải nghĩa tổng quát chung cho cả Tiểu Đoạn.

## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Chủ đề của Tiểu Đoạn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa* có thể giúp bạn chọn chủ đề của Tiểu Đoạn trong bản dịch của bạn. Bạn cũng nên tham khảo các chủ đề của Tiểu Đoạn trong các bản dịch khác và chủ đề được Sách Giải Nghĩa đề nghị. Hãy nhớ là các chủ đề này không phải là một phần của đoạn kinh văn nguyên thủy, vậy nên, bạn không cần phải chuyển ngữ chủ đề ở trong Sách Giải Nghĩa hay các bản dịch khác. Bạn nên tự đặt ra chủ đề cho bản dịch của bạn, như vậy nó sẽ giúp ích cho người đọc và nghe được tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Muốn viết chủ đề các tiểu đoạn, hãy theo những bước sau đây:

- (1) Nghiên cứu cả phần Kinh Thánh một cách cẩn thận. Sau đó nghĩ về chủ đề của Tiểu Đoạn Kinh Thánh.
- (2) Quyết định làm thế nào để trình bày chủ đề một cách tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn mà chỉ cần dùng một ít từ/một câu ngắn gọn. Chủ đề cần phải được vắn tắt.

### Các Đoạn Văn

*Sách Giải Nghĩa* chia các Tiểu Đoạn thành các đơn vị nhỏ hơn gọi là các Đoạn Văn. Mỗi Đoạn Văn thường có khoảng từ 2 đến 5 câu. Mỗi Đoạn Văn được bắt đầu bằng một khung không có màu không có chữ chỉ có số đoạn và số câu. Thí dụ: Ê-xơ-tê chương 8 từ câu 5 đến câu 17 được trình bày như sau:

#### Đoạn Văn 8:5-17

Theo sau khung này là những lời giải nghĩa tóm tắt ý chính của Đoạn Văn. Thí dụ: Ê-xơ-tê 8:5-17:

Những câu này trái ngược với Ê-xơ-tê 4:1-3. Mạc-đô-chê mặc áo bào thay vì bao gai, và có sự vui mừng thay vì tang chế.

Các Đoạn Văn của Sách Giải Nghĩa thường đi đôi với các Đoạn Văn trong đoạn Kinh Thánh. Tuy nhiên, đôi khi bạn có thể nối hai, ba Đoạn Văn với nhau thành một Đoạn Văn trong bản dịch của bạn, nếu đó là điều cần thiết. Hay bạn có thể tách một Đoạn Văn ra làm mấy phần. Nói một cách khác, những đơn vị này *không bắt buộc phải* giống y như các Đoạn Văn của Kinh Thánh.

---

## Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

---

### Sự Mô tả

Khung ở trên đầu về phía bên phải của mỗi trang giấy chứa đựng Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). Bạn nên dùng PKTCCN với Lời Giải Nghĩa của nó chặt chẽ với nhau. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn hiểu rõ ý nghĩa của đoạn kinh văn bạn đang chuyển ngữ.

Mỗi câu trong đoạn kinh văn được in với *Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG)* và *Câu Định Nghĩa (CDN)* thí dụ:

*1:38b*      *Rồi thiên sứ rời khỏi Ma-ri.*  
Rồi thiên sứ biến đi.

### Câu Kinh Thánh Gốc

Trong Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ câu trên cùng gọi là Câu Kinh Thánh Gốc (thường là từ Bản Dịch Mới hay một bản nào khác sẽ có chú thích). Câu Kinh Thánh Gốc được **in đậm**.

Thỉnh thoảng có thêm một Câu Kinh Thánh Gốc thứ nhì từ bản dịch khác, hàng này cũng được **in đậm**. Thí dụ Công Vụ 18:10a:

**18:10a**      **vì Ta ở với con. Không ai làm hại con được,**  
**(BCG) vì Thầy ở với con; không ai tra tay hại con**  
**được,**

### Sắp Đặt Lại Thứ Tự Câu Kinh Thánh Gốc

Đôi khi thứ tự của các mệnh đề trong Câu Kinh Thánh Gốc được thay đổi thứ tự để có thể diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Đây là một thí dụ sắp đặt lại thứ tự của Công Vụ 16:6a và b:

**16:6**      **Phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti, vì**  
**Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu**  
**Á.**

*16:6A-B*      (ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:)

*16:6b*      *Vì Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu Á,*  
*Phao-lô và Si-la muốn rao giảng Tin Lành tại vùng Tiểu Á,*  
*nhưng Đức Thánh Linh bảo họ không nên đi đến đó.*

**-HAY-**

Họ đã có ý định đi đến vùng Tiểu Á để rao giảng sứ điệp [về Chúa Giê-su] ở tại đó, nhưng Đức Thánh Linh đã ngăn cản họ [đi đến đó].

*16:6a*      *phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti.*

Do đó Phao-lô và những người cộng tác của ông [bấy giờ] đi qua các vùng của xứ Phi-ri-gi và Ga-la-ti.

Nếu cần, dấu ngoặc vuông [ ] được dùng trong Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ để đánh dấu những chữ được thêm vào và giúp cho Câu Kinh Thánh Gốc Sắp Đặt Lại được rõ ràng như trong Công Vụ 16:6a-b ở trên.

---

## Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

---

### Câu Định Nghĩa

Dưới Câu Kinh Thánh Gốc là Câu Định Nghĩa. Câu này bày tỏ ý nghĩa trực tiếp của câu Kinh Thánh theo cách dễ hiểu nhất. Thí dụ, câu này diễn tả ý của các câu thành ngữ hay cách nói tượng hình.

Đôi khi một Câu Định Nghĩa nữa được thêm vào để diễn tả cùng một ý nghĩa bằng một cách khác. Khi có nhiều Câu Định Nghĩa, từ *-HAY-* xuất hiện giữa hai câu để cho thấy là có cách khác để diễn tả cùng một ý. Thí dụ: Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ của Công Vụ 1: 1b giống như thế này:

*1:1b*            *tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu*  
 Tôi đã chọn và ghi rõ nhiều điều Chúa Giê-su đã dạy và đã làm  
*-HAY-*  
 Tôi đã kể lại rất nhiều việc Chúa Giê-su đã dạy bảo và đã thực hiện

Nếu có các cách giải thích khác nhau cho cùng một câu, chúng được liệt kê và giải thích trong Lời Giải Nghĩa chứ không có trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ. Chỉ có cách giải thích đề nghị (cách đầu tiên) là được in trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ.

### Tin Tức Hàm Ý

Trong một vài trường hợp, để cho người đọc hiểu ý nghĩa của một câu, người đọc cần được cung cấp thêm tin tức. Trong trường hợp đó, Câu Định Nghĩa, được thêm tin tức hàm ý này trong ngoặc vuông [ ], để cho thấy rằng những tin tức được thêm vào này không có ghi rõ ràng trong nguyên bản.

Thí dụ:

*1:6b*            *“Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?”*  
 “Thưa Chúa, bây giờ Chúa sẽ làm vua trên [chúng tôi và cả] dân Y-sơ-ra-ên như [Vua Đa-vít đã trị vì trong Cựu Ước?]”

Hãy nhớ là mục đích đầu tiên của Câu Định Nghĩa là để giúp cho bạn hiểu rõ phần kinh văn. Bạn là người quyết định cách chuyển ngữ ý nghĩa ấy và có nên thêm tin tức hàm ý hay không.

---

## Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

---

### Cách sắp đặt Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ được sắp đặt cùng một cách như Sách Giải Nghĩa

- Phân Đoạn,
- Tiểu Đoạn,
- Đoạn Văn.

### Phân Đoạn

Hầu hết trong mọi trường hợp, chủ đề của những Phân Đoạn không tìm thấy trong Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). PKTCCN không có nhiều chủ đề, vì nó chỉ là một thí dụ cho một số chủ đề, có thể bạn muốn có trong bản dịch của bạn, một vài hình ảnh thay vì trình bày cho nguyên cả sách.

### Tiểu Đoạn

Phần bắt đầu của một Tiểu Đoạn được đánh dấu trong Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ giống ở trong các Lời Giải Nghĩa. Câu *chủ đề của Tiểu Đoạn* được in vào trong một khung in lợt và có nền màu xám:

**Chủ đề của Tiểu Đoạn**

### Các Đoạn Văn

Các phần được bắt đầu bằng một dấu (¶) trong Câu Định Nghĩa. Dấu này xác nhận những chỗ bạn có thể bắt đầu một phần mới. Thí dụ:

*1:1a*            *Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,*  
 ¶ Thư này của Phao-lô và Ti-mô-thê, các đầy tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, [tôi], Phao-lô

---

## Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ

Các bước cho mỗi sách	
Bước	Điều nên làm
1	Đọc suốt cả sách bạn định chuyển ngữ.
2	Đọc các phần, Giới Thiệu, Dàn Bài, và Tóm Tắt trong <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i> . Làm như vậy, nó sẽ giúp bạn hiểu rõ mục đích, bối cảnh và nội dung của sách.

Các bước cần phải theo cho mỗi Tiểu Đoạn		
Bước	Hành động	Mô tả hành động
1	<b>HÃY ĐỌC</b> tiểu đoạn bạn sắp chuyển ngữ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc kỹ tiểu đoạn trong ít nhất là hai bản dịch tiếng Việt khác nhau, thí dụ, Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) Bản Diễn Ý (BDY) và Bản Công Giáo (BCG). Nếu có một bản dịch nào khác có ngôn ngữ gần với ngôn ngữ của bạn, hay một ngôn ngữ nào đó mà bạn đọc viết và hiểu thông thạo, bạn nên đọc thêm bản dịch đó.</li> </ul>
2	<b>HÃY NGHIÊN CỨU</b> ý nghĩa của tiểu đoạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm chủ đề chính của tiểu đoạn.</li> <li>• Hãy suy nghĩ về sự liên hệ giữa tiểu đoạn này với các tiểu đoạn trước và sau.</li> <li>• So sánh với các bản dịch khác mà bạn đang có.</li> <li>• Ghi chú những chỗ có ý nghĩa không rõ ràng hay chỗ khó chuyển ngữ như cách nói tượng hình, câu hỏi tu từ hay sự khác biệt về văn hoá.</li> <li>• Dùng các sách giải nghĩa khác, nhất là <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i>, để giải quyết những nan đề bạn tìm thấy.</li> </ul>
3	<b>HÃY SUY NGHĨ</b> về cách bạn sẽ chuyển ngữ tiểu đoạn này sang ngôn ngữ của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Suy nghĩ về cách bạn sẽ chuyển ngữ cho cả nguyên tiểu đoạn trước khi bạn bắt đầu.</li> <li>• Cố gắng chuyển ngữ liên tục suốt cả đoạn, không nên dừng lại sau mỗi câu. Làm như vậy sẽ giúp cho bản dịch của bạn được tự nhiên hơn. Bạn có thể sửa chữa bản văn cho chính xác sau đó.</li> <li>• Một số người chuyển ngữ tin rằng, việc nói vào máy ghi âm trước, rất giúp ích cho họ.</li> </ul>
4	<b>HÃY GHI</b> xuống trên giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bắt đầu ghi xuống trên giấy bản dịch của tiểu đoạn.</li> <li>• Suy nghĩ tìm cách diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Có thể cần đọc lại nhiều lần những gì bạn vừa ghi xuống.</li> <li>• Xét lại từng chi tiết trong bản dịch của bạn với các bản dịch tiếng Việt để xem các từ ngữ bạn vừa dùng có chính xác hay không. Điều quan trọng là bạn không nên đổi ý, thêm ý, hay bỏ qua một ý nào cả.</li> </ul>
5	<b>HÃY ĐỌC</b> bản dịch của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc lớn tiếng tiểu đoạn bạn vừa dịch cho chính tai bạn nghe, để xem thử nó có được tự nhiên, rõ ràng, và dễ hiểu không?</li> <li>• Đọc tiểu đoạn bạn vừa chuyển ngữ cho vài người khác nghe và hỏi họ nghe có tự nhiên không. Nếu họ bảo không tự nhiên, thay đổi từ ngữ, cách dùng văn phạm, cho đến khi dễ hiểu và dễ đọc.</li> </ul>



## Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ

---

### Chuyển ngữ theo ý nghĩa

Việc quan trọng mà người chuyển ngữ cần phải luôn luôn để ý là: *Tìm một từ diễn đạt đúng ý nghĩa của từ trong bản gốc.*

Không bao giờ nên chuyển ngữ theo từng từ một. Thay vào đó, bạn phải:

- Hiểu ý nghĩa đúng của bản gốc. Nghiên cứu cẩn thận để tìm chiều sâu của ý nghĩa mà bạn không ngờ tới.
  - Tìm cách diễn tả ý nghĩa ấy qua ngôn ngữ của bạn một cách chính xác, rõ ràng và tự nhiên.
- 

### Thay đổi thứ tự nếu cần

Có nhiều lúc bạn cần phải thay đổi thứ tự của các từ hay nhóm từ để truyền thông ý nghĩa sang ngôn ngữ của bạn cách rõ ràng. Tìm những thứ tự khác nhau để có thể diễn tả ý nghĩa rõ ràng và tự nhiên nhất.

---

### Thay đổi chiều dài của câu

Có thể đôi khi bạn cần phải dùng mấy câu ngắn để chuyển ngữ một câu dài trong bản gốc. Có lúc bạn lại phải cần nối mấy câu ngắn lại với nhau. Bạn phải diễn tả ý nghĩa chính xác theo cách mà các người đọc thấy dễ hiểu nhất.

---

### Làm sáng tỏ ý nghĩa của các thành ngữ và cách nói tượng hình

Cách để chuyển ngữ các *thành ngữ* hay *cách nói tượng hình* trong bản gốc được rõ ràng là chuyển ngữ theo ý nghĩa, không chuyển ngữ theo từng từ một; có nghĩa là bạn dùng cách nói nào đó trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt đúng ý nghĩa theo bản gốc. Đôi khi bạn nên dùng một thành ngữ hay cách nói tượng hình trong ngôn ngữ bạn nếu nó phù hợp với ý nghĩa của bản gốc, đó cũng là cách để truyền thông ý nghĩa của bản dịch gốc đến người đọc một cách rõ ràng.

---

## Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn

---

**Điều gì có ích? Điều gì không có ích?**

Chúng tôi mong muốn *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi thực tế cho người chuyển ngữ. Xin vui lòng cho chúng tôi biết:

- (a) những điều bạn tìm thấy trong *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi và bạn đang dùng nó, (kể cả các lời hướng dẫn), và....
- (b) những điều bạn nghĩ nên sửa đổi theo một cách nào khác vì bạn không dùng nó được. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét, phê bình và đề nghị của các bạn.

Chúng tôi cần bạn góp ý!

---

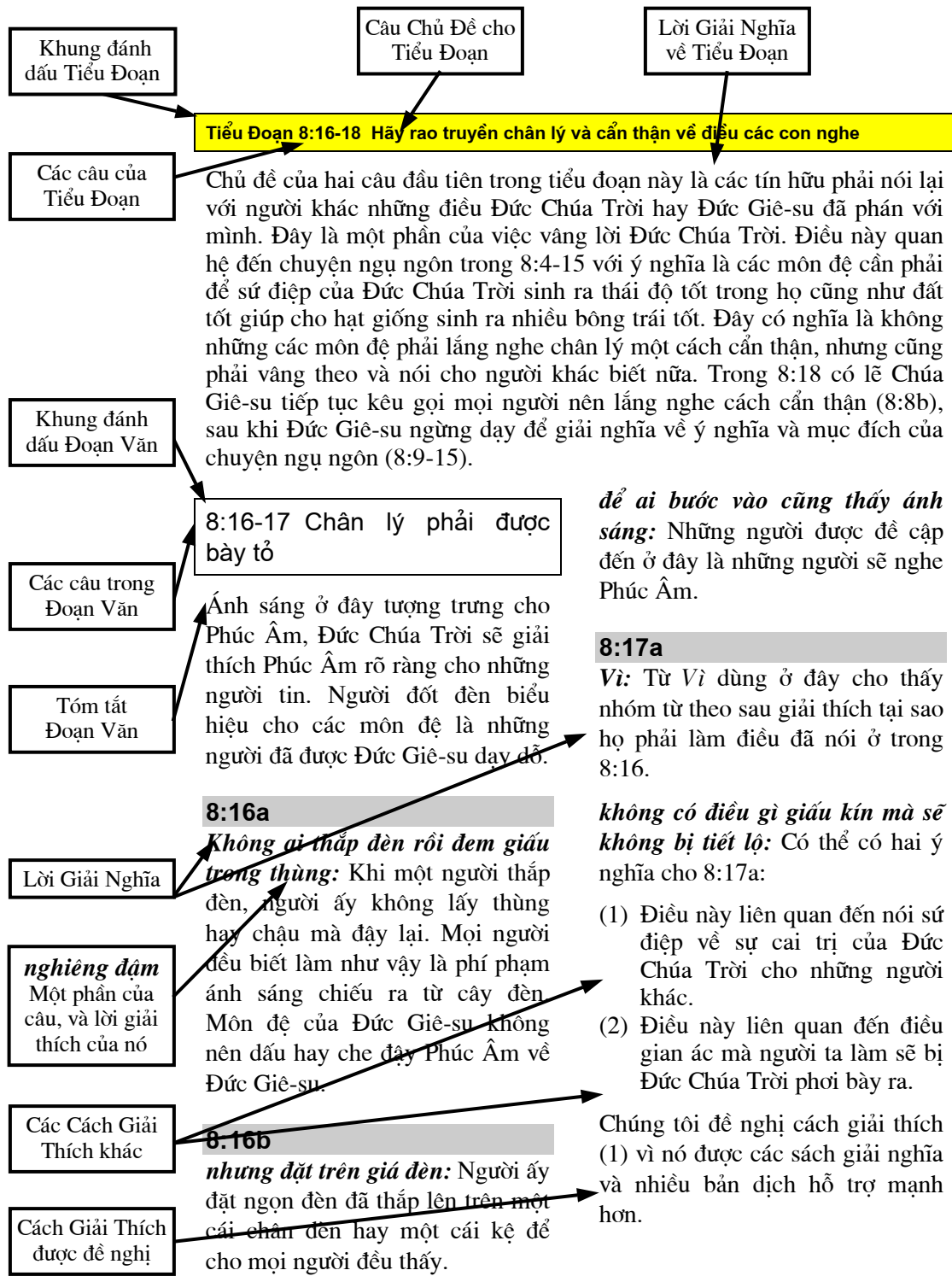
**Người đón nhận ý kiến:**

Xin vui lòng gửi ý kiến của bạn đến:

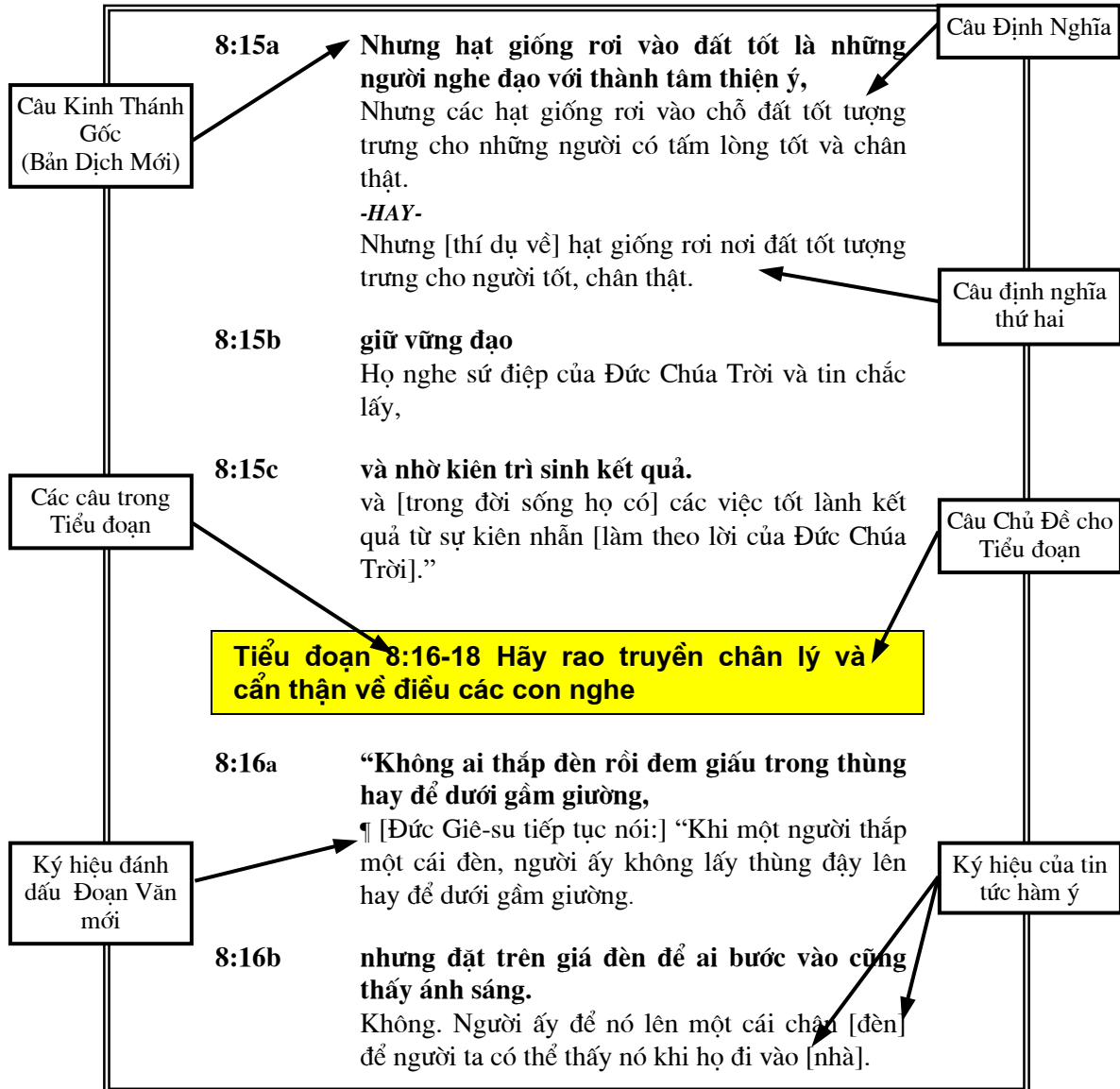
*Bộ Sách Giải Nghĩa*  
Study Guides Press  
P.O. Box 382006  
Duncanville, Texas 75138  
USA

---

# CÁC THÀNH PHẦN CỦA SÁCH GIẢI NGHĨA



# CÁC THÀNH PHẦN CỦA CÂU ĐỊNH NGHĨA



## GIỚI THIỆU THƯ GỬI CHO ÔNG TÍCH

Có lẽ sứ đồ Phao-lô viết thư cho môn đệ Tích cùng một lúc với thư thứ nhất gửi cho môn đệ Ti-mô-thê. Việc này xảy ra vào khoảng 30 hay 35 năm sau khi Chúa Giê-su bị đóng đinh. Hai sách Tích và 1 Ti-mô-thê rất giống nhau. Thật ra, ngoại trừ phần mở đầu, phần kết luận và các lời ở trong 2:11—14 và 3:3—7, tất cả mọi điều được viết ở trong sách Tích đều có ở trong sách 1 Ti-mô-thê. Vì lý do này, người ta gọi sách Tích là “tiểu sách 1 Ti-mô-thê”. Hai sách này, cùng với sách 2 Ti-mô-thê, đối phó với các vấn đề về chức vụ mục sư. Vì vậy nên chúng được gọi là Thư Tín cho Các Mục Sư.

Trước khi sứ đồ Phao-lô viết thư này cho môn đệ Tích, họ đang ở trên đảo Co-rét. Khi sứ đồ Phao-lô rời Co-rét, sứ đồ bảo môn đệ Tích ở lại đó để ông có thể chăm sóc và tổ chức những nhóm tín hữu mới. Sứ đồ Phao-lô cũng muốn môn đệ Tích bổ nhiệm các trưởng lão cho mỗi hội thánh của mỗi thị trấn. Trong phần đầu của thư, sứ đồ Phao-lô nhắc ông Tích về điều này (1:5). Sứ đồ Phao-lô cũng xin ông Tích quy hoạch để phối hợp với ông ở thị trấn Ni-cô-bô-li. Sứ đồ Phao-lô nói với ông Tích về hai ông, A-tê-ma và Ty-chi-cơ. Sứ đồ Phao-lô nói rằng một trong hai người này sẽ tiếp tục chức vụ mục sư trên đảo Co-rét sau khi ông Tích rời đó để đi đến thị trấn Ni-cô-bô-li.

Trước khi ông Tích đi đến thị trấn Ni-cô-bô-li, sứ đồ Phao-lô cho ông một số chỉ thị đặc biệt để thi hành trong chức vụ mục sư. Các chỉ thị này được dùng làm chuẩn cho việc lãnh đạo hội thánh và chúng là sứ điệp cơ bản của thư. Tóm lại, dưới đây là danh sách của các chủ đề chính mà sứ đồ Phao-lô đã viết:

1. Một trong những điều chính là “làm điều thiện”. Sứ đồ Phao-lô đề cập đến điều này ở trong 1:16, 2:7, 2:14, 3:1, và 3:8.
2. Sứ đồ Phao-lô dạy môn đệ Tích về những mẫu người như thế nào cần được chọn vào các chức vụ trưởng lão, và trưởng lão phải có đời sống như thế nào (1:5—9).
3. Sứ đồ Phao-lô báo trước cho ông Tích về việc các giáo sư giả và những cử chỉ của họ (1:10—16; 3:9—11).
4. Sứ đồ Phao-lô dạy ông Tích cách chăm sóc các nhóm người khác nhau ở trong hội thánh (2:1—10).
5. Sứ đồ Phao-lô nói về giáo lý cơ bản của Cơ Đốc Giáo trong hai đoạn này (2:11—14; 3:4—8).

Người chuyển ngữ nên chú ý đến hai thư khác dành cho các mục sư, đó là 1 và 2 Ti-mô-thê. Hãy để ý rằng trong ba sách này có nhiều chủ đề và từ vựng giống nhau. Vậy cũng nên để ý đến việc dùng từ để chuyển ngữ cho nhất quán trong ba sách này (thí dụ: “tin kính”, hay “trưởng lão”). Nếu bạn đã chuyển ngữ sách 1 và 2 Ti-mô-thê, nên có sẵn các bản dịch đó để so sánh những đoạn Kinh Thánh giống nhau.

## DÀN BÀI CỦA SÁCH TÍCH

<b>Tiểu đoạn</b>	<b>Chương/Câu</b>
Chào thăm	1:1—4
Sứ đồ Phao-lô viết cho ông Tích về việc bổ nhiệm các trưởng lão của hội thánh	1:5—9
Sứ đồ Phao-lô báo trước cho ông Tích về các tiên tri giả và những cử chỉ của họ như thế nào	1:10—16
Sứ đồ Phao-lô chỉ dẫn ông Tích về cách con dân Chúa nên cư xử	2:1—10
Đức Chúa Trời cứu nhân loại khỏi sự hư mất vì tội lỗi của họ	2:11—15
Chỉ dẫn cho các con dân Chúa cách sống giữa những người chưa tin Chúa	3:1-11
Các lời chỉ dẫn và chào thăm cuối cùng	3:12-15

## TÓM LƯỢC SÁCH

Sứ đồ Phao-lô và môn đệ Tích cùng làm việc trên đảo Co-rét để giảng Phúc Âm và thành lập hội thánh ở đó. Sau đó sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích ở lại trên đảo Co-rét để làm mục sư cho các tín đồ mới. Sau đó sứ đồ Phao-lô viết thư này cho ông Tích để nhắc ông về thái độ của các trưởng lão và những gì ông cần dạy các tín đồ có tuổi tác khác nhau. Sứ đồ Phao-lô báo trước cho ông Tích về cách hành động của các giáo sư giả mạo, và viết về các lẽ thật cơ bản về các sự dạy dỗ Cơ Đốc. Một chủ đề được sứ đồ Phao-lô lặp đi lặp lại trong suốt lá thư là “làm việc thiện”. Ông bảo ông Tích phải biết chắc là đời sống ông phải làm gương tốt cho các tín đồ noi theo. Thư sứ đồ Phao-lô viết cho ông Tích cùng các sách 1 và 2 Ti-mô-thê được gọi là “Thư tín cho mục sư” bởi vì tác giả nhấn mạnh cách mà mục sư nên hướng dẫn hội thánh như thế nào.

# LỜI GIẢI NGHĨA SÁCH TÍCH

## Tên Sách

Trong Kinh Thánh Bản Dịch Mới (BDM), chủ đề của sách này là *Thư Của Phao-lô Gửi Tích*. Có thể chuyển ngữ là *Thư sứ đồ Phao-lô viết cho ông Tích*, hay *Thư sứ đồ Phao-lô gửi cho môn đệ Tích*. Đối với một số ngôn ngữ cần phải dùng nguyên một câu cho chủ đề. Thí dụ: *Đây là thư Phao-lô viết cho Tích*, hay *Đây là những điều sứ đồ Phao-lô viết cho ông Tích*.

### Tiểu đoạn 1:1-4 Lời chào thăm

Trong thời Tân Ước, một Cơ-đốc nhân thường bắt đầu lá thư với ba điều: Tên của người viết thư, tên của người hay nhóm người nhận thư, và lời chào thăm trong Chúa. Sứ đồ Phao-lô bao gồm cả ba điều này trong thư gửi cho ông Tích.

- Trong 1:1—3, sứ đồ Phao-lô tự giới thiệu chính ông là tác giả của thư.
- Trong 1:4a, sứ đồ Phao-lô cho biết tên người nhận thư là ông Tích.
- Trong 1:4b, sứ đồ Phao-lô chào thăm ông Tích theo cách của Cơ đốc nhân.

Khi dân chúng trong địa bàn của bạn viết thư, có lẽ họ viết theo một lối khác, có lẽ họ để tên của người viết ở cuối thư giống như cách chúng ta viết thư bằng tiếng Việt. Tuy nhiên, khi bạn chuyển ngữ sách Tích, bạn nên giữ tên của người viết, tên của người nhận và những lời chào thăm ở phần bắt đầu của thư. Sau khi bạn đã quyết định cách tốt nhất và cũng tự nhiên nhất để xử dụng đối với ngôn ngữ của bạn, hãy làm như vậy trong tất cả thư của sứ đồ Phao-lô mà bạn sẽ chuyển ngữ.

Hãy đọc cẩn thận 1:1-4 trong BDM, BDC và BDY. Sau đó đọc các lời giải nghĩa sau đây trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ. Trong bản Hy-lạp, tiểu đoạn này là một câu dài. BDM và BDY chia ra thành nhiều câu ngắn. Bạn cũng có thể dùng nhiều câu để diễn tả các ý tưởng khác nhau mà sứ đồ Phao-lô đề cập đến trong phần này.

### Đoạn văn 1:1–3

#### 1:1a

**Phao-lô:** Sứ đồ Phao-lô bắt đầu thư của ông bằng cách nói tên của mình, và sau đó nói thêm một ít về chính ông. Bạn nên để tên của sứ đồ Phao-lô ở vị trí nào trong câu mà người nói ngôn ngữ của bạn thường dùng.

Đối với một số ngôn ngữ, khi nói về chính mình dùng ngôi thứ ba nghe không tự nhiên. Thí dụ, có thể ngôn ngữ của bạn nói: “Thư này từ sứ đồ Phao-lô”, hay “sứ đồ Phao-lô là người viết cho ông” thì nghe không được tự nhiên. Có thể ngôn ngữ của bạn nói: “Thư này của tôi, Phao-lô”, hay “Tôi, Phao-lô, viết thư cho ông (hay con)” nghe tự nhiên hơn.

**tôi tớ của Đức Chúa Trời:** Cụm từ *tôi tớ* có nghĩa là “nô lệ” (cùng một từ được dùng ở

trong 2:9). Sứ đồ Phao-lô nói rằng ông là nô lệ của Đức Chúa Trời, ông thuộc về Đức Chúa Trời, và ông hầu việc Đức Chúa Trời bằng cách làm những điều Ngài bảo ông làm. Nếu ngôn ngữ của bạn có từ “nô lệ”, bạn nên dùng nó ở đây thay vì dùng từ kẻ “hầu việc/tôi tớ” vì *tôi tớ/hầu việc* diễn tả rằng sứ đồ Phao-lô được trả tiền công. Nếu ngôn ngữ của bạn không có một danh từ cho từ này, bạn có thể chuyển ngữ giống như “Tôi hầu việc Đức Chúa Trời”. Sứ đồ Phao-lô bắt đầu trong nhiều thư tín của ông bằng cách tự xưng mình là “một nô lệ của Đức Chúa Trời”, bạn nên nhất quán trong việc chuyển ngữ nhóm từ này.

#### 1:1b

**sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su:** Điều thứ nhì mà sứ đồ Phao-lô nói về chính ông: ông là sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su. Từ *sứ đồ*

trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là người được sai đi để làm một công việc. Đức Chúa Trời sai người ta đi đến những nơi khác nhau để nói cho dân chúng biết về Ngài. Đây là một trong những ý nghĩa chính của từ *sứ đồ*. Phao-lô đang nói là Chúa Cứu Thế Giê-su sai ông đi đến nhiều chỗ khác nhau để làm việc cho Chúa và nói cho người ta biết về Ngài. Hãy xem từ *sứ đồ* trong Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách này.

**Chúa Cứu Thế:** (Tiếng Hy-lạp: Christos, BDC: Christ, BCG: Ki-tô) Trong Tân Ước, từ này được dùng bằng hai cách. Trong bốn sách Phúc Âm, nó được dùng như là một danh hiệu của Chúa Giê-su. Trong tiếng Hy-lạp nó có nghĩa là “Người đã được xúc dầu”. Nói một cách khác “Người được chọn bởi Đức Chúa Trời để cứu dân sự của Ngài khỏi bị hư mất vì tội lỗi của họ”. Tuy nhiên, đến thời điểm sứ đồ Phao-lô viết các thư tín thì từ “Christos” đã trở thành tên của Chúa Giê-su thay vì là một danh hiệu. Muốn biết thêm chi tiết về *Chúa Cứu Thế* xin xem Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách này.

### 1:1c

**nhằm:** Từ *nhằm* được đặt ở phần đầu của mệnh đề này cho thấy mục đích Đức Chúa Trời đã chọn sứ đồ Phao-lô làm việc cho Ngài và khiến ông trở nên sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su.

**đức tin những người được Đức Chúa Trời chọn:** Nhóm từ *người được Đức Chúa Trời chọn* có nghĩa là những người mà Đức Chúa Trời chọn để tin Ngài và trở nên dân sự đặc biệt của Ngài. Bạn có thể chuyển ngữ là:

người Đức Chúa Trời đã chọn [để trở nên dân sự đặc biệt của Ngài].

-HAY-

...là người mà Đức Chúa Trời đã chọn [để theo Ngài].

Trong Cựu Ước người Do Thái được gọi là “dân Đức Chúa Trời đã chọn”. Trong Tân Ước có những từ tương tự dùng để nói về những Cơ đốc nhân.

Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với điều Sứ đồ Phao-lô muốn nói khi ông nói rằng ông là người hầu việc của Đức Chúa Trời và sứ đồ của Chúa Giê-su *để giúp đỡ đức tin*

*những người được Đức Chúa Trời chọn*. Có hai cách để hiểu ý nghĩa câu này ở đây:

- (1) Sứ đồ Phao-lô muốn nói rằng công việc của ông là dạy các tín đồ tin tưởng mạnh mẽ hơn nơi Chúa Giê-su (BDM). “để giúp đỡ đức tin của những người được Đức Chúa Trời chọn”.
- (2) Sứ đồ Phao-lô muốn nói rằng công việc sứ đồ của ông là đem Phúc Âm đến với những người chưa biết, để họ tin nhận Chúa Giê-su (BDC, BCG, BDY).

Cả hai đều là công việc của sứ đồ Phao-lô, nhưng chúng ta không biết chắc chắn là sứ đồ Phao-lô chú trọng đến điều nào ở đây. Nếu bạn có thể chuyển ngữ câu này bao gồm cả hai ý, bạn nên làm như vậy. Tuy nhiên, nếu bạn phải chọn một trong hai, thì đề nghị bạn nên chọn ý thứ nhất. Trong thư gửi cho ông Tích, sứ đồ Phao-lô nói về việc dạy các tín hữu đúng theo Lời của Đức Chúa Trời và những người tin Chúa phải có đời sống như thế nào. Do đó, có lẽ trong câu 1:1c sứ đồ Phao-lô nói về việc giúp đỡ các tín hữu có đức tin mạnh mẽ hơn. Đây là một vài cách để sắp đặt lại câu 1:1c:

[Trách nhiệm của tôi là] giúp đỡ những người đã được Đức Chúa Trời chọn tin [Ngài].

-HAY-

[Chúa Cứu Thế Giê-xu cho tôi một công việc] giúp đỡ những người mà Đức Chúa Trời đã chọn để có đức tin nơi [Ngài] mạnh mẽ hơn.

### 1:1d

**sự nhận biết chân lý:** Mục đích thứ hai trong công việc của sứ đồ Phao-lô là giúp đỡ người ta biết *chân lý*. Thường ở trong các sách 1 Ti-mô-thê, 2 Ti-mô-thê và Tích từ *chân lý* nói đến Phúc Âm. Nhưng ở đây cụm từ này có nghĩa là sự dạy dỗ về Cơ Đốc Giáo, bao gồm sự dạy dỗ về Chúa Giê-su và những gì chính Chúa Giê-su đã dạy. Các cách khác để chuyển ngữ *chân lý* là: “sự dạy dỗ đúng”, hay “những sự thật về Chúa Giê-su”. Nếu bạn chuyển ngữ *chân lý* là “sự dạy dỗ thật từ Chúa Giê-su”, hãy cẩn thận đừng để người đọc nghĩ rằng các sự dạy dỗ khác của Chúa Giê-su không phải là sự thật.



**Tiểu đoạn 1:1-4 Lời chào thăm**

- 1:1a** **Tôi là Phao-lô, tôi tớ của Đức Chúa Trời**  
 [Thư này của ta,] Phao-lô. [Ta] làm việc cho Đức Chúa Trời  
 -HAY-  
 [Ta,] Phao-lô, tôi tớ của Đức Chúa Trời [ta viết thư này cho con]
- 1:1b** **và sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su,**  
 và [ta là] sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su,/.  
 -HAY-  
 và ta đã được Chúa Cứu Thế Giê-su sai ta [làm việc này cho Đức Chúa Trời],/.
- 1:1c** **nhằm mục đích giúp đỡ đức tin những người được Đức Chúa Trời chọn,**  
**(BDY) có nhiệm vụ đem đức tin đến cho những người được Thượng Đế lựa chọn,**  
 để cho đức tin của những người được Đức Chúa Trời chọn được vững vàng,  
 -HAY-  
 [Trách nhiệm/Bổn phận của ta là] giúp đỡ những người đã được Đức Chúa Trời chọn [theo Ngài] tin Ngài một cách mạnh mẽ,  
 -HAY-  
 làm cho mạnh mẽ đức tin của những người được Đức Chúa Trời chọn,
- 1:1d** **và giúp cho sự nhận biết chân lý, là điều đem lại nếp sống tin kính**  
**(BDY) và dạy họ chân lý có khả năng đổi mới con người,**  
 và họ sẽ biết rõ hơn về sự dạy dỗ [của Chúa Giê-su]. [Nhờ biết sự dạy dỗ này] họ sẽ [học cách] ăn ở đẹp lòng Đức Chúa Trời.  
 -HAY-  
 và [để giúp đỡ họ] biết sự dạy dỗ thật, điều đó sẽ giúp họ cư xử trong một cách cho thấy là họ tôn kính Đức Chúa Trời.

*là điều đem lại nếp sống tin kính:* Từ Hy-lạp *eusebeia* được dùng ở đây mà BDM chuyển ngữ là *nếp sống tin kính*, từ này được dùng nhiều lần ở trong các sách 1 Ti-mô-thê, 2 Ti-mô-thê và Tít. Ý nghĩa được dùng hầu hết là: “Sống đẹp lòng Đức Chúa Trời” hay “Cư xử trong một cách cho thấy rằng một người kính sợ, tôn trọng Đức Chúa Trời và đầu phục Ngài”. Một cách khác để chuyển ngữ:

giúp họ biết lẽ thật chỉ cho họ biết cách hầu việc Đức Chúa Trời.

“Chân lý” hay “sự dạy dỗ đúng” có ý nghĩa trừu tượng. Đối với một số ngôn ngữ khó để mà nói về “chân lý” hướng dẫn (hay “dạy dỗ” hay “giúp đỡ”) người ta sống một cách tin kính. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng như vậy, sau đây là một cách bạn có thể chuyển ngữ:

Nếu người ta theo sự dạy dỗ đúng này, họ sẽ cư xử một cách kính sợ Đức Chúa Trời.

**1:2a**

**trong niềm hy vọng sống vĩnh phúc:** Chuyển ngữ theo nghĩa đen trong phần đầu của 1:2 là “với niềm hy vọng sống vĩnh phúc”. Có thể hiểu: *Niềm hy vọng sống vĩnh phúc* là mục đích hay kết quả của đức tin và sự nhận biết trong câu 1:1. Đây làm sáng tỏ ý nghĩa nhất trong ngữ cảnh này. BCG: với niềm hy vọng được sự sống đời đời; BDC: trông cậy sự sống đời đời; BDY: cốt để họ được sống vĩnh cửu.

**niềm hy vọng sống vĩnh phúc:** Đối với các con dân Chúa, *sống vĩnh phúc* là mục tiêu tối hậu của việc tin Chúa Giê-su và biết chân lý của Ngài.

**niềm hy vọng:** Từ “hy vọng” đôi khi có nghĩa là không biết chắc những gì sẽ xảy ra. Ví dụ, khi chúng ta nói: “Tôi hy vọng trời không mưa”, có nghĩa là chúng ta không muốn trời mưa, nhưng chúng ta không biết trời sẽ có mưa hay không. Nhưng trong Tân Ước *hy vọng* có nghĩa là “mong đợi một cách chắc chắn” hay “mong đợi điều chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai”. Người Cơ Đốc biết một cách chắc chắn rằng Đức Chúa Trời sẽ thực hiện điều Ngài đã hứa. Như thế, họ có thể tin những gì Ngài nói mà không có một chút nghi ngờ. Đối với nhiều ngôn ngữ, nó sẽ được rõ ràng hơn, nếu bạn chuyển ngữ *hy vọng* như là một động từ: “Mong đợi một cách chắc chắn được sống mãi mãi với Đức Chúa Trời.”

**sống vĩnh phúc: (BDC: sự sống)** *Sự sống vĩnh phúc* thường được chuyển ngữ là “đời sống mà không chấm dứt”, hay “sống với Đức Chúa Trời đời đời”.

**1:2b**

**mà Đức Chúa Trời, Đáng không hề nói dối, đã hứa từ trước khi có thời gian:** Đức Chúa Trời không nói dối, do đó khi Ngài hứa, chắc chắn Ngài sẽ giữ lời. Khi Đức Chúa Trời hứa ban sự sống đời đời cho những ai tin nhận Chúa Giê-su, chúng ta có thể tin chắc rằng đó là sự thật.

**từ trước khi có thời gian:** Đức Chúa Trời đã hứa trước khi Ngài tạo nên vũ trụ và loài người. (BDY dịch: “trước khi [Ngài] sáng tạo trời đất”.)

Đây là một vài cách bạn có thể dùng để chuyển ngữ câu này:

[Kết quả là], họ có thể mong đợi sống đời đời [với Đức Chúa Trời] vì đây là điều Ngài đã hứa trước khi Ngài sáng tạo vũ trụ này. [Họ có thể biết chắc chắn rằng họ sẽ sống đời đời/vĩnh viễn vì] Đức Chúa Trời chẳng hề nói dối.

-HAY-

[Do đó] họ mong đợi sống mãi mãi [với Đức Chúa Trời] vì đó là điều Đức Chúa Trời đã hứa. Trước khi Ngài sáng tạo thế gian Ngài đã hứa điều này/như thế. [Vì] Ngài luôn luôn nói sự thật, [họ biết chắc điều này sẽ xảy ra].

**1:3a**

**Vào đúng thời kỳ:** Đây có nghĩa là “lúc mà Đức Chúa Trời đã chọn”. Đức Chúa Trời luôn luôn quy hoạch điều Ngài sẽ làm trước khi làm. Các biến cố xảy ra đúng vào lúc Đức Chúa Trời đã lựa chọn cho chúng xảy ra.

**Ngài bày tỏ Lời Ngài:** Cụm từ *Lời Ngài* nói đến Phúc Âm. Câu này bắt đầu một ý mới, dù có liên hệ. Thêm vào đó, là lời hứa về sự sống đời đời, Đức Chúa Trời cũng bày tỏ Lời của Ngài (Phúc Âm) qua sự dạy dỗ của sứ đồ Phao-lô. BDC chuyển ngữ giống BDM; BCG chuyển ngữ: “Người đã biểu lộ lời Người”. BDY chuyển ngữ là “Thượng Đế bày tỏ Phúc Âm”.

**1:3b**

**qua việc truyền giảng Phúc Âm:** Sự giảng dạy của sứ đồ Phao-lô là phương tiện mà Đức Chúa Trời dùng để bày tỏ lời của Ngài cho con người. Ở đây sứ đồ Phao-lô bàn lại điều ông đã bắt đầu trong 1:1. Ông nói lại về việc làm của ông.

**1:3c**

**đã được uỷ nhiệm cho tôi:** Đức Chúa Trời đã giao cho ông công việc này để làm, và Ngài muốn ông làm một cách tận tụy.

**theo lệnh của Đức Chúa Trời:** Đức Chúa Trời là Đấng giao cho sứ đồ Phao-lô công việc giảng dạy. Sứ đồ Phao-lô đã nói rằng: “Tôi làm công việc giảng Phúc Âm vì Đức Chúa Trời, Cứu Chúa của chúng ta bảo tôi làm” hay “...sai tôi làm điều đó”.

<b>1:2a</b>	<b>trong niềm hy vọng sống vĩnh phúc (BDY) cốt để họ được sống vĩnh cửu.</b>
	Rồi họ mong sẽ được sống mãi mãi [với Ngài]
	<b>-HAY-</b>
	[Bởi vì họ tin Đức Chúa Trời và biết sự dạy dỗ đúng,] họ mong đợi một cách chắc chắn rằng họ sẽ được sống mãi mãi
	<b>-HAY-</b>
	[Kết quả là] họ mong được sống mãi mãi [với Đức Chúa Trời]
<b>1:2b</b>	<b>mà Đức Chúa Trời, Đấng không hề nói dối, đã hứa từ trước khi có thời gian.</b> vì, trước khi sáng tạo ra thế giới này, Đức Chúa Trời hứa rằng [dân sự của Ngài] sẽ sống mãi mãi [với Ngài. Chúng ta có thể tin chắc điều này là thật vì] Ngài không bao giờ nói dối.
<b>1:3a</b>	<b>Vào đúng thời kỳ, Ngài bày tỏ Lời Ngài</b> Đến khi Đức Chúa Trời đã quyết định là đúng thời điểm, Ngài khiến cho người ta biết sứ điệp của Ngài.
<b>1:3b</b>	<b>qua việc truyền giảng Phúc Âm</b> qua công việc giảng [Phúc Âm] của ta.
<b>1:3c</b>	<b>đã được uỷ nhiệm cho tôi theo lệnh của Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi chúng ta.</b> Đây là việc của Đức Chúa Trời, Ngài là Đấng cứu chúng ta, đã phán/bảo tôi làm và giao trách nhiệm đó cho tôi.
<b>1:4a</b>	<b>Mén gọi Tích, con thật của ta trong đức tin chung.</b> [Ta viết thư này] cho [con,] Tích. [Con như là] con thật của ta vì con và ta đều tin [Chúa Cứu Thế Giê-su].

**Đấng cứu rỗi chúng ta:** Ngôn ngữ của bạn có thể có một từ để diễn tả *Đấng cứu rỗi*, hay bạn có thể nói “Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu chúng ta [khỏi tội lỗi]”. Hãy xem từ Chúa trong Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách này. Cụm từ *chúng ta* ở đây nói đến tất cả các con dân Chúa. Sau đây là chuyển ngữ mẫu của 1:3,

**1:3a** Vậy thì, vào đúng thời điểm mà Ngài đã ấn định, Ngài làm cho người ta biết Phúc Âm. **3b** [Ngài đã làm điều này] bằng cách sai tôi đi truyền giảng lời của Ngài, **3c** vì đó là việc mà Đức Chúa Trời, Cứu Chúa của chúng ta, bảo tôi làm.

#### Đoạn văn 1:4a

#### 1:4a

Sau khi sứ đồ Phao-lô đã bàn luận trong 1:1-3 về việc làm của ông như một sứ đồ, ở đây ông cho biết tên của người mà ông viết thư cho.

**con thật của ta:** Hãy cẩn thận khi chuyển ngữ *con thật của ta*. Ông Tích không phải là con ruột về phần thể xác của sứ đồ Phao-lô. Có lẽ sứ đồ Phao-lô nói rằng ông Tích là *con* của ông bởi vì sứ đồ Phao-lô là người đã giúp đỡ cho ông Tích tin Chúa Giê-su. Hay có lẽ sứ đồ Phao-lô gọi ông Tích là *con* của ông bởi vì ông có cảm tình nhiều với ông Tích, và ông Tích nhỏ tuổi hơn ông. Trong bản dịch của

bạn, bạn có thể thêm từ “giống”, thí dụ: “Con giống như con thật của ta”, hay “Giống như con là con thật của ta”.

**thật:** Sứ đồ Phao-lô gọi ông Tích là con *thật* của ông. Điều này có nghĩa là sứ đồ Phao-lô yêu mến ông Tích giống như là con ruột của ông.

**trong đức tin chung:** Các từ này cho thấy lý do tại sao Phao-lô gọi ông Tích là *con thật của ta*. Các từ *đức tin chung* có nghĩa là “đức tin mà cả hai chúng ta cùng có” Sau đây là một cách để chuyển ngữ:

[vì con] tin cùng [một sự dạy dỗ về Đức Chúa Trời mà ta cũng tin nữa].

#### Đoạn văn 1:4b

##### 1:4b

**Nguyện xin Đức Chúa Trời là Cha và Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng Cứu Thế của chúng ta ban ân sủng và bình an cho con:** Trong thời hội thánh đầu tiên, nhiều người đã dùng lời chào thăm trong Chúa này. Lời này giống như lời cầu nguyện của sứ đồ Phao-lô. Ông xin Đức Chúa Trời ban phước cho ông Tích. Bạn có thể phải dùng động từ “nài xin Đức Chúa Trời” trong bản dịch của bạn. Thí dụ:

Tôi xin Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Chúa Cứu Thế Giê-su thương xót và ban sự bình an cho con.

Tích 1:4b gần giống như là lời chào thăm trong Chúa của các thư khác mà sứ đồ Phao-lô viết, thí dụ: La-mã 1:7, Ê-phê-sô 1:2, và Phi-líp 1:2.

**Đức Chúa Trời là Cha:** Nếu được tự nhiên hơn đối với ngôn ngữ của bạn, bạn có thể chuyển ngữ là: “Đức Chúa Trời, Cha của chúng ta”.

**(BDM) Chúa Cứu Thế Giê-su:**

**(BDC) Đức Chúa Jê-sus-Christ:**

**(BCG) Đức Ki-tô Giê-su:** Đây là thứ tự mà BCG dùng. Ở đây sứ đồ Phao-lô đổi ngược thứ tự thông thường trong tiếng Hy-lạp từ Giê-su Christ ra Christ Giê-su. BCG đổi thứ tự giống như bản Hy-lạp. Nếu những người đọc bản dịch của bạn có thể bị bối rối vì thứ tự khác nhau của hai tên trên, bạn có thể giữ thứ tự thông thường. Bạn có thể quyết định về điều này sau khi nói chuyện với nhiều người và thử với nhiều người đọc để lấy ý kiến.

**Đấng Cứu Thế của chúng ta:** Đây là cùng một từ mà sứ đồ Phao-lô dùng ở trong 1:3b. Trong 1:3b ông gọi Đức Chúa Trời là “Chúa Cứu Thế của chúng ta”. Ở đây trong 1:4 ông đã dùng cùng một danh hiệu cho Chúa Giê-su. Bạn nên dùng cùng một từ cho cả hai câu.

**ân sủng:** Cụm từ *ân sủng* có nghĩa là “sự tử tế” hay “ân huệ”. Sứ đồ Phao-lô muốn Đức Chúa Trời tử tế với ông Tích và ban phước cho ông ta. Xem Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách.

**bình an:** Sứ đồ Phao-lô xin Đức Chúa Trời giúp ông Tích cảm thấy an toàn. Điều này đến từ sự có một quan hệ tốt với Đức Chúa Trời và chỉ có thể có được nhờ công trình của Chúa Cứu Thế Giê-su. *Bình an* ở đây không nói đến bình an với người khác.

Ngay cả đối với ngôn ngữ của bạn, bạn thường chuyển ngữ *ân sủng* hay *bình an* như một nhóm từ dài, có thể bạn muốn dùng những nhóm từ ngắn hơn trong cách chào nhau của Cơ đốc nhân như trong 1:4b. Đây Phao-lô không dạy về *ân sủng* và *bình an*, và do đó không cần phải bao gồm tất cả các yếu tố có liên hệ những từ ngữ này.

#### Tiểu đoạn 1:5-9 Sứ đồ Phao-lô viết về việc bổ nhiệm các trưởng lão ở trong hội thánh

Trong tiểu đoạn này, sứ đồ Phao-lô bắt đầu nội dung chính của lá thư. Sự chỉ dạy đầu tiên của sứ đồ Phao-lô là bảo môn đệ Tích chọn những người đàn ông vào những chức vụ lãnh đạo của các hội thánh địa phương. Ông bảo ông Tích nên chọn những người đàn ông như thế nào. Trong tiểu đoạn này, đặc biệt là 1:6-8, rất tương tự như sách 1 Ti-mô-thê 3:1-7. Nếu bạn đã chuyển ngữ tiểu đoạn Kinh Thánh trong 1 Ti-mô-thê rồi, bạn nên so sánh việc chuyển ngữ của bạn ở đó với danh

**1:4b** **Nguyện xin Đức Chúa Trời là Cha và Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng Cứu Thế của chúng ta ban ân sủng và bình an cho con.**

[Ta cầu xin] Đức Chúa Trời Cha và Chúa Cứu Thế Giê-su, là Đấng cứu chúng ta [khỏi tội lỗi], bày tỏ sự nhân từ với con, và ban sự bình an cho con.

**-HAY-**

[Ta cầu nguyện] Đức Chúa Trời Cha [của chúng ta] và Chúa Cứu Thế Giê-su là Đấng cứu chúng ta [xin Ngài] ban ơn phước và sự bình an cho con.

**Tiểu đoạn 1:5-9 Phao-lô viết cho Tích về việc bổ nhiệm các trưởng lão trong hội thánh**

**1:5a** **Lý do ta để con ở lại đảo Co-rét là để con sắp đặt những việc còn lại**

Ta xin con hãy ở lại [trên đảo] Co-rét để con có thể [tiếp tục] chỉnh đốn/giải quyết [những công việc trong các hội thánh địa phương] mà [ta] đã không có thì giờ/thời gian để làm cho xong.

**-HAY-**

Khi ta rời đảo Co-rét, ta yêu cầu con hãy ở lại đó bởi vì [ta muốn] con [tiếp tục] sắp đặt công việc cho được trật tự [trong các hội thánh địa phương] cần phải hoàn tất.

sách trong thư sứ đồ Phao-lô gửi cho ông Tích. Hai danh sách tương tự nhau nhưng không hoàn toàn giống y như nhau. Cả hai danh sách đều nêu lên mười lăm cách cư xử mà người trưởng lão nên có. Năm trong những cách này trong các sách 1 Ti-mô-thê và Tích thì giống hệt nhau, và có năm hay sáu cách khác gần giống với nhau. Thường thường các từ ngữ sứ đồ Phao-lô dùng trong danh sách của ông thì khó để chuyển ngữ một cách chính xác và đơn giản.

**Đoạn văn 1:5-9**

**1:5a**

**Lý do ta để con ở lại đảo Co-rét:** Trước khi viết thư này, sứ đồ Phao-lô đã ở trên đảo Co-rét với ông Tích. Chúng ta không biết một chi tiết nào về thời gian đó, vì nó không được ghi lại trong sách Công Vụ. Tuy nhiên, đây cho thấy rằng đã đến thời điểm sứ đồ Phao-lô phải đi đến một nơi nào khác và để ông Tích ở lại lo giúp đỡ các hội thánh và dạy dỗ các tín hữu. Vậy nên ở trong 1:5, sứ đồ Phao-lô nhắc nhở ông Tích về một việc ông đã bảo ông Tích trước đó.

**để con ở lại đảo Co-rét:** Khi bạn chuyển ngữ câu này, đừng dùng một từ mà có nghĩa là sứ đồ Phao-lô bỏ rơi ông Tích. Thay vào đó, sứ đồ Phao-lô xin ông Tích ở lại đảo Co-rét để thi hành một công việc nhất định. Thay vì nói là: “Ta để con ở lại đảo Co-rét”, bạn có thể

chuyển ngữ là: “Khi ta rời đảo Co-rét ta yêu cầu con ở lại”. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn người ta thường dùng câu đối thoại trực tiếp, bạn có thể dùng nó ở đây. Thí dụ:

[Trước kia,] khi ta rời đảo Co-rét ta đã nói với con: “Ta muốn con ở lại đây...”

**đảo Co-rét:** Đảo Co-rét là một đảo lớn ở trong biển Địa Trung Hải. Có nhiều thành phố, thị trấn và làng ở trên đảo. Bạn có thể chỉ nên chuyển ngữ giản dị là “Co-rét”, hay “đảo Co-rét” hay “đất Co-rét”, tùy theo tên nào nghe tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn.

**để con sắp đặt những việc còn lại:** Theo nghĩa đen trong bản Hy-lạp là “để con có thể sửa lại những việc còn thiếu”. Từ Hy-lạp *epidiorthoō* được dùng ở đây có nghĩa là, để “sắp đặt lại cho có thứ tự, sửa lại”. Tuy nhiên, vì từ này được đặt trước nhóm từ “những việc

còn thiếu”, các học giả Kinh Thánh không có đồng một ý với nhau về điều sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích ở đây. Sự khác biệt đó có thể là:

- (1) Từ Hy-lạp *epidiorthoō* nên chuyển ngữ là “sắp đặt cho có thứ tự, sửa lại”. Trong thời gian sứ đồ Phao-lô còn ở đảo Cô-rét với ông Tích, sứ đồ Phao-lô đã bắt đầu chỉnh đốn lại những nan đề trong các hội thánh địa phương. Lúc này ông bảo ông Tích tiếp tục làm công việc đó. Theo ngữ cảnh của cả thư, thì những nan đề đó là thiếu sự lãnh đạo đứng đầu trong hội thánh, nan đề của những giáo sư giả, thiếu sự chỉ dạy về giáo lý của sự cứu rỗi và người tín hữu cần nên sống như thế nào. (BDC “sắp đặt mọi việc chưa thu xếp”.)
- (2) Từ *epidiorthoō* nên chuyển ngữ là “làm xong công việc”. Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích làm xong điều mà chính sứ đồ Phao-lô đã không có đủ thì giờ để làm xong. (BDY “thu xếp cho xong các việc còn dở dang”). Các học giả Kinh Thánh đề nghị cách thứ hai chỉ không đồng ý với nhau về ngữ cảnh ở đây vì cả động từ *epidiorthoō* và những từ ngữ liên hệ không hề mang ý nghĩa “làm cho xong”. Do đó, đây không phải là cách chuyển ngữ đúng để theo.

Ý tổng quát của hai đề nghị thì tương tự nhau, nhưng, đề nghị bạn nên theo cách thứ nhất, vì nó làm rõ ý trong ngữ cảnh, và chuyển ngữ *epidiorthoō* với ý nghĩa thông dụng của nó là “sửa chữa/chỉnh đốn”.

### 1:5b

**và lập các trưởng lão trong mỗi thành:** Một trong những lý do chính mà sứ đồ Phao-lô muốn ông Tích ở lại đảo Cô-rét là để bổ nhiệm các trưởng lão ở mỗi hội thánh.

**lập:** Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích *lập* những người sẽ lãnh đạo hội thánh. Trong bản văn này không cho biết thủ tục chọn các trưởng lão như thế nào, nhưng bạn nên tránh dùng từ mang ý nghĩa “thụ phong hay tấn phong” vì lúc bấy giờ hội thánh chưa có những nghi lễ giống như nghi lễ thụ phong mà các hội thánh Việt Nam ngày hôm nay có. Nếu được, bạn nên dùng một từ ngữ hay một nhóm từ mà nó không nói rõ cách ông Tích *lập các trưởng lão* như thế nào. Đã có một số ngôn ngữ dùng một nhóm từ, thí dụ: “mời họ

giữ chức vụ trưởng lão”, hay “đặt họ ngồi vào ghế trưởng lão”.

**các trưởng lão:** Từ Hy-lạp dịch theo nghĩa đen là “người già cả”. Đây là một cách nói bóng về những người lãnh đạo. Nó được dùng trong thời Cựu Ước để chỉ về các nhà lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên. Ở đây có nghĩa là các lãnh đạo của hội thánh, những người giúp đỡ để dạy dỗ các tín hữu khác và quyết định mọi việc trong hội thánh.

### 1:5c

**như ta đã dặn bảo con:** Trước khi sứ đồ Phao-lô rời đảo Cô-rét, ông đã báo cho ông Tích những cách thức chọn các trưởng lão. Ở đây sứ đồ Phao-lô nhắc ông Tích về những giáo huấn trước đó.

**ta:** Từ này trong bản Hy-lạp được dịch là *ta* có sự nhấn mạnh đặc biệt. Sứ đồ Phao-lô đã dùng đại từ này để nhấn mạnh rằng, ông nói những điều này vì ông có quyền uy của một sứ đồ. Nếu bạn có thể dùng đại từ để nhấn mạnh như thế đối với ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng đại từ ấy ở đây.

### 1:6-9

Trong những câu này, sứ đồ Phao-lô mô tả những mâu thuẫn người đàn ông mà ông Tích nên chọn làm trưởng lão. Sứ đồ Phao-lô dùng đại từ số ít: “một người trưởng lão... ông ấy... ông ấy...” Nhưng điều sứ đồ Phao-lô nói là đúng sự thật cho bất cứ người nào sẽ trở thành trưởng lão. Nếu dùng số nhiều được tự nhiên hơn đối với ngôn ngữ của bạn, bạn có thể chuyển ngữ như thế này: “Những người mà con chọn làm trưởng lão phải là... Họ phải là...” Sau khi bạn đã quyết định là nên dùng số ít hay số nhiều, cần nên nhất quán suốt từ 1:6-9.

### 1:6a

**Trưởng lão phải là người không có gì đáng trách:** Theo nghĩa đen từ trong tiếng Hy-lạp là: “Nếu ai không có chỗ trách”. Trong bản Hy-lạp câu này không đầy đủ, nhưng những gì sứ đồ Phao-lô có ý nói được hàm ý: “Nếu ai không có chỗ trách [thì con có thể bổ nhiệm họ làm trưởng lão]”. Hãy so sánh khác biệt về chỗ này trong các bản tiếng Việt, rồi quyết

<b>1:5b</b>	<b>và lập các trưởng lão trong mỗi thành</b> [Việc trước tiên con cần làm là] chọn những người để lãnh đạo [các hội thánh] tại mỗi thành [nơi có các con dân Chúa trên đảo Cơ-rét].
<b>1:5c</b>	<b>như ta đã dặn bảo con.</b> [Khi ta còn ở với con,] ta đã cho con chỉ thị [về điều này]: <b>-HAY-</b> [Hãy nhớ là] ta đã bảo con cách làm việc này:
<b>1:6a</b>	<b>Trưởng lão phải là người không có gì đáng trách,</b> [Ta đã bảo con về người con chọn vào chức vụ] các người lãnh đạo hội thánh phải là người công chính. <b>-HAY-</b> Trưởng lão phải là những người có đời sống tốt/xứng đáng, do đó chẳng có một ai sẽ có thể [có lý do gì để] tố cáo họ.
<b>1:6b</b>	<b>một chồng một vợ,</b> Người ấy phải trung thành với vợ.

định việc bạn nên làm trong ngôn ngữ của bạn.

**không có gì đáng trách:** Sứ đồ Phao-lô bắt đầu danh sách các sự đòi hỏi của một người lãnh đạo hội thánh bằng cách nói là người ấy *phải không có gì đáng trách*. Đây có nghĩa là người lãnh đạo hội thánh phải cư xử cách công chính và thành thật do đó chẳng có ai có một lý do nào để tố cáo người ấy làm điều sai.

### 1:6b

**một chồng một vợ:** Nhóm từ cũng được tìm thấy ở trong 1 Ti-mô-thê 3:2, 3:12 và tương tự với 1 Ti-mô-thê 5:9. Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về ý nghĩa của nó. Tuy nhiên có thể hiểu ý nghĩa của nhóm từ này theo hai cách:

- (1) Sứ đồ Phao-lô đòi hỏi người lãnh đạo hội thánh phải trung tín với vợ mình (không ngoại tình).
- (2) Sứ đồ Phao-lô không cho phép có nhiều hơn là một vợ cùng trong một lúc (không đa thê). Đây là cách mà hầu hết các bản dịch tiếng Việt hiểu một cách tự nhiên. Có những ngôn ngữ khác, người chuyển ngữ để cách chuyển ngữ thứ nhất trong một lời chú thích.

Có thể sứ đồ Phao-lô muốn nói cả hai ý. Đề nghị bạn nên theo cách số 1, vì nó phù hợp với ngữ cảnh nhất. Sứ đồ Phao-lô muốn những người lãnh đạo hội thánh sống cách nào để không ai có lý do gì để chỉ trích họ hay hội thánh, bằng cách nói là một trưởng lão không trung thành với vợ.

**1:6c**

**con cái đều tin Chúa:** Các con cái của người lãnh đạo hội thánh nên tin Chúa Cứu Thế Giê-su và đi theo Ngài, giống như cha mẹ vậy.

**chú không bị tố cáo là phóng dăng hay ngỗ nghịch:** Đây tiếp tục mô tả về con cái của các trưởng lão. Không phải chỉ nên tin Chúa, nhưng họ nên cư xử tốt với mọi người. Không làm điều gì để người ta có thể nói là chúng nó *phóng dăng* và *ngỗ nghịch*. Một cách để chuyển ngữ câu này là: “và không mang tiếng là phóng dăng hay ngỗ nghịch.”

**phóng dăng:** Từ được dùng trong bản Hy-lạp là “hoang phí, nuông chiều tư dục, vô luân không biết xấu hổ”. Nó có nghĩa là làm bất cứ điều gì mình muốn để hưởng thụ, không biết tự kiềm chế. Đây có thể bao gồm những việc như say sưa, cờ bạc, ấu dâm, tiệc tùng, hay có quan hệ tình dục với bất cứ người nào mình muốn. Từ này cũng được dùng trong Ê-phê-sô 5:18 và 1 Phê-rô 4:4, và những từ tương tự được dùng trong sách Lu-ca 15:13.

**ngỗ nghịch:** Từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có nghĩa là “vô kỷ luật, không chịu phục tùng”. Đây nói về những người con từ chối không vâng lời cha mẹ hay phục tùng thẩm quyền người khác. Trong 1 Ti-mô-thê 3:5, sứ đồ Phao-lô nói rằng con cái của các nhà lãnh đạo hội thánh phải có một đời sống tốt vì điều đó bày tỏ rằng các lãnh đạo hội thánh biết quản trị gia đình của họ.

**1:7a**

**(BDC): Vì người giám-mục làm kẻ quản-lý nhà Đức Chúa Trời thì phải cho không chỗ trách được:** Đây trích dẫn BDC bởi vì có thể nó dễ hiểu hơn. Trong 1:6 sứ đồ Phao-lô nói rằng người ông Tích chọn để làm trưởng lão phải *không có gì đáng trách được*. Ở đây trong 1:7, ông nói rõ lý do tại sao những người này phải không chỗ trách được: Họ phải không chỗ trách được bởi vì họ *làm kẻ quản-lý nhà Đức Chúa Trời*.

**Vì...thì phải:** Sứ đồ Phao-lô nói rằng “đây là việc cần thiết cho” các nhà lãnh đạo hội thánh không chỗ trách được. Có thể nói một cách khác là: “một người lãnh đạo hội thánh phải không chỗ trách được” hay “Con nên chọn những người không chỗ trách được”

hay như một mệnh lệnh: “Hãy chọn những người không chỗ trách được”.

**người giám-mục:** Trong 1:5 sứ đồ Phao-lô dùng từ Hy-lạp *presbuteros* thông thường được chuyển ngữ là “trưởng lão”. Ở đây trong 1:7 sứ đồ Phao-lô dùng từ *episkopos* có thể chuyển ngữ là “giám mục”. Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ *trưởng lão* và *giám mục* là hai từ ngữ cho cùng một chức vụ. Sứ đồ Phao-lô vẫn còn đang nói về mẫu người mà ông Tích nên chọn vào chức vụ trưởng lão.

**làm kẻ quản-lý:** Theo nghĩa đen của từ Hy-lạp: “như quản gia của Đức Chúa Trời”. Trong thời của sứ đồ Phao-lô *quản gia* là một đầy tớ/người hầu việc là người quan trọng, người có trách nhiệm *quản gia* cả công việc của chủ, tài sản hay nhân sự. Một người chủ thường giao quyền *quản gia* cho những đầy tớ. Công việc của người lãnh đạo hội thánh là trông coi những công việc của hội thánh và chăm sóc dân sự của Đức Chúa Trời. Người đó làm việc như một *quản-lý* của Đức Chúa Trời (hay đầy tớ), không phải là chủ nhân hay làm xếp của hội thánh. Có một vài cách bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này là:

người ấy là đầy tớ của Đức Chúa Trời là người trông coi công việc cho Ngài,

-HAY-

Đức Chúa Trời giao cho người ấy chăm sóc dân sự của Ngài.

**phải cho không chỗ trách được:** Cùng một từ Hy-lạp sứ đồ Phao-lô dùng trong 1:6. Bạn nên chuyển ngữ hai từ này cùng một cách.

**1:7b-8**

Trong 1:6a và 7a, sứ đồ Phao-lô nói rằng người lãnh đạo hội thánh phải là người “không chỗ trách được”. “Không chỗ trách được” là một nhóm từ tổng quát. Bắt đầu ở trong 1:7b, sứ đồ Phao-lô liệt kê một số cách cư xử đặc biệt của một người “không chỗ trách được”. Trong 1:7b-d ông liệt kê năm cách cư xử mà các người lãnh đạo hội thánh không nên có. Sau đó trong 1:8 ông liệt kê sáu cách cư xử mà các người lãnh đạo hội thánh nên có.



<b>1:6c</b>	<p><b>con cái đều tin Chúa chứ không bị tố cáo là phóng đăng hay ngỗ nghịch.</b>          Con cái phải tin [Chúa Cứu Thế Giê-su]. Họ phải cư xử phải lẽ/tốt/đúng đắn để không ai có thể tố cáo họ về việc sống bữa bái hay không vâng [lời cha mẹ].  <b>-HAY-</b>          Con cái của họ phải là tín hữu và [có tiếng tốt,] không mang tiếng là phóng đăng hay không vâng lời [cha mẹ của họ].</p>
<b>1:7a</b>	<p><b>Vì người giám mục làm kẻ quản lý nhà Đức Chúa Trời thì phải cho không chỗ trách được,</b>          [Đức Chúa Trời] ban cho người lãnh đạo hội thánh chăm sóc những tín hữu [khác]. Do đó, bất cứ người lãnh đạo hội thánh nào [mà con chọn] phải là người có những hành động/cư xử một cách công chính.  <b>-HAY-</b>          Vì một người lãnh đạo hội thánh là quản trị công việc của Đức Chúa Trời, phải là người cư xử tốt/ngay thẳng, do đó sẽ không có ai có thể có [lý do] gì để tố cáo họ.</p>
<b>1:7b</b>	<p><b>không kiêu căng, không nóng tính,</b>          [Nhất là] người ấy không phải là người luôn luôn bắt người khác làm theo ý mình hay là người mau giận.  <b>-HAY-</b>          Đừng [chọn] người luôn cho rằng chỉ có ý mình là đúng hay người dễ đánh mất sự bình tĩnh hay dễ nổi giận.</p>
<b>1:7c</b>	<p><b>không nghiện rượu, không hung bạo,</b>          Người ấy không phải là người có thói quen say rượu, hay ấu đả [với người khác].</p>
<b>1:7d</b>	<p><b>không tham lam lợi lộc,</b>          Người đó [cũng] không phải là một người lừa gạt [người khác] để lấy tiền.</p>

**1:7b**

**không kiêu căng:** Đây là việc đầu tiên sứ đồ Phao-lô nói một trưởng lão không nên có. Từ Hy-lạp *authadē* được dùng ở đây có nghĩa là “ngạo mạn, ngoan cố, độc đoán”. Đây nói về một người chỉ muốn làm theo cách của mình và không nghe ý kiến của người khác.

**không nóng tính:** Người lãnh đạo hội thánh phải không mau giận hay dễ giận. Thay vào đó người ấy phải kiềm chế được sự giận dữ của mình.

**1:7c**

**không nghiện rượu:** Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích rằng người mà ông ta chọn để làm người lãnh đạo hội thánh phải là người không có thói quen uống nhiều rượu làm cho say. Có thể

ngôn ngữ của bạn diễn tả ý này với một từ hay nhóm từ như, “một người luôn say rượu” hay “có thói quen say rượu”.

**không hung bạo:** Từ Hy-lạp *plēktēn* mà sứ đồ Phao-lô dùng ở đây có nghĩa là người hay gây sự với người khác, kém nhã nhặn với người khác bằng lời nói hay bằng hành động. Ý chính nói đến việc đánh nhau bằng hành động, nhưng cũng có thể bao gồm cả việc la lối và cãi cọ.

**1:7d**

**không tham lam lợi lộc:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có hai ý nghĩa:

- (1) Từ này đề cập đến những người kiếm tiền bằng những việc làm không chính đáng.

(2) Từ này đề cập đến những người tham lam tiền bạc (BDC, BDM và BDY).

Có lẽ ý nghĩa đầu tiên đúng hơn. Từ trong bản Hy-lạp mang một phân ý nghĩa của sự “đáng xấu hổ, nhục nhã”, do đó nó có lẽ nói đến người tham tiền đến độ có thể nói dối, gian lận, hối lộ để có nhiều tiền. Những loại người này có thể dùng thẩm quyền của chức vụ trong hội thánh như là một cách để lấy tiền của những người khác. Bạn có thể chuyển ngữ câu này như:

Người đó không phải là một người sẽ làm bất cứ điều gì để có tiền.

### 1:8a

**nhưng:** Câu này bắt đầu với một từ Hy-lạp *alla* mà BDM chuyển ngữ là “nhưng.” Từ này cho thấy những gì theo sau từ này tương phản với những gì đã nói ở phía trước. Trong 1:7b-d sứ đồ Phao-lô liệt kê năm cách cư xử mà người lãnh đạo hội thánh không nên có; trong câu này ông liệt kê sáu cách cư xử mà người lãnh đạo hội thánh ên có. Ngôn ngữ của bạn có thể có những từ như “nhưng” hay “thay vào đó” bạn có thể dùng nó ở đây. Một số ngôn ngữ đòi hỏi bắt đầu một câu ngắn ở đây, như sau: “Không, họ không nên cư xử như vậy. Thay vào đó...”

**hiếu khách:** Một người lãnh đạo hội thánh phải là một người hiếu khách; người ấy phải là một người luôn vui vẻ đón tiếp khách đến nhà. Đây có thể nói đến việc cung cấp thức ăn và chỗ cho khách ở lại đêm.

### 1:8b

**yêu chuộng điều thiện:** Lãnh đạo phải là người chẳng những làm những việc ngay lành, nhưng còn yêu mến những việc lành.

### 1:8c

**tiết độ:** Từ trong bản Hy-lạp được dùng ở đây BDC, BDM chuyển là “tiết độ”. Từ này nói về phẩm chất của một người biết kiểm chế được chính mình, có một cuộc sống điều độ trong mọi lãnh vực nhờ vào việc suy nghĩ và hành động khôn ngoan.

**ngay thẳng:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây thường được chuyển ngữ là “công chính” hay

“công bình”. Trong câu này sứ đồ Phao-lô đang nói về quan hệ của người lãnh đạo hội thánh đối với những người khác, hơn là quan hệ của người ấy với Đức Chúa Trời. Một người lãnh đạo hội thánh phải thành thật và công bình/ngay thẳng đối với những người khác.

**sùng kính:** Từ trong bản Hy-lạp *hosios* mà sứ đồ Phao-lô dùng ở đây có nghĩa là “độc tinh khiết” và “cư xử bằng một đường lối trong sạch”. BDC chuyển ngữ là “thánh sạch, BDY dịch là “thánh thiện”. Một số ngôn ngữ nên nói: “Đường lối của người ấy phải thánh khiết”, hay “Lòng của ông ấy phải thánh khiết”. Xem Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách.

**tự chủ:** Người lãnh đạo hội thánh là người kiểm chế được điều mình suy nghĩ và làm. Người ấy làm mọi sự cách điều độ. Tự chủ rất gần với ý nghĩa của *tiết độ*. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể nói: “người ấy phải kiểm chế được sự ao ước và hành động của mình”, hay “...kiểm chế thân xác của mình”, tùy theo câu nào nghe tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn.

Mục đích của sứ đồ Phao-lô khi bảo ông Tích về tất cả những điều này ở trong 1:6-8 là để nói về loại người mà ông ấy nên chọn làm người lãnh đạo hội thánh. Hãy coi lại bản dịch của bạn ở 1:6-8 xem mục đích này có được truyền thông rõ ràng trong bản dịch của bạn không.

### 1:9

Trong 1:6-8 sứ đồ Phao-lô nói rằng các người lãnh đạo hội thánh phải có cách cư xử đẹp lòng Đức Chúa Trời. Ở đây trong 1:9 ông nói về niềm tin của họ. Sứ đồ Phao-lô muốn các người lãnh đạo hội thánh luôn suy nghĩ và dạy Phúc Âm một cách đúng đắn.

Tùy theo ngôn ngữ của bạn, có thể bạn nên nói với các người đọc rằng đây là phần chót của danh sách những điều sứ đồ Phao-lô đòi hỏi các người lãnh đạo hội thánh phải có. Nếu nghe tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn, bạn có thể bắt đầu 1:9 bằng một từ như là “Sau hết” hay “Cuối cùng”.

<b>1:8a</b>	<p><b>nhưng là người hiếu khách</b> Thay vì, người ấy phải là người thích tiếp đãi những người khác thăm viếng mình. <b>-HAY-</b> Người ấy phải là người vui mừng tiếp đón [và chăm sóc] khách đến nhà mình.</p>
<b>1:8b</b>	<p><b>yêu chuộng điều thiện,</b> Phải là người thích làm việc thiện. <b>-HAY-</b> Người làm điều tốt [cho người khác. Thực ra,] điều này làm cho người ấy vui mừng.</p>
<b>1:8c</b>	<p><b>tiết độ, ngay thẳng, sùng kính, tự chủ.</b> Người ấy phải là người cư xử một cách phải lẽ [với người khác], người có cử chỉ chân thật, kiềm chế được những mong muốn và hành động của mình.</p>
<b>1:9a</b>	<p><b>giữ vững giáo huấn của đạo đáng tin cậy, (BDC) hằng giữ đạo thật y như đã nghe dạy,</b> [Người ấy phải] tin chắc vào Phúc Âm [về Chúa Cứu Thế Giê-su] mà chúng ta đã dạy dỗ. Người ấy chắc chắn về sứ điệp đó, phải chân thật và không thay đổi. <b>-HAY-</b> [Mỗi người mà con bổ nhiệm làm trưởng lão] phải sốt sắng tin sự dạy dỗ [về Chúa Cứu Thế Giê-su], đúng như người ấy đã được dạy dỗ, và tùy thuộc vào sự dạy dỗ đó.</p>

**1:9a**

**(BDY) Họ:** Có một vài dịch giả dùng một đại danh từ ở phần đầu của câu này như BDY dùng. Sứ đồ Phao-lô đang nói về những người này từ câu 1:5b. Nếu bạn dùng một đại danh từ ở đây, bạn cần coi kỹ lại rằng, những người này còn đang được nói đến. Nếu không rõ, bạn nên dùng một danh từ giống như ‘những trưởng lão’.

**(BDC) hằng giữ, (BDM) giữ vững:** Đây được chuyển ngữ từ một tiếng Hy-lạp có nghĩa là “lành mạnh.” Đây có nghĩa là một người tiếp tục tin và sốt sắng, không ngừng hoặc thay đổi điều người ấy tin.

**(BDC) đạo thật:** Sứ đồ Phao-lô nói rằng các trưởng lão phải là những người tin mạnh mẽ vào *đạo thật*. Sứ đồ Phao-lô muốn nói đến Phúc Âm, sự dạy dỗ về Chúa Giê-su. Sứ đồ Phao-lô gọi là “giáo huấn của đạo đáng tin

cậy,” có nghĩa là sứ điệp đúng, không thay đổi, và người ta có thể nhờ cậy vào.

**(BDC) y như đã nghe dạy:** Sứ đồ Phao-lô nói rằng các trưởng lão nên tin mạnh mẽ vào Phúc Âm *y như đã nghe dạy*. Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “theo sự dạy dỗ”. Sứ đồ Phao-lô nói rằng người lãnh đạo hội thánh phải tin chắc vào Phúc Âm về Chúa Giê-su giống như các sứ đồ đã dạy dỗ. Họ không được thay đổi những sự dạy dỗ này. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn khó hoặc không nên chuyển ngữ ở thể thụ động (*y như đã nghe dạy*), bạn có thể chuyển ngữ là “người ấy phải tin một cách mạnh mẽ sự dạy dỗ thật mà chúng ta đã dạy” hay “... giống như chúng ta đã dạy người ấy”. Sứ đồ Phao-lô và môn đệ Tích cùng dạy dỗ các con dân Chúa ở trên đảo Cơ-rét, nên đó là lý do bạn có thể dùng “chúng ta” ở đây.

**1:9b**

**để nhờ đạo lý chân chính, có khả năng khuyên bảo:** Có hai lý do tại sao sứ đồ Phao-lô muốn các người lãnh đạo hội thánh tin chắc Phúc Âm về Chúa Giê-su. Phần này của câu cho thấy mục đích thứ nhất: *để nhờ đạo lý chân chính có khả năng khuyên bảo*. Bạn có thể bao gồm những từ ấy ở đây. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn nghe tự nhiên, bạn có thể bắt đầu một câu mới ở đây, thí dụ: “Người ấy phải làm điều này để...”

**khuyến bảo:** Từ Hy-lạp *parakaleō* được dùng ở đây có hai ý chính: “Khuyến khích” hay “cổ võ/hô hào”. Nếu ngôn ngữ của bạn có động từ bao gồm cả hai ý nghĩa đó, bạn có thể dùng ở đây. Nếu không, bạn có thể chọn một ý. Hầu hết các bản dịch chọn động từ “khuyến khích”. Một cách đề nghị chuyển ngữ:

để ông ấy có thể giúp đỡ người ta theo sự dạy dỗ đúng về Phúc Âm.

**đạo lý chân chính:** Từ *đạo lý* có nghĩa là bằng chứng mà tín hữu tin về Đức Chúa Trời

và Chúa Giê-su. Trưởng lão phải khuyên bảo tín hữu bằng cách dạy họ những điều gì đúng. Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “*lành mạnh*”. Để *khuyến khích* người ta bằng *đạo lý chân chính* có nghĩa là dạy họ điều gì là chân thật và khuyên họ noi theo.

**1:9c**

**hay bác bẻ những kẻ chống đối:** Đây là lý do thứ nhì mà người lãnh đạo hội thánh phải tin chắc chắn vào Phúc Âm. Sẽ có một số người *chống* lại những sự dạy dỗ về Chúa Giê-su và họ từ chối không tin vào các sự dạy dỗ đó. Sứ đồ Phao-lô nói rằng một người lãnh đạo hội thánh phải tin chắc Kinh Thánh **để** có thể *bác bẻ* những kẻ chống đối. *Bác bẻ* họ có nghĩa là chỉ cho họ thấy rằng họ sai. Vì người lãnh đạo biết rõ điều gì là đúng, người ấy chứng minh cho mọi người rằng điều họ biết là sự thật, và những người chống đối lại sứ điệp của ông rao giảng là sai.

**Tiểu đoạn 1:10-16 Sứ đồ Phao-lô báo trước ông Tích về các giáo sư giả mạo**

Trong tiểu đoạn này, sứ đồ Phao-lô tiếp tục viết về những người chống đối lại sự dạy dỗ đúng. Sứ đồ Phao-lô nhắc nhở ông Tích rằng “có nhiều kẻ bất phục tùng” (1:10) là người không đi theo sự dạy dỗ đúng (hãy xem 1:9). Trong tiểu đoạn này sứ đồ Phao-lô cho biết thêm những chi tiết về những người phản loạn đó. Họ là các giáo sư giả mạo. Một số học giả Kinh Thánh nói rằng, một trong những lý do chính mà sứ đồ Phao-lô viết thư này là bởi vì ông muốn báo động cho môn đệ Tích về các giáo sư giả mạo đó. Ông cũng muốn dạy môn đệ Tích rằng ông Tích không được để các giáo sư giả mạo này hướng dẫn các con dân Chúa ở đảo Cơ-rét.

**Đoạn văn 1:10-16**

**1:10a**

**Vi:** Từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây có thể chuyển ngữ “tôi nói vậy bởi vì”. Từ này cho thấy rằng sứ đồ Phao-lô đang nói với ông Tích có nhiều người ở đảo Cơ-rét có các đặc tính được nói đến ở phần cuối của 1:9.

**có nhiều kẻ bất phục tùng:** Một *kẻ bất phục tùng* là một người từ chối không vâng lời những người có thẩm quyền. Đây muốn nói đến cùng một loại người sứ đồ Phao-lô nói đến ở trong 1:9c là “kẻ chống đối” đạo lý chân chính. Các từ “kẻ chống đối” trong 1:9c

và *kẻ bất phục tùng* trong 1:10a có ý nghĩa gần giống nhau. Những người này chống đối lại Phúc Âm chân chính. Họ từ khước không muốn làm theo sự dạy dỗ của nó. Họ từ chối chân lý và không muốn nghe, vâng phục các nhà lãnh đạo hội thánh. Họ tự cho rằng họ đúng.

Khi sứ đồ Phao-lô báo ông Tích rằng *có nhiều kẻ bất phục tùng*, ông muốn nói đến những người phản loạn ở đảo Cơ-rét, là nơi ông Tích ở. Do đó, nếu bạn cần thêm những tin tức này, bạn có thể chuyển ngữ là:

[Ở trên đảo Cơ-rét] có nhiều người phản loạn

- 1:9b**      **để nhờ đạo lý chân chính, có khả năng khuyên bảo**  
 [Người ấy phải làm điều này] để có thể dạy [người ta] điều gì là đúng và [do đó] khuyên bảo họ [làm theo sự dạy dỗ này],  
**-HAY-**  
 [Người ấy phải làm điều này] để người ấy có thể giúp người ta làm theo sự dạy dỗ đúng [về Tin Lành],
- 1:9c**      **hay bác bỏ những kẻ chống đối.**  
 và [để] người ấy có thể bày tỏ cho những người tranh luận/cãi vã [lại sự dạy dỗ đúng] rằng họ sai.  
**-HAY-**  
 và [để] khi người ấy nói chuyện với những người từ chối sự dạy dỗ đúng, người ấy có thể thuyết phục [họ] rằng họ sai.

**Tiểu đoạn 1:10-16 Sứ đồ Phao-lô báo trước cho ông Tích về các giáo sư giả mạo**

- 1:10a**      **Vì có nhiều kẻ bất phục tùng,**  
 [Ta nói điều này] bởi vì có nhiều người từ chối chấp nhận thẩm quyền [của các lãnh đạo hội thánh].  
**-HAY-**  
 [Lý do ta cho con các sự chỉ dẫn này là vì] có nhiều người từ chối tôn trọng người có thẩm quyền.
- 1:10b**      **lời nói hư không vô nghĩa và lừa gạt,**  
 [Các người này dạy những người khác] bằng những lời nói bậy bạ vô nghĩa và cố gắng làm cho người khác làm theo/tin những điều đó.  
**-HAY-**  
 [Những người này dạy] những điều không ý nghĩa và lừa gạt [những người nghe] tin những điều [không phải là thật].

Như thường lệ, bạn nên thêm thông tin này vào bản dịch nếu có lý do tốt để làm điều này; thí dụ, làm như vậy các người đọc bản dịch của bạn hiểu nhầm nếu có sự thiếu sót.

**1:10b**

**lời nói hư không vô nghĩa:** Đây có nghĩa rằng những giáo sư giả này nói những lời nói hư không. Họ bịa đặt ra nhiều loại câu chuyện khác nhau không có ý nghĩa. Điều đó cho thấy rằng những gì họ nói là ngớ ngẩn, vô dụng chẳng giúp được ai.

**và lừa gạt:** Họ cũng lừa gạt dân chúng. Họ muốn dân chúng tin rằng sự dạy dỗ của họ là thật, cho dù nó không thật. Bạn có thể chuyển ngữ như sau:

Họ nói nhảm và cố gắng làm cho người khác tin vào những điều vô nghĩa mà họ nói.

**-HAY-**

Họ lừa gạt những người khác bằng lời nói nhảm.

**1:10c**

**nhất là:** Sứ đồ Phao-lô dùng từ *nhất là* để cho thấy là có một nhóm người phản loạn mà ông ông Tích cần nên để ý đến.

**những kẻ trong nhóm người cắt bì:** Những người Do Thái này đã tin Chúa Giê-su, nhưng họ muốn những người tin Chúa phải tuân giữ luật lệ Do Thái, nhất là các luật lệ cắt bì. Bạn có thể chuyển ngữ như sau:

Nhiều giáo sư thuộc về nhóm người mà họ cứ khăng khăng đòi tất cả các người đàn ông phải chịu cắt bì [theo như luật lệ của người Do Thái].

-HAY-

Điều này là đúng nhất với những người dạy rằng các con dân Chúa phải được cắt bì [theo luật lệ của người Do Thái].

Bạn cũng sẽ cần phải quyết định đặt câu này ở đâu. Một số bản dịch để nó ở phần đầu của câu. Thí dụ: “Vì có nhiều người, đặc biệt là những người theo đạo Giu-đa mới tin Chúa...” Hãy quyết định điều nào tốt nhất đối với ngôn ngữ bạn.

**nhóm người cắt bì:** Trong thời của sứ đồ Phao-lô, nhóm từ này nói về người Do Thái, nhưng trong ngữ cảnh này nói về những tín hữu nguyên là người Do Thái.

**1:11a**

**Cần phải bịt miệng họ lại:** Mặc dù câu này không viết theo thể mệnh lệnh, nhưng theo ý nghĩa, đó là một mệnh lệnh. Sứ đồ Phao-lô ra lệnh cho ông Tích: “Hãy làm cho họ yên lặng!” Sứ đồ Phao-lô không muốn nói là ông Tích không nên để cho họ nói gì hết. Ông muốn nói là ông Tích phải cấm những giáo sư giả mạo này dạy những tà giáo. Ông Tích (và các người lãnh đạo hội thánh do ông chọn) phải tìm cách ngăn ngừa họ dạy tà giáo cho các con dân Chúa.

**1:11b**

**vì lợi lộc thấp hèn:** Lý do những giáo sư giả mạo này dạy các điều sai lầm là để lấy tiền của người ta. Động cơ của họ không phải là để giúp đỡ người ta, nhưng để làm giàu. Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *thấp hèn* cũng còn có nghĩa là “nhục nhã” hay “hỗ thẹn”, có lẽ đó là ý nghĩa tốt nhất trong câu này. Các giáo sư giả

mạo đang làm y theo những điều mà sứ đồ Phao-lô đã nói trong 1:7, rằng các trưởng lão không được làm: Họ đang làm sai (dạy sai giáo lý) cốt để lấy tiền.

**1:11c**

**dạy những điều không đáng dạy:** Họ làm như vậy bằng cách dạy những điều không đúng. Bạn có thể nói rõ hơn như thế này:

những sự dạy dỗ [sai] của họ mà họ không nên dạy [dân chúng].

**phá hoại toàn thể gia đình một số người:** Đây là lý do mà sứ đồ Phao-lô muốn ông Tích chặn đứng việc dạy dỗ sai: họ phá hoại đức tin của nhiều người. Chữ *gia đình* nói về những người cùng sống chung trong một nhà. Theo BDC, ở đây sứ đồ Phao-lô nói rằng các giáo sư giả mạo “phá đổ cả nhà người ta”. Vì họ làm cho người ta nghe và theo sự dạy dỗ sai, thực ra họ làm cho cả nhà của một số người từ bỏ lẽ thật dạy về Chúa Giê-su.

**1:12**

Ở đây sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích về việc một người Cơ-rét sống trước đó khá lâu đã nói. Bạn có thể để phần trích dẫn này trong một hình thức khác. Làm như vậy sẽ giúp cho người đọc biết là sứ đồ Phao-lô đang trích dẫn lời nói của một người khác.

**1:12a**

**Chính một tiên tri của họ đã nói:** Sứ đồ Phao-lô nói rằng tư cách của các giáo sư giả mạo phù hợp với những điều người ta đã nói về người ở đảo Cơ-rét.

**một tiên tri:** Từ *tiên tri* được dùng ở đây có nghĩa là một người mà người Cơ-rét tin là có quyền năng nói tiên tri. Nhưng ông ta không phải là tiên tri thật của Đức Chúa Trời. Trong câu này, bạn có thể chuyển ngữ *tiên tri* như là “một giáo sư nổi tiếng”, hay “một người khôn ngoan”. Người này sống trước thời sứ đồ Phao-lô và ông Tích hàng mấy trăm năm. Vậy bạn có thể nói là “một người hồi xưa” hay dùng từ đặc biệt hay thể của động từ cho thấy là người này sống trước đó hàng trăm năm. Bạn có thể thử dùng ý sau đây:

<b>1:10c</b>	<p><b>nhất là những kẻ trong nhóm người cắt bì.</b>          Đặc biệt là [quả thật là] những người thuộc về nhóm [mà họ nói rằng tất cả tín hữu] phải được cắt bì [theo luật lệ của người Do Thái].  <b>-HAY-</b>          [Phần nhiều trong số giáo sư này] thuộc về nhóm mà họ [muốn tất cả tín hữu phải theo luật của người Do Thái, nhất là] luật về việc cắt bì.</p>
<b>1:11a</b>	<p><b>Cần phải bịt miệng họ lại.</b>          Đừng cho phép những người này dạy dỗ,  <b>-HAY-</b>          [Con] không cho phép những giáo sư giả mạo này dạy [các con dân Chúa],</p>
<b>1:11b</b>	<p><b>Họ vì lợi lộc thấp hèn,</b>          [Họ dạy những điều sai lầm của họ] để họ có thể nhận tiền [của người ta].</p>
<b>1:11c</b>	<p><b>dạy những điều không đáng dạy, phá hoại toàn thể gia đình một số người.</b>          vì khi họ dạy những điều mà họ không nên dạy, họ làm cho toàn thể gia đình [tin các sự dạy dỗ này và] quay khỏi [Chúa Giê-su].  <b>-HAY-</b>          vì khi họ dạy [người ta] những điều không thích hợp/không đúng, họ phá hủy [đức tin của] cả gia đình của nhiều người.</p>
<b>1:12a</b>	<p><b>Chính một tiên tri của họ đã nói:</b>          Có một người khôn ngoan [từ đời xưa]. Ông ta cũng là người Cơ-rét và đây là điều ông ta đã nói:  <b>-HAY-</b>          Một giáo sư của người Cơ-rét [sống cách đây khá lâu xác định những điều tôi nói, khi ông] đã nói [về đồng bào của ông]:</p>
<b>1:12b</b>	<p><b>“Người Cơ-rét hay nói láo,          “Người Cơ-rét luôn luôn nói láo.</b></p>

Ngay cả đến một người Cơ-rét khôn ngoan, chính người ấy đã nói [từ nhiều năm trước/từ xưa] về người của ông...

**của họ:** Cho thấy đây không phải là nhận xét của một người không phải là người Cơ-rét nhưng là từ một người Cơ-rét am hiểu văn hóa của họ.

### 1:12b

Lời nói thật sự của người tiên tri bắt đầu ở đây. Những chữ này có lẽ đã được viết vào

trong một sách hay được nhiều người biết mà sứ đồ Phao-lô đã nghe.

**Người Cơ-rét hay nói láo:** Người tiên tri này đã nói người Cơ-rét luôn nói láo.... Đây là cách nói thổi phồng. Đúng ra không phải tất cả những người Cơ-rét luôn nói láo. Nó chỉ có nghĩa là người Cơ-rét nổi tiếng về *nói láo* và họ có thói quen nói láo.

**1:12c**

**là thú dữ:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy họ không tự kiểm chế trong hành động của họ được. Họ chạy theo bản năng của họ và không phân biệt được sai và đúng.

**1:12d**

**ham ăn và lười biếng:** Việc thứ ba mà người tiên tri nói về người dân trong xứ của ông là họ lười biếng ham ăn. Một cách để chuyển ngữ là:

người chẳng muốn làm một việc gì nhưng chỉ muốn ăn.

**1:13a**

**Lời đó thật đúng:** Đây là lời sứ đồ Phao-lô nói, không phải là lời của tiên tri Cơ-rét trong 1:12. Có thể chuyển ngữ là:

Điều mà tiên tri đó đã nói về người Cơ-rét là đúng.

**1:13b**

**Vậy:** Từ *Vậy* dùng để nối ý của nhóm từ theo sau với các từ ở đằng trước. Sứ đồ Phao-lô nói với ông Tích: “Bởi vì những người Cơ-rét là người như vậy, đó là lý do con phải nghiêm khắc khiển trách họ”.

**con hãy nghiêm khắc khiển trách họ:** Điều này có nghĩa là nói với họ một cách mạnh mẽ rằng họ sai lầm. Sứ đồ Phao-lô dùng thể của động từ trong tiếng Hy-lạp, có nghĩa là ông Tích phải tiếp tục khiển trách họ, không phải chỉ làm một lần. Nếu ngôn ngữ của bạn có một cách nói tự nhiên, bạn có thể dùng nó ở trong bản dịch của bạn. Thí dụ:

Vậy nên đó là lý do ta bảo con tiếp tục khiển trách họ

-HAY-

Vậy nên đó là lý do tại sao con tiếp tục cho họ thấy là họ sai.

**ng nghiêm khắc:** *Nghiêm khắc* có nghĩa là ông Tích nên cứng rắn, thẳng thắn, trực tiếp. Điều mà những người này làm là một sự nguy hiểm trầm trọng cho đời sống thuộc linh của các con dân Chúa ở Cơ-rét. Ông Tích phải đối phó với nan đề một cách cứng rắn và mạnh mẽ.

**họ:** *Họ* muốn nói đến ai? Có thể có 3 ý mà các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau:

- (1) *Họ* nói đến cả tín hữu Cơ-rét đang bị lừa gạt bởi các giáo sư giả mạo. Ý này phù hợp với những gì theo sau trong 1:14, nói đến những người bị lừa gạt, không phải người đang lừa gạt người khác.
- (2) *Họ* nói đến các giáo sư giả mạo, nằm trong đề tài bàn luận của sứ đồ Phao-lô từ câu 1:10 và nó cũng hợp lý để hiểu rằng sứ đồ Phao-lô cũng đang nói về cùng một vấn đề ở đây.
- (3) *Họ* nói về bất cứ người nào sống trên đảo Cơ-rét, có thể là các giáo sư giả mạo hay các tín hữu, những người mà sứ đồ Phao-lô nghĩ họ cần quay lại với chân lý.

Cả ba đều có thể đúng. Bởi vì không thể chắc chắn là ai, nếu được bạn nên chuyển ngữ một cách tổng quát. Nếu bạn cần phải nói rõ ra hơn bạn có thể dùng:

các tín hữu Cơ-rét đó là những người theo tà giáo

**1:13c**

**để:** Phần này của câu cho thấy mục đích của việc khiển trách là *để* ngăn chặn các tín hữu tin theo các giáo sư giả mạo. Sứ đồ Phao-lô muốn ông Tích khiển trách người ta *để* họ thôi không tin điều giáo sư giả mạo dạy nhưng tin những chân lý về Chúa Giê-su và Phúc Âm.

**họ được vững chắc trong đức tin:** Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *vững chắc* theo nghĩa đen là “khỏe mạnh”. Hãy xem lời giải thích trong 1:9b. Nhóm từ này có nghĩa “vững chắc tin sự dạy dỗ đúng”. Sứ đồ Phao-lô muốn họ tin những gì đúng.

**1:14a**

Đây là mục đích thứ nhì mà sứ đồ Phao-lô muốn ông Tích quả trách những người này. Mục đích thứ nhất, trong 1:13c, là việc tích cực (phải thi hành). Mục đích thứ hai, trong 1:14 là việc tiêu cực (không được làm).

**không quan tâm đến:** *Quan tâm* ở đây có nghĩa là “chú ý/để ý đến”. Một số các con dân Chúa ở Cơ-rét có lẽ đã chú ý đến những tà giáo này, và sứ đồ Phao-lô muốn họ ngừng lại.



<b>1:12c</b>	<b>là thú dữ</b> [Họ cư xử giống như] thú dữ trong rừng. -HAY- [Họ] gian ác và hung dữ.
<b>1:12d</b>	<b>ham ăn và lười biếng.”</b> Họ là những người lười biếng, luôn luôn ăn uống nhiều hơn họ cần." -HAY- Họ [quá] lười biếng [với công việc]. Chỉ có biết ăn uống."
<b>1:13a</b>	<b>Lời đó thật đúng.</b> Những lời [của tiên tri này về người Co-rét] [vẫn] còn đúng.
<b>1:13b</b>	<b>Vậy, con hãy nghiêm khắc khiển trách họ,</b> Vì [những lời này vẫn còn đúng sự thật], thẳng thắn bảo họ là họ sai -HAY- Vậy nên, [ta muốn con] cứng rắn khiển trách [những tín hữu đi theo sự dạy dỗ giả mạo này]
<b>1:13c</b>	<b>để họ được vững chắc trong đức tin;</b> để họ sẽ tin chắc vào sự dạy dỗ đúng [về Chúa Giê-su]. -HAY- để họ [sẽ không tiếp tục tin các giáo sư giả mạo này và] sẽ tin sự dạy dỗ thật [về Chúa Giê-su].
<b>1:14a</b>	<b>không quan tâm đến những huyền thoại Do Thái</b> và [để] họ sẽ không [còn] tin nơi những câu chuyện người Do Thái [đặt ra].
<b>1:14b</b>	<b>và các điều răn của những người khước từ chân lý.</b> hay chú ý đến các luật lệ [tôn giáo] [được đặt ra] bởi những người từ chối đi theo sự dạy dỗ đúng [về Chúa Cứu Thế Giê-su].

Những người khác thì chưa đi theo những tà giáo này, và sứ đồ Phao-lô muốn ngăn chặn họ trước.

**những huyền thoại Do Thái:** Một *huyền thoại* là câu chuyện được đặt ra trong quá khứ cố để dạy người ta, và đã truyền lại từ đời này đến đời khác. Nó có thể được dựa theo những gì đã xảy ra trong quá khứ hay là điều tự đặt ra để giải thích tại sao người ta giữ những phong tục. Nhưng nó không phải là chuyện có thật giống như lịch sử. *Huyền thoại* mà sứ đồ Phao-lô nói đến ở đây đã được đặt ra bởi người Do Thái. Một cách khác để chuyển ngữ ý này có thể là:

những câu chuyện mà người Do Thái đã bịa đặt ra

#### **1:14b**

**các điều răn:** Từ *điều răn* mà sứ đồ Phao-lô nói đến ở đây là luật pháp hay luật lệ mà người ta nghĩ ra chứ không phải sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời hay Kinh Thánh. Đa số các học giả nói rằng những luật lệ này về thức ăn, hay hôn nhân, hay các nghi lễ khác. Các giáo sư người Do Thái thường dạy về những điều này.

**những người khước từ chân lý:** Những người này đã bỏ không theo Phúc Âm là sự dạy dỗ thật về Đức Chúa Trời. Họ *khước từ chân lý*

nói: “Tôi không tin. Tôi không muốn theo. Tôi không muốn liên quan gì đến nữa”.

#### Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:13-14

Bạn có thể phối hợp một số những thông tin này ở trong 1:14 với thông tin ở trong 1:13 và sắp đặt lại thứ tự. Điều này tùy thuộc điều nào tốt hơn đối với ngôn ngữ của bạn, hoặc để mục đích tiêu cực trong 1:14 trước mục đích tích cực trong 1:13 “để họ được vững chắc trong đức tin”. Một cách để thay đổi thứ tự trong hai câu này:

Điều người đàn ông này nói là thật. Vậy, hãy cứng rắn bảo họ rằng họ đang theo sự dạy dỗ sai lầm. [Bảo họ điều này] để họ không nghe những câu chuyện do các [giáo sư] Do Thái đặt ra hay nghe theo những luật lệ đặt ra bởi những người từ chối đi theo sự dạy dỗ đúng [của Phúc Âm]. Ta bảo con làm như vậy vì ta muốn họ] tin sự dạy dỗ thật [về Chúa Cứu Thế Giê-su].

#### **1:15**

Sứ đồ Phao-lô không giải thích câu này liên hệ với sự thảo luận của ông ở trong 1:10-14 như thế nào. Chìa khóa để hiểu câu này là biết một số sự việc mà các giáo sư giả mạo dạy dỗ. Họ dạy rằng cách để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời là vâng theo một số luật lệ và luật pháp, như là luật lệ cấm các con dân Chúa ăn một số đồ ăn, hay luật lệ bắt họ phải làm một số nghi lễ nhất định nào đó trong một số ngày lễ nhất định (thí dụ, hãy xem 1 Cô-rinh-tô 8:8; 1 Ti-mô-thê 4:3, Cô-lô-se 2:16, 20-23, Hê-bơ-rơ 13:9.) Đối với các giáo sư giả mạo đây là cách để trở nên “trong sạch”. Nhưng đây không phải là sự dạy dỗ của Phúc Âm. Sự dạy dỗ của Phúc Âm là Đức Chúa Trời chấp nhận người ta bởi vì Chúa Cứu Thế Giê-su đã chết thế cho họ.

Vậy nên, sứ đồ Phao-lô tiếp tục lời hướng dẫn của ông cho ông Tích về cách đối phó với các giáo sư giả mạo. Ông nói về sự trong sạch.

#### **1:15a**

**người trong sạch:** Từ *trong sạch* được dùng với hai ý khác nhau trong phần này của câu. Khi sứ đồ Phao-lô nói đến *người trong sạch*, ông có ý nói những người được Đức Chúa Trời kể là công chính.

**tất cả đều trong sạch:** Khi sứ đồ Phao-lô nói về *những vật trong sạch*, ông có ý nói những vật trong sạch theo nghi lễ. Các giáo sư giả mạo nói rằng có những thứ đồ ăn người tín hữu bị cấm không được ăn. Sứ đồ Phao-lô nói điều đó không đúng sự thật. Đối với những người *trong sạch* (sống trong một đường lối đẹp lòng Đức Chúa Trời), không có thức ăn nào hay vật gì là ô uế hay bị cấm.

**tất cả:** Trong câu này, *tất cả* nói về những đồ vật mà người ta dùng mỗi ngày, như các thức ăn/thực phẩm.

Do đó khi sứ đồ Phao-lô nói *đối với người trong sạch, tất cả đều trong sạch*, ông muốn rằng không có thức ăn nào hay vật gì mà Đức Chúa Trời cấm con người ăn hay sử dụng. Cơ-đốc nhân không phải tuân theo các luật lệ về thức ăn, nghi lễ, hay những gì khác để làm cho họ trở nên thánh sạch hay để Đức Chúa Trời chấp nhận họ. (Trong 1 Ti-mô-thê sứ đồ Phao-lô đã nói về cùng một việc như ở đây.)

Một vài cách để chuyển ngữ câu này là:

Đối với những người được trong sạch [theo tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời], không có gì là không trong sạch/xấu [mà họ không dùng được],

-HAY-

Đối với những người sống đẹp lòng Đức Chúa Trời, không có thức ăn nào là ô uế/xấu không được ăn cả.

#### **1:15b**

**nhưng:** Phần này của câu cho thấy sự đối nghịch lại của những người trong sạch trước mắt Đức Chúa Trời.

**đối với kẻ bại hoại:** Sứ đồ Phao-lô nói trực tiếp đến các giáo sư giả mạo ở đây. *Kẻ bại hoại* có nghĩa là người bị ma quỷ ảnh hưởng mạnh mẽ, lòng và hành động của họ bị ma quỷ điều khiển. Về *bại hoại*, bạn có thể nói: “những người mà lòng đã trở nên gian ác”. Đức Chúa Trời không cho họ là trong sạch về phần thuộc linh.

**vô tín:** Sứ đồ Phao-lô đang nói về những người *không tin* Chúa Giê-su, hay chân lý của Phúc Âm.

<b>1:15a</b>	<b>Đối với người trong sạch, tất cả đều trong sạch,</b> Những người sống một cách trong sạch đạo đức, không có gì không trong sạch/sai [để dùng].
<b>1:15b</b>	<b>nhưng đối với kẻ bại hoại vô tín, thì chẳng có gì trong sạch cả.</b> Nhưng đối với những người gian ác và không tin [Chúa Giê-su], chẳng có điều gì họ làm là công chính cả.
<b>1:15c</b>	<b>Thật ra, cả tâm trí lẫn lương tâm của họ đều bại hoại.</b> Thật ra, họ luôn luôn suy nghĩ cách gian ác, và họ không còn biết phân biệt điều đúng và sai.

**chẳng có gì trong sạch cả:** Có hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Tất cả mọi việc mà những người tội lỗi này làm hay suy nghĩ đều bị ma quỷ ảnh hưởng. Theo một quan niệm 1:15b-c có thể chuyển ngữ theo cách này:

“Nhưng những người bị hư hoại [về phần thuộc linh] và không tin cậy [Chúa Giê-su] [khiến] cho mọi điều [họ làm hay mọi vật họ đụng đến trở nên] không trong sạch [theo nghi lễ và về phần thuộc linh]”.

- (2) Những người gian ác này nghĩ rằng không có gì là trong sạch cả. Sứ đồ Phao-lô đang nói về quan niệm của họ. Ngay cả các vật không gian ác, giống như thức ăn những người này cũng gọi là gian ác. Do đó, họ đã lập ra những luật lệ thế nào làm cho thức ăn và các vật khác trong sạch và khuyên những người khác vâng theo luật lệ của họ.

Ý nghĩa nào trong hai ý nghĩa trên đều có thể chấp nhận được. PKTCN dùng cách giải thích thứ nhất. Tuy nhiên, nếu bạn muốn dùng cách giải thích thứ hai, bạn có thể nói:

Họ nghĩ rằng không có gì là trong sạch cả.

### **1:15c**

**Thật ra:** BDM bắt đầu với *Thật ra* để nhấn mạnh sự thật ông nói tiếp theo, tuy nhiên, trong bản Hy-lạp không có từ này nhưng chỉ hàm ý.

**cả tâm trí lẫn lương tâm của họ đều bị bại hoại:** Trong 1:15a-b, sứ đồ Phao-lô nói rằng *không có gì trong sạch* cho những người hư hoại này. Ở đây trong 1:15c sứ đồ Phao-lô mô tả thêm một số những sự hư hoại đó như thế nào. Không những không có việc làm nào của họ là trong sạch cả, nhưng ngay *cả tâm trí lẫn lương tâm của họ đều bị băng hoại*.

**tâm trí:** Từ *tâm trí* có thể chuyển ngữ là “cách họ suy nghĩ”, “tư tưởng của họ”, hay “cách họ lý luận”. Đối với ngôn ngữ của bạn, bạn nên nói về cách người ta suy nghĩ và lý luận như thế nào.

**lương tâm:** *Lương tâm* là phần của con người giúp cho họ biết điều đúng và điều sai, và nó cũng khiến cho họ cảm thấy xấu hổ, hay biết tội lỗi khi làm điều sai. Nếu ngôn ngữ bạn không có từ cho chữ *lương tâm*, bạn có thể chuyển ngữ như “cách họ nghĩ về việc đúng hay sai” hay “kiến thức của họ về việc đúng hay sai”. Khi sứ đồ Phao-lô nói: “lương tâm của họ bị bại hoại,” ông nói rằng họ không còn biết thế nào để phân biệt đúng và sai, hay họ không còn có mặc cảm về tội lỗi khi họ phạm tội. Bạn có thể chuyển ngữ phần của câu này như:

khi họ phạm tội, họ không còn cảm nhận họ có tội.

*Tâm trí* và *lương tâm* là hai cụm từ gần giống nhau. Cả hai cùng đề cập đến cách con người suy nghĩ và cảm thấy ở bên trong. Đối với nhiều ngôn ngữ khó mà chuyển ngữ *lương tâm* và phân biệt *tâm trí* và *lương tâm* thì lại

càng khó hơn. Đây là một mẫu chuyển ngữ của 1:15c:

Ngay cả cách họ suy nghĩ cũng trở nên gian ác, và họ không còn phân biệt được đúng và sai.

### 1:16

Đây là phần cuối trong sự mô tả của sứ đồ Phao-lô về các giáo sư giả mạo. Ông nói rằng mặc dù những người giáo sư giả mạo này nói họ là con dân Chúa, rõ ràng họ không tin Chúa. Đây là lời tuyên bố vắn tắt của sứ đồ Phao-lô trong tất cả những điều mà ông nói với ông Tích về các giáo sư giả mạo ở trong 1:10-15.

### 1:16a

**họ:** Từ *họ* ở đây nói đến các giáo sư giả mạo ở trong 1:10-15.

**tự xưng:** Từ trong bản Hy-lạp được dùng ở đây để nói rằng, có một điều gì đó là thật, dù có thật hay không. Từ *tự xưng* được theo sau bằng một lời đối thoại gián tiếp. Bạn cần quyết định điều nào tốt nhất đối với ngôn ngữ của bạn, dùng từ này một cách trực tiếp hay gián tiếp.

Họ tuyên bố rằng họ biết Đức Chúa Trời.  
(gián tiếp)

Hay một lời đối thoại trực tiếp:

Họ tuyên bố: “Chúng tôi biết Đức Chúa Trời.”

### 1:16b

**nhưng lại chối bỏ Ngài trong các hành động của mình:** Nói một cách khác là: “cách họ

sống cho chúng ta thấy rằng họ thật sự không biết Đức Chúa Trời”, hay “. . . họ nói dối”.

### 1:16c

**Thật là những kẻ ghê tởm:** Từ trong bản Hy-lạp ở đây có nghĩa là “một cái gì đó mà người ta ghét hay nên ghét”. Hành động của họ đầy tội lỗi nên họ thật ghê tởm đối với Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài.

**bất phục tùng:** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp là một từ tổng quát, và nó có thể có nghĩa là họ không vâng lời Đức Chúa Trời, hay là họ không vâng lời bất cứ ai (như là ông Tích và các người lãnh đạo hội thánh khác). Trong câu này, rất có thể sứ đồ Phao-lô nói về các giáo sư giả mạo không vâng lời Đức Chúa Trời. Nếu trong bản dịch của bạn phải nói là họ không vâng lời ai, bạn có thể thêm “Đức Chúa Trời” vào.

### 1:16d

**không thể làm một việc gì tốt lành cả:** Các lời cuối cùng của sứ đồ Phao-lô ở đây nói về các giáo sư giả mạo không đủ khả năng để làm một điều gì tốt cả. Hãy chú ý là sứ đồ Phao-lô nói những người này không có khả năng làm việc tốt lành, ông không nói là họ chỉ không muốn làm điều tốt lành. Dĩ nhiên, ngay cả người gian ác có thể làm những việc mà có vẻ tốt lành. Nhưng câu này và các câu khác trong Kinh Thánh dạy chúng ta rằng những người tội lỗi không thể làm một điều gì được Đức Chúa Trời coi là tốt lành (hãy xem Ê-sai 64:6, La-mã 7:18).

## Tiểu đoạn 2:1-10 Sứ đồ Phao-lô hướng dẫn ông Tích về cách cư xử của con dân Chúa

Trong chương 2, sứ đồ Phao-lô nói với ông Tích về cách cư xử của con dân Chúa. Ông dạy về những nhóm người riêng biệt (theo từng lứa tuổi và từng phái): những người đàn ông lớn tuổi (2:2), các phụ nữ lớn tuổi và trẻ tuổi (2:3-5), các thanh niên (2:6-8) và các nô lệ (2:9-10). Ông muốn tất cả các con dân Chúa phải cư xử theo sự dạy dỗ về Chúa Giê-su để các người khác sẽ thấy rằng sự dạy dỗ về Phúc Âm là tốt.

Trong tiểu đoạn này, sứ đồ Phao-lô dạy ông Tích một số điều để ông Tích truyền lại cho mỗi nhóm. Trong hầu hết các bản dịch, những sự dạy dỗ này nằm trong hình thức của những lời phán gián tiếp: “Hãy dạy họ làm...” Sứ đồ Phao-lô không hướng dẫn tín hữu một cách trực tiếp. Bạn

- 1:16a** **Họ tự xưng là người biết Đức Chúa Trời,**  
 Các giáo sư giả mạo này nói [với người ta] rằng họ biết Đức Chúa Trời.  
 -HAY-  
 Những giáo sư giả mạo này nói [với người ta]: “Chúng tôi thật sự biết Đức Chúa Trời.”
- 1:16b** **nhưng lại chối bỏ Ngài trong các hành động của mình.**  
 nhưng [chẳng cần biết họ nói gì] lối sống của họ cho thấy [một cách rõ ràng] rằng [thật sự] họ không biết Đức Chúa Trời.  
 -HAY-  
 Nhưng [thật rõ ràng là họ nói dối, vì] việc họ làm bày tỏ họ không biết Đức Chúa Trời.
- 1:16c** **Thật là những kẻ ghê tởm, bất phục tùng**  
 Họ thật đáng ghét, họ không vâng lời [Đức Chúa Trời].  
 -HAY-  
 [Thái độ của] họ thật ghê tởm, họ không vâng [theo luật pháp của Đức Chúa Trời].
- 1:16d** **và không thể làm một việc gì tốt lành cả.**  
 và không thể là công chính.  
 -HAY-  
 và họ thật không biết làm điều tốt nào cả.

**Tiểu đoạn 2:1-10 Phao-lô hướng dẫn Tích về cách cư xử của con dân Chúa**

- 2:1** **Nhưng con phải dạy những điều đúng theo đạo lý chân chính.**  
 [Tích,] khi con dạy các con dân Chúa, điều con dạy phải phù hợp với sự dạy dỗ đúng về Chúa Cứu Thế Giê-su.  
 -HAY-  
 Nhưng về phần con, [Tích, luôn luôn] dạy các con dân Chúa cư xử một cách xứng đáng là những người tin vào lẽ thật.

cần nên chắc chắn rằng bạn bày tỏ điều này một cách tự nhiên bằng ngôn ngữ của bạn, hoặc dùng những mệnh lệnh gián tiếp hay các mệnh lệnh trực tiếp, như: “Hãy dạy các bô lão: ‘Phải chùng mực...’” Sau khi bạn đã quyết định cách nào tốt nhất đối với ngôn ngữ của bạn, hãy cẩn thận để cho được nhất quán trong suốt cả đoạn văn này.

**Đoạn văn 2:1-2**

Trong 2:1, sứ đồ Phao-lô đưa ra các lời hướng dẫn tổng quát về cách mà ông Tích phải dạy các nhóm người khác nhau ở trong hội thánh. Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích phải dạy thế nào để vừa chính xác vừa đúng. Trong 2:2, ông bắt

đầu lời hướng dẫn cho một nhóm trong hội thánh: các người đàn ông lớn tuổi.

**2:1**

**con phải dạy:** Tiểu đoạn mới này tương phản với 1:10-16 trong sự dạy dỗ của sứ đồ Phao-lô về các giáo sư giả mạo. Ở đây sứ đồ Phao-lô nói về sự dạy dỗ giáo lý đúng. Trong bản Hy-

lập câu này được bắt đầu bằng hai từ rất mạnh “nhưng con”. Nếu ngôn ngữ của bạn có sự tương phản rõ rệt, bạn có thể dùng nó ở đây. Thí dụ, bạn có thể nói: “Nhưng về phần con...” hay “Không được giống như các giáo sư giả mạo, nhưng...” Vì câu này bắt đầu một tiểu đoạn mới, có thể giúp cho độc giả của bạn nếu bạn nói rõ “con” nói về ai: “Nhưng về phần con, Tích...”

Từ Hy-lạp dùng ở đây mang ý nghĩa “tiếp tục dạy”. Trong bản Hy-lạp không nói rõ ai là những người ông Tích dạy, nhưng ngữ cảnh cho thấy rõ là sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích dạy các tín hữu; đây không phải là điều ông dạy mọi người. Do đó, nếu bạn nghĩ cần nói rõ trong bản dịch của bạn như trong PKTCCN.

**theo:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây mang ý nghĩa là “đồng ý với”, hay “nhất quán với”.

**đạo lý chân chính:** Xem lời giải thích ở 1:9b. Theo nghĩa đen có nghĩa là sự dạy dỗ phải “lành mạnh” không “bình hoạn”. Sứ đồ Phao-lô chỉ thị cho ông Tích phải dạy một cách trung thực và chính xác. Làm như vậy để hướng dẫn người ta tin Chúa Giê-su một cách đúng và cũng cư xử giống như cách các con dân Chúa nên làm.

### 2:2a

**Hãy dạy dỗ:** Sứ đồ Phao-lô đề cập đến một nhóm người nhất định. Có thể ngôn ngữ của bạn có một cách đặc biệt để bảo người đọc rằng bạn đang đi từ sự hướng dẫn tổng quát ở trong 2:1 đến sự bắt đầu của sự hướng dẫn chi tiết ở trong 2:2. Trong bản Hy-lạp câu này không bắt đầu bằng một động từ, nhưng được hàm ý, nên nhiều bản (kể cả BDM) thêm động từ *dạy dỗ* để làm cho rõ ý.

**các bô lão:** Nhóm đầu tiên mà sứ đồ Phao-lô nói đến là những tín hữu đàn ông lớn tuổi. Có lẽ sứ đồ Phao-lô muốn nói đến các người đàn ông trên 50 tuổi.

**phải chừng mực:** Một số bản dịch dùng “nghiêm túc, đàng hoàng”. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng điều sứ đồ Phao-lô muốn nói ở đây là đàn ông lớn tuổi không nên say rượu. Nhưng đa số các học giả Kinh Thánh cho rằng từ này nói đến một ý nghĩa

tổng quát hơn, tức là, các đàn ông lớn tuổi nên kiểm chế cách ăn ở của họ. Có những cách khác để chuyển ngữ *chừng mực* là: “biết quân bình”, “điều độ” hay “tiết chế”.

**nghiêm trang:** Các người đàn ông lớn tuổi nên cư xử theo cách nào để cho người khác sẽ kính trọng họ. Có thể nói một cách khác là “đứng đắn” hay “tự trọng”.

**tiết độ:** Cùng một từ Hy-lạp được dùng trong 1:8c. Đó là một phẩm chất của những người tín hữu lớn tuổi nên có. Bạn nên dùng một từ như bạn đã dùng trong câu 1:8c. Sứ đồ Phao-lô khuyên môn đệ Tích dạy các tín hữu lớn tuổi nên có một đời sống tiết độ. Xem lời giải thích ở 1:8c.

### 2:2b

**và vững vàng:** Từ Hy-lạp *vững vàng* được dùng ở đây cùng là một từ được dùng ở trong các câu 1:9, 1:13 và 2:1; trong 3 chỗ này, sứ đồ Phao-lô đều nói về các giáo lý đúng. Theo nghĩa đen trong tiếng Hy-lạp từ này có nghĩa là “mạnh khỏe”. Từ dùng ở đây muốn nói đến *vững vàng* đi chung với ba phẩm chất được đề cập đến phần này là *đức tin, tình yêu thương và kiên nhẫn*.

**trong đức tin:** Từ *đức tin* là một trong ba từ ngữ mang tính chất trừu tượng trong tiếng Hy-lạp. Trong bản Hy-lạp, ở đây không ghi rõ đối tượng của *đức tin*. Tuy nhiên, bạn có thể cần phải thêm đối tượng của *đức tin* để làm cho rõ ý đối với ngôn ngữ của bạn. Có thể có ba đối tượng của đức tin ở đây:

- (1) Đức tin vào Đức Chúa Trời
- (2) Tin đúng giáo lý
- (3) Cả hai ý trên

Tốt nhất là không nói rõ đối tượng của đức tin ở đây. Tuy nhiên, nếu cần phải có đối tượng của đức tin, khuyên bạn nên chọn cách số (1).

**yêu thương:** Các tín hữu lớn tuổi phải có tình yêu thương *vững vàng*, có nghĩa là họ phải thật lòng yêu thương người khác. Một ý để có thể chuyển ngữ từ này là, “yêu người khác một cách thành thật/thật nhiều”.

**và kiên nhẫn:** Sứ đồ Phao-lô muốn nói rằng họ nên *kiên nhẫn* trong sự khó khăn hay

<b>2:2a</b>	<p><b>Hãy dạy dỗ các bà lão phải chừng mực, nghiêm trang, tiết độ,</b> [Trước hết, con phải] dạy các đàn ông lớn tuổi phải kiểm chế lối sống của họ, phải hành động thế nào để cho người ta sẽ kính trọng họ và phải cư xử một cách hợp lý. <b>-HAY-</b> Hãy dạy những đàn ông lớn tuổi rằng họ phải luôn luôn tự chủ, họ phải cư xử thế nào để người ta kính trọng họ, và nên hành động trong sự khôn ngoan.</p>
<b>2:2b</b>	<p><b>và vững vàng trong đức tin, trong tình yêu thương và kiên nhẫn;</b> Họ phải vững chắc tin [Đức Chúa Trời], chân thành yêu thương [người khác] và [dù những khó khăn bất trắc có thể xảy ra] họ phải trung tín đi theo/hầu việc [Chúa Cứu Thế Giê-su].</p>
<b>2:3a</b>	<p><b>các bà lão cũng thế, phải sống cách kính cẩn,</b> Đồng một thể ấy, hãy dạy các đàn bà lớn tuổi phải sống thế nào để Danh Đức Chúa Trời được tôn trọng trong mọi việc họ làm.</p>
<b>2:3b</b>	<p><b>không được nói xấu, không nghiện rượu,</b> [Hãy bảo họ] đừng nói những điều xấu/có hại cho bất cứ ai, cũng đừng để việc ham uống rượu điều khiển họ.</p>

“không bỏ cuộc”. Nếu một người có kiên nhẫn, người đó sẽ tiếp tục đi theo Chúa ngay cả khi phải chịu khổ. Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích dạy các tín hữu lớn tuổi không được bỏ đức tin của họ khi gặp những khó khăn, những nan đề xảy đến cho họ. Một thí dụ để chuyển ngữ *kiên nhẫn* là:

Khi nan đề xảy ra, họ vẫn tiếp tục tin tưởng mạnh mẽ.

#### Đoạn văn 2:3-5

Câu này bắt đầu một đoạn mới. Trong 2:3-5 sứ đồ Phao-lô chỉ thị cho ông Tích dạy các phụ nữ lớn tuổi.

#### 2:3a

**các bà lão cũng thế:** Từ *cũng thế* nối sự dạy dỗ về các người đàn ông lớn tuổi với sự hướng dẫn các phụ nữ lớn tuổi. Hãy suy nghĩ xem bạn làm thế nào để nối hai nhóm ý tưởng lại với nhau và cho thấy là tương tự như nhau bằng ngôn ngữ của bạn. Bạn có thể dùng cách nối đó ở đây. Một số cách chuyển ngữ tương tự bắt đầu 2:3 bằng một câu mới: “Trong cùng một cách” “Cũng như vậy”, hay “Những sự

dạy dỗ đó cũng đúng cho các phụ nữ lớn tuổi nữa”.

**các bà lão:** Dường như ông muốn nói đến các phụ nữ trên 50 tuổi.

**phải sống cách kính cẩn:** Ý tưởng chính của *kính cẩn* là những điều người ta làm trong đời sống để cho thấy rằng họ kính trọng Đức Chúa Trời, và họ tận hiến cho Ngài.

#### 2:3b

**không được nói xấu:** Sứ đồ Phao-lô nói một cách chi tiết về thái độ và hành động của họ bày tỏ rằng họ kính trọng Đức Chúa Trời. Họ không vu cáo người khác. Cụm từ *nói xấu* ở đây có nghĩa là “ngồi lê đôi mách” nói những điều xấu và có hại cho người khác. Các điều này có thể thật có thể không, nhưng, dù có thật hay không, thì chủ ý vẫn là muốn làm hại người khác.

**không nghiện rượu:** Đây là cách thứ hai mà các tín hữu phụ nữ lớn tuổi nên có là để bày tỏ rằng họ kính trọng Đức Chúa Trời. Từ được dùng ở trong bản Hy-lạp theo nghĩa đen là “làm nô lệ cho một điều gì đó”. Những phụ nữ này không nên để cho sự thèm khát rượu điều

hiển họ hay ảnh hưởng đến cách cư xử của họ.

### 2:3c

**nhưng biết dạy dỗ điều lành:** Các phụ nữ lớn tuổi phải dạy những điều đúng và những đường lối tốt lành cho những người khác. Sự dạy dỗ mà sứ đồ Phao-lô nói đến ở đây không phải là nghi thức dạy dỗ có quy củ giống như trường học hay tại hội thánh, nhưng là sự chỉ dẫn thông thường. Để mô tả điều này, chúng ta có thể dùng từ “huấn luyện” thay vì “dạy”. Cách dạy dỗ/huấn luyện này là “làm gương”, có nghĩa là người ta học được những gương tốt qua đời sống của các tín hữu phụ nữ lớn tuổi này.

### 2:4a

Nhóm từ này cho thấy tại sao các phụ nữ lớn tuổi nên dạy điều gì là tốt (2:3c).

**Như thế:** Từ Hy-lạp *hina* được dùng ở đây cho thấy mục đích của việc làm. BDM chuyển ngữ là *như thế* để bày tỏ rằng 2:4a là mục đích là các phụ nữ lớn tuổi phải dạy những điều tốt (2:3c).

**có thể huấn luyện:** Đây có nghĩa là họ sẽ dạy và làm gương tốt cho những phụ nữ trẻ tuổi noi theo. Các từ *huấn luyện* cũng có thể chuyển ngữ là “khuyên nhủ”, “khích lệ”, hay “dạy họ cách cư xử đúng/khôn ngoan”. Những phụ nữ lớn tuổi này nên huấn luyện bằng cách cư xử tốt/nhân hậu của những phụ nữ lớn tuổi đối với chồng và con cái của họ, và họ cũng khuyên các phụ nữ trẻ tuổi một cách khôn ngoan.

**phụ nữ trẻ tuổi:** Nhóm từ *phụ nữ trẻ tuổi* muốn nói đến các phụ nữ đã có gia đình và có lẽ vào khoảng từ 20 đến 40 tuổi.

### 2:4b

**biết yêu chồng, thương con:** Đây là việc đầu tiên người phụ nữ lớn tuổi huấn luyện các phụ nữ trẻ tuổi. Từ “yêu thương” không đề cập đến một quan hệ về cảm xúc nhưng là một sự tận hiến trong hôn nhân và cho con cái. Đây cũng nói đến việc biểu hiện của sự tử tế và kính trọng. Một số những cách khác để chuyển ngữ 2:4b là: “chăm sóc chồng con bằng tình yêu

thương” “tận hiến cho chồng con”, hay “làm người mẹ và người vợ đầy lòng yêu thương”.

### 2:5a

**tiết độ:** Từ Hy-lạp *sōphrōn* mà BDM chuyển ngữ là *tiết độ* cũng là một từ được dùng trong 1:8c và 2:2c. Tuy nhiên không phải các học giả Kinh Thánh đều đồng ý với nhau về cách chuyển ngữ từ này. Có hai cách để chuyển ngữ là:

- (1) *Tiết độ* là từ ngữ chìa khóa/chính yếu trong thư này và sứ đồ Phao-lô dùng nó ở đây với mục đích đòi hỏi các phụ nữ phải có những cử chỉ giống như nam giới.
- (2) Mặc dù ở đây sứ đồ Phao-lô dùng cùng một từ như trong 1:8c và 2:2c, ở đây riêng về phụ nữ, nó có một ý nghĩa khác, gần giống từ “trong trắng”.

Khuyến khích bạn nên chuyển ngữ theo cách thứ nhất (1).

**trong trắng:** Có lẽ cụm từ *trong trắng* trong câu này nói đến sự trong sạch về đạo đức, đặc biệt là trong trắng về tình dục. Các phụ nữ trẻ tuổi chỉ được có quan hệ tình dục với riêng chồng của họ mà thôi.

### 2:5b

**đảm đương việc nhà:** Đây có nghĩa là các phụ nữ trẻ tuổi phải đảm trách những công việc trong nhà. Từ *đảm đương* có nghĩa là họ phải chăm chỉ làm công việc giữ gìn nhà cửa được ngăn nắp và chăm sóc mọi người trong gia đình.

**nhân từ:** Các phụ nữ lớn tuổi phải huấn luyện những người trẻ, không những phải tiết độ, trong trắng, và đảm đương việc nhà, nhưng cũng phải *nhân từ*.

### 2:5d

**để:** Từ này chấm dứt một câu dài trong bản Hy-lạp. Tuy nhiên, đối với ngôn ngữ của bạn, để được dễ dàng hơn cho độc giả của bạn, bạn có thể để nó thành một câu. Từ này nói rõ mục đích mà các phụ nữ trẻ tuổi nên có lối sống mà sứ đồ Phao-lô vừa nhắc đến trong các câu 2:4b—5c.



<b>2:3c</b>	<b>nhưng biết dạy dỗ điều lành.</b> [những người này phải vâng lời Đức Chúa Trời để] họ có thể huấn luyện những người khác cư xử đúng đắn.
<b>2:4a</b>	<b>Như thế họ có thể huấn luyện phụ nữ trẻ tuổi</b> Trong cách này họ có thể dạy cho các phụ nữ trẻ tuổi hơn cách cư xử một cách đúng đắn. <b>-HAY-</b> [Bằng cách cư xử đúng,] họ sẽ làm gương tốt cho các phụ nữ trẻ tuổi hơn.
<b>2:4b</b>	<b>biết yêu chồng, thương con,</b> [Nhất là họ sẽ chỉ cho các phụ nữ trẻ biết cách] yêu mến [và tử tế] với chồng và con cái của họ.
<b>2:5a</b>	<b>tiết độ, trong trắng,</b> biết hành động khôn ngoan, trung thành với chồng của họ,
<b>2:5b</b>	<b>đảm đương việc nhà, nhân từ,</b> biết chăm sóc/trông coi gia đình của họ, tử tế [với mọi người]
<b>2:5c</b>	<b>tùng phục chồng mình</b> biết vâng lời chồng của họ, <b>-HAY-</b> biết tôn trọng chồng của họ.
<b>2:5d</b>	<b>để Đạo của Đức Chúa Trời không bị xúc phạm.</b> để cho người ta sẽ không chê bai sứ điệp mà Đức Chúa Trời đã ban cho [chúng ta]. <b>-HAY-</b> [Họ nên cư xử theo những cách này] để không có một người [chưa tin Chúa nào] sẽ nói những điều giả dối về sứ điệp của Đức Chúa Trời.

**Đạo của Đức Chúa Trời:** Đây có nghĩa là Phúc Âm, sứ điệp Đức Chúa Trời đã khải thị cho các sứ đồ như sứ đồ Phao-lô. Sứ đồ Phao-lô đã dùng ý tương tự trong 1 Ti-mô-thê 6:1.

**xúc phạm:** Từ trong bản Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *xúc phạm* thường được chuyển

ngữ là “phỉ báng, vu khống, vu cáo”. Nó có nghĩa là “nói xấu”, hay “xem thường, khinh miệt một điều gì hay một người nào.” Sứ đồ Phao-lô muốn các phụ nữ trẻ có đời sống đúng đắn để không ai có thể nói xấu về *Đạo của Đức Chúa Trời*.

Đoạn văn 2:6-8

Trong 2:6-8, sứ đồ Phao-lô dạy ông Tích về những lời hướng dẫn cho các thanh niên.

**2:6**

**Các thanh niên:** Đây có lẽ nói đến những thanh niên ở vào khoảng 20 đến 40 tuổi.

**cũng thế:** Cùng một từ trong bản Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là “cũng thế” trong 2:3a. Giống như sứ đồ Phao-lô chỉ thị cho những đàn ông và đàn bà lớn tuổi, bây giờ sứ đồ bắt đầu đưa ra những sự chỉ giáo cho những người trẻ tuổi hơn, những người thanh niên.

**con hãy khuyên họ:** Sứ đồ Phao-lô đã dùng cùng một từ Hy-lạp ở trong 1:9b, và cùng ở trong 1 Ti-mô-thê 1:3, 2:1, 5:2 và 6:2. Sứ đồ Phao-lô chỉ thị cho môn đệ Tích rằng phải khuyến bảo với các thanh niên rằng họ phải sống đúng.

**sống tiết độ:** Đây là lần thứ tư trong thư này sứ đồ Phao-lô nói riêng cho từng nhóm người, rằng họ phải bày tỏ “sự tiết độ.” Hãy xem lời giải nghĩa của các câu 1:8c, 2:2b và 2:5a nói về sự tiết độ.

**2:7a**

**Trong mọi việc:** Câu này trong bản Hy-lạp bắt đầu bằng các từ *peri panta*, theo nghĩa đen “quan tâm đến mọi việc.” Các học giả Kinh Thánh nghĩ có thể có hai cách giải thích khác nhau ở đây:

- (1) Có nghĩa là sứ đồ Phao-lô nói rằng ông Tích nên khuyên các thanh niên hành động khôn ngoan trong mọi việc họ làm (BCG).
- (2) Nhóm từ này cùng đi với nhóm từ “làm gương” trong 2:7b. Như vậy, sứ đồ Phao-lô bảo rằng, chính ông Tích phải làm gương trong mọi việc (BDM, BDC, BDY).

Các học giả Kinh Thánh quân bình nhau về quan niệm của vấn đề ở đây. Theo một cuộc nghiên cứu về vấn đề này, đề nghị rằng “trong mọi việc” đi chung với phần cuối của câu 2:6. Đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất (1).

Có thể bạn thích chuyển ngữ theo cách thứ hai, vì hầu hết các bản dịch tiếng Việt làm

như thế. Một cách chuyển ngữ để bắt đầu 2:7 như sau:

Trong mọi việc con làm, ...

Nếu bạn theo cách (1) có thể bạn nên để cách (2) vào một lời chú thích như vậy nó sẽ giúp cho độc giả của bạn có thể hiểu tại sao bản dịch của bạn khác với các bản dịch tiếng Việt.

**2:7b**

**chính con phải làm gương:** Phần này của câu văn được bắt đầu bằng một đại danh từ nhấn mạnh mà BDM chuyển ngữ là “chính con”. Sau khi sứ đồ Phao-lô đã chỉ cho môn đệ Tích cách hướng dẫn những người khác, ở đây sứ đồ Phao-lô hướng dẫn chính ông Tích.

*chính con phải làm gương* có nghĩa rằng ông Tích nên biểu diễn cho các thanh niên thấy cách cư xử thích đáng qua các hành động của ông. Ông Tích nên hành động làm sao để cho các thanh niên khác có thể bắt chước. Một số ngôn ngữ diễn tả từ “bắt chước” bằng một nhóm từ như là “nhìn và làm theo”. Động từ *làm gương* trong bản Hy-lạp ở thì hiện tại có nghĩa là ông Tích phải tiếp tục làm điều này: “Luôn luôn làm gương tốt cho người khác”.

**về các việc lành:** Sứ đồ Phao-lô viết rằng ông Tích nên làm bằng cách đối xử tử tế với những người khác. Khi ông Tích làm điều này, những người khác sẽ thấy cách họ nên cư xử.

Nhóm từ *các việc lành* là một đề tài của thư này. Sứ đồ Phao-lô dùng cùng một nhóm từ: “*các việc lành*” sáu lần trong thư viết cho ông Tích (1:16 “tốt lành”; 2:7 “việc lành”, 14 “việc lành”; 3:1 “việc lành, 8 “tốt lành”, 14 “tốt đẹp), và ông cũng dùng cụm từ này rất nhiều lần trong thư viết cho ông Ti-mô-thê (1 Ti-mô-thê 2:10 “việc thiện”, 3:1 “việc tốt đẹp”, 5:10, 25 “việc lành”; 6:18 “điều lành”; 2 Ti-mô-thê 2:21 “việc lành”, 3:17 “việc lành”). Công việc này cũng gồm cả những công việc người ta làm cho Đức Chúa Trời.

**2:7c**

**khí dạy dỗ:** Sứ đồ Phao-lô đặc biệt nói đến việc ông Tích dạy các giáo lý Cơ Đốc, không phải sự dạy dỗ tổng quát như các môn học phổ thông ở trường học.

<b>2:6</b>	<p><b>Các thanh niên cũng thế, con hãy khuyên họ sống tiết độ.</b>          Cùng một lẽ ấy, hãy khuyên những thanh niên phải hành động khôn ngoan  <b>-HAY-</b>          Cùng một cách đó, hãy cứng rắn bảo những thanh niên phải cư xử một cách hợp lý</p>
<b>2:7a</b>	<p><b>Trong mọi việc,          (BCG) trong mọi sự.</b>          trong mọi việc [họ làm].</p>
<b>2:7b</b>	<p><b>chính con phải làm gương về các việc lành;          (BCG) Chính anh hãy làm gương về mặt đức hạnh.</b>          Chính con phải [tiếp tục] làm việc lành [với những người khác], để những người thanh niên có thể noi gương con.  <b>-HAY-</b>          Chính con [tiếp tục] cư xử tốt [với những người khác], để cho các thanh niên noi theo và cũng làm như vậy.</p>
<b>2:7c</b>	<p><b>khi dạy dỗ phải trung thực, nghiêm trang,</b>          Khi con dạy [về Đức Chúa Trời], con phải dạy với những động lực tốt và theo một đường lối đáng được tôn trọng.  <b>-HAY-</b>          Khi con dạy [các tín hữu khác], dạy một cách thành thật và trong cách cứng rắn/phải lẽ/cẩn thận.</p>
<b>2:8a</b>	<p><b>lời nói lành mạnh, không thể trách được,</b>          [Những việc] con dạy/nói phải luôn luôn đúng/thật để không bị chỉ trích,  <b>-HAY-</b>          Dạy những gì là thật và không thể phê phán được,</p>

**phải trung thực:** Từ *trung thực* ở đây có nghĩa là làm một việc gì một cách thành thật, và ngay thẳng, với động lực tốt. Nói một cách khác, ông Tích phải dạy để giúp đỡ người ta tôn trọng Đức Chúa Trời, và không phải vì tiền hay tìm kiếm sự tôn trọng cho chính mình. Hãy để ý xem làm thế nào để nói bằng ngôn ngữ của bạn về sự làm việc với động lực trong sạch, không có lý do bí mật, gian ác nào.

**ng nghiêm trang:** Cùng một từ trong 2:2b, sứ đồ Phao-lô dùng một cách khác ở đây. Khi ông dạy cũng phải có tư cách. Nói một cách khác, ông không thể ẩu tả trong việc dạy dỗ. Ông phải suy nghĩ rõ ràng và có mục đích. Cụm từ *ng nghiêm trang* ở đây cũng được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 2:2, 3:4.

### 2:8a

Trong phần này của câu, sứ đồ Phao-lô tiếp tục mô tả cách ông Tích nên dạy. Bạn có thể để phần này chung với câu trước, hay bắt đầu một câu mới ở đây như BDY đã làm.

**lời nói lành mạnh:** Sứ đồ Phao-lô đã dùng cùng một từ Hy-lạp bốn lần khác trong thư ông Tích: 1:9b, 1:13c, 2:1, và 2:2b. Hãy xem lời giải thích ở đó. Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích rằng sự dạy dỗ của ông luôn luôn phải đúng, không có sự sai lầm.

**không thể trách được:** Những gì Tích dạy phải là thật/đúng do đó không ai có thể chỉ trích hay tìm ra lỗi lầm trong đó.

**2:8b**

Có thể bạn muốn bắt đầu một câu mới ở đây.

**đề:** Sứ đồ Phao-lô luôn có một mục đích sẵn khi ông bảo người ta làm một điều gì. Phần này của câu cho thấy mục đích mà ông Tích dạy là phải “thành thật, thẳng thắn và lời nói đúng.”

**kẻ chống đối:** Trong bản Hy-lạp nhóm từ *kẻ chống đối* có thể chuyển ngữ theo từng từ một là “người của phe đối nghịch”. Có nghĩa là những người không tin Chúa Giê-su và chống lại người Cơ Đốc và những gì họ tin. Do đó *kẻ chống đối* còn có thể chuyển ngữ là “kẻ thù” hay “những người chống lại việc làm của con vì Danh Chúa Giê-su”. Có thể sứ đồ Phao-lô muốn nói đến các giáo sư giả mạo là người chống đối ông Tích, hơn là đề cập một cách tổng quát là người chưa tin Chúa.

Trong bản Hy-lạp từ “con” chỉ được hàm ý. Tuy nhiên, có một số bản dịch và BDM dùng chữ “con” để cho được rõ ý hơn.

**phải bị hổ thẹn:** Những người chống đối này sẽ bị hổ thẹn, và thất bại. Nhóm từ kế tiếp cho biết lý do họ thất bại.

**2:8c**

**không thể nào nói xấu chúng ta điều gì:** Những người chống đối này sẽ bị hổ thẹn vì họ sẽ nhận ra rằng họ không có lý do chính đáng để chỉ trích ông Tích, sứ đồ Phao-lô hay những người khác tin Chúa Giê-su.

Đoạn văn 2:9-10
-----------------

Dù có một vài bản dịch bắt đầu một tiểu đoạn mới ở đây, điều tốt nhất là bạn nên để những chỉ dẫn này vào trong tiểu đoạn bắt đầu ở 2:1 và chỉ cần bắt đầu một đoạn văn mới ở đây (Hãy xem BDM, BDC, BDY). Sứ đồ Phao-lô đã viết cho môn đệ Tích những sự giáo huấn cho những nhóm tín hữu có hạng tuổi khác nhau: Các bà lão, các phụ nữ lớn tuổi, các phụ nữ trẻ tuổi và các đàn ông trẻ tuổi (thanh niên và tráng niên). ở đây ông kết thúc với những sự hướng dẫn để ông Tích dạy các tín hữu nô lệ. 2:9-10 là một câu dài trong bản Hy-lạp,

nhưng có lẽ bạn nên chia ra thành nhiều câu ngắn.

**2:9a**

**hãy dạy các nô lệ:** Sứ đồ Phao-lô cho ông Tích một danh sách các điều mà ông phải dạy các con dân Chúa là những người *nô lệ*. Thật ra không có từ *dạy* trong bản Hy-lạp. Tuy nhiên, theo thể của từ hướng dẫn trong 2:2, 3 cho thấy rõ từ *dạy* được hàm ý rõ ràng trong cả ba câu.

**phải phục tùng chủ mình:** Các người nô lệ phải vâng lời người chủ. Trong bản Hy-lạp cụm từ *phục tùng* là cùng một từ mà sứ đồ Phao-lô dùng ở trong 2:5d khi ông nói các phụ nữ phải phục tùng chồng mình.

**trong mọi việc:** Như trong 2:7a, các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về việc “trong mọi cách” thuộc về nhóm nào, 2:9a hay 9b. Có thể có hai sự giải thích:

- (1) Nó thuộc về động từ “phục tùng” đứng trước trong 2:9a (BDM, BDY, BCG). Trong trường hợp này, Tích bảo các tín hữu nô lệ phải phục tùng chủ của họ trong mọi việc; kể đó trong 2:9b-10 Phao-lô liệt kê một vài cách mà các nô lệ cần có để bày tỏ họ phục tùng chủ của họ.
- (2) Nó thuộc về tính từ *euarestos* “làm hài lòng” trong 2:9b (BDC).

Đề nghị bạn nên theo cách thứ nhất và thêm nhóm từ này theo sau 2:9a.

Sau khi nói rằng *các nô lệ phải phục tùng chủ mình trong mọi việc*, ở đây sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích bốn điều rõ ràng mà các nô lệ cần nên có để bày tỏ rằng họ phục tùng chủ của họ.

**2:9b**

**làm hài lòng chủ:** Đây có nghĩa là “làm cho chủ vui lòng” hay “cố gắng làm những gì chủ muốn họ làm”.

**2:9c**

**chớ dùng cãi trá:** Đây có nghĩa là đừng cãi lại, nói ngược lại, hay đừng phàn nàn trong việc họ làm.

<b>2:8b</b>	<b>để kẻ chống đối con phải bị hổ thẹn,</b> [Con phải làm điều này] để cho những người chống đối việc con làm [cho Chúa Giê-su] sẽ bị hổ thẹn, <b>-HAY-</b> để những kẻ thù của con sẽ bị hổ thẹn,
<b>2:8c</b>	<b>không thể nào nói xấu chúng ta điều gì.</b> bởi vì sẽ chẳng có điều gì ác mà họ có thể nói chống lại chúng ta [có giá trị].
<b>2:9a</b>	<b>Con hãy dạy các nô lệ phải phục tùng chủ mình trong mọi việc,</b> Hãy dạy các nô lệ [trong hội chúng] luôn luôn vâng lời chủ của họ. <b>-HAY-</b> Hãy dạy các nô lệ làm mọi điều mà chủ bảo họ làm.
<b>2:9b</b>	<b>làm hài lòng chủ,</b> [Hãy bảo họ] cố gắng [một cách siêng năng] làm vừa lòng chủ, <b>-HAY-</b> [Hãy bảo họ] làm những điều khiến cho chủ của họ hài lòng,
<b>2:9c</b>	<b>chớ dùng cái trả,</b> đừng cãi lại với chủ [về các công việc họ phải làm],
<b>2:10a</b>	<b>đừng ăn cắp,</b> không lấy những gì của chủ,
<b>2:10b</b>	<b>nhưng tỏ ra đáng tin nhiệm hoàn toàn,</b> nhưng họ/các nô lệ phải bày tỏ [cho chủ của họ] rằng chủ có thể hoàn toàn tin tưởng họ, <b>-HAY-</b> nhưng họ phải chứng tỏ [cho chủ của họ] rằng họ luôn luôn thành thật.

**2:10a**

**đừng ăn cắp:** Nhiều nô lệ sẽ bị cám dỗ để ăn cắp vật của chủ, đặc biệt là, nếu một trong công việc của họ là quản trị tiền bạc của chủ và mua các vật liệu cho chủ. Từ mà Phao-lô dùng ở đây không phải là động từ trong tiếng Hy-lạp thường được dùng để nói về việc ăn cắp, nhưng là một từ mang ý nghĩa “để riêng ra một vật gì đó cho mình.” Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này, không có sự khác biệt đáng kể trong ý nghĩa giữa động từ Hy-lạp này và động từ thường được dùng là “ăn cắp.”

**2:10b**

**nhưng:** Nhóm từ này bắt đầu với từ *alla* “nhưng” trong bản Hy-lạp, nó cho thấy sự tương phản với phần trước của câu này. Chẳng những các nô lệ không ăn cắp, nhưng phải bày tỏ rằng họ đáng được tin cậy.

**tỏ ra đáng tin nhiệm hoàn toàn:** Đây có nghĩa là để cho những người chủ có thể luôn tin cậy các nô lệ của họ, vì họ cho thấy rằng họ thành thật.

**2:10c**

Phần này của câu kết luận các sự hướng dẫn của sứ đồ Phao-lô gửi cho môn đệ Tích để dạy các nhóm tín hữu theo từng nhóm khác nhau. Nó cũng để giới thiệu những giáo lý mới quan trọng mà sứ đồ Phao-lô sẽ nói trong 2:11-14.

**để:** Như ông đã làm với những nhóm người trước mà ông đã ban sự hướng dẫn, sứ đồ Phao-lô kết luận các hướng dẫn của ông cho các nô lệ bằng cách cho họ biết mục đích là muốn họ có những cử chỉ và hành động như vậy. Ông nói rằng nô lệ cần sống theo sự dạy dỗ ông ban cho họ trong những câu trước để có thêm nhiều người tin Phúc Âm.

**đạo lý của Đức Chúa Trời, Đáng cứu rỗi chúng ta:** Mặc dù Chúa Giê-su được gọi là *Đáng cứu rỗi*, đây cũng là một danh hiệu

thường được dùng cho Đức Chúa Trời. Trong câu này “Đáng cứu rỗi chỉ về Đức Chúa Trời, không phải Chúa Giê-su.

**được rạng rỡ:** Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là “làm đẹp” hay “làm tăng thêm vẻ đẹp”. Nếu những người nô lệ là con dân Chúa cư xử một cách thích đáng và tôn trọng chủ, điều này sẽ lôi cuốn các người chưa tin Chúa (kể cả những người chủ không phải là Cơ-đốc nhân) đến với tình yêu của Đức Chúa Trời; họ sẽ chuẩn bị để nghe những điều sứ đồ Phao-lô và ông Tích cùng các nhà lãnh đạo khác dạy và bày tỏ sự tôn kính về sự dạy dỗ đó.

**trong mọi cách:** Nhóm từ *trong mọi cách* có thể diễn tả là “tất cả những gì họ làm [trong khi họ thuộc về người chủ]”.

**Tiểu đoạn 2:11-15 Đức Chúa Trời cứu kẻ có tội**

Trong 2:10c sứ đồ Phao-lô đề cập “đạo lý của Đức Chúa Trời, Đáng cứu rỗi chúng ta”. Trong tiểu đoạn này ông nói về sự giáo huấn đó một cách chi tiết hơn. Ông thảo luận về các điều cơ bản mà các tín hữu tin và tại sao họ phải hành động một cách công bình. Sứ đồ Phao-lô dựa theo các lời chỉ dẫn trước ở trong đoạn 2:1-10 (có thể bao gồm cả các chỉ thị ở trong 1:10-16) trên dữ kiện mà mọi người có thể sẽ được cứu vì Chúa Giê-su đã dâng chính Ngài làm của lễ chuộc tội lỗi cho họ. Kết quả là, bây giờ người ta có thể sống một cách thánh sạch, và không còn sống trong đường lối xấu xa làm hổ danh Đức Chúa Trời. Đời sống mới mà các con dân Chúa có bây giờ khiến cho họ trông đợi ngày Chúa Giê-su trở lại. Đây là những ý chính được tìm thấy trong tiểu đoạn này.

**Đoạn văn 2:11-14**

**2:11**

Câu này nối liền sự thảo luận trước với điều theo sau. Sứ đồ Phao-lô sắp cho ông Tích biết tại sao ông nên ban những chỉ giáo trước đó cho Cơ-đốc nhân. Ông nói rằng ông Tích nên làm điều đó vì Đức Chúa Trời đã sai Chúa Cứu Thế Giê-su đến thế gian để Ngài sẽ cứu mọi người tin nhận Ngài, cho dù con người không xứng đáng để được cứu.

**Vì:** Từ Hy-lạp *gar* được dùng ở đây để liên kết tiểu đoạn này với tiểu đoạn trước; 2:11-14 là lý do cho sự hướng dẫn mà sứ đồ Phao-lô đã đưa ra ở trong 2: 1-10.

**ân sủng của Đức Chúa Trời:** Nếu cần bạn có thể đổi nhóm từ *ân sủng của Đức Chúa*

*Trời* thành một nhóm từ có một động từ chủ động. Thí dụ:

Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự nhân từ của Ngài cho mọi người bằng cách cung cấp một đường lối để cho mọi người được cứu.

Hãy xem Lời Giải Nghĩa về từ *ân sủng* ở cuối sách này.

**đã được bày tỏ:** Khi sứ đồ Phao-lô nói ân sủng của Đức Chúa Trời *đã được bày tỏ* ông muốn nói rằng Đức Chúa Trời đã hành động để cho chúng ta thấy ân sủng của Ngài một cách rõ ràng, tức là Ngài sai Chúa Giê-su đến làm Chúa Cứu Thế của chúng ta. Có thể diễn tả điều này bằng một động từ chủ động như sau:

**2:10c** để đạo lý của Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi chúng ta, được rạng rỡ trong mọi cách.

để [người ta thấy việc làm tốt của họ và] tất cả những gì họ làm sẽ khiến cho người ta muốn nghe sứ điệp về Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi chúng ta.

**-HAY-**

[Họ nên hành động như thế này] để mọi việc họ làm sẽ khiến cho người ta bày tỏ sự tôn trọng những điều [chúng ta] dạy về Đức Chúa Trời Đấng cứu chuộc của chúng ta.

**Tiểu đoạn 2:11-15 Đức Chúa Trời cứu kẻ có tội**

**2:11** Vì ân sủng của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ, đem sự cứu rỗi đến cho mọi người.

[Hãy dạy các tín hữu như thế này] vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ/cho thấy sự nhân từ của Ngài bằng cách cung cấp một đường lối để cứu tất cả mọi người [khỏi tội],

**-HAY-**

Vì Đức Chúa Trời đã cho thấy Ngài nhân từ như thế nào bằng cách Ngài làm cho tất cả mọi người có thể được cứu.

**2:12a** Ân ấy dạy chúng ta phải từ bỏ tinh thần không tin kính và các dục vọng phạm tục,

[Bởi vì] sự nhân từ của Ngài [Đức Chúa Trời] dạy chúng ta ngưng làm những việc không đẹp lòng Đức Chúa Trời, và đừng ao ước làm những việc mà những người không tin Ngài ao ước.

**-HAY-**

[Bởi kinh nghiệm được] ân điển của Đức Chúa Trời, chúng ta từ chối không cư xử theo những cách làm cho Danh của Đức Chúa Trời không được tôn kính, và từ bỏ các dục vọng về những điều thuộc về thế gian.

Đức Chúa Trời bày tỏ lòng nhân từ của Ngài bằng cách cung cấp một đường lối để con người được cứu.

**đem sự cứu rỗi đến:** Một kết quả trong ân sủng của Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi; đó là, sự nhân từ và thương xót của Đức Chúa Trời đối với mọi người, đó là lý do họ có thể được cứu và có một đời sống mới.

**cho mọi người:** Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự nhân từ của Ngài bằng cách cung cấp một đường lối để cứu tất cả mọi người.

**2:12a**

**Ân ấy:** Chỉ về ân sủng của Đức Chúa Trời đã được nói đến trong câu 11.

**dạy chúng ta:** Chủ từ của động từ *dạy* là “ân sủng”. Đây gọi là nhân cách hoá: Sứ đồ Phao-lô nói “ân sủng” như là một thầy giáo dạy chúng ta. Khi người ta nhận thức rằng Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự nhân từ lớn lao và đặc ân cho họ, kết quả là họ sẽ sống một cách mới. Một khi biết được ân sủng của Đức Chúa Trời, ân sủng ấy thúc giục họ từ bỏ cách cư xử gian ác (2:12a) và theo lối sống công bình (2:12b). Do đó, ân sủng của Đức Chúa Trời có tác dụng như một thầy giáo đối với họ.

Một số ngôn ngữ chuyển ngữ như sau đây có thể chấp nhận được: “Ân sủng của Đức Chúa Trời dạy chúng ta...” Nhưng đối với một số

ngôn ngữ khác khó diễn tả một vật trừu tượng như là *ân sủng* dạy dỗ chúng ta, và có thể làm cho người đọc bối rối. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng như vậy, bạn có thể chuyển ngữ là:

Vì có ân sủng/sự nhân từ của Ngài, Đức Chúa Trời dạy dỗ chúng ta...

-HAY-

Vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta sự nhân từ/ân sủng của Ngài, chúng ta đang học...

**từ bỏ:** Ân sủng của Đức Chúa Trời dạy con người từ bỏ lối sống không đẹp lòng Ngài và từ chối không làm những điều mà người không tin Chúa làm.

**tinh thần không tin kính:** *Tinh thần không tin kính* là đi theo con đường xấu, bày tỏ sự không kính mến Đức Chúa Trời hay những luật pháp của Ngài.

**các dục vọng phạm tục:** Đây nói đến sự ao ước hay làm những việc theo cách của thế gian, thí dụ: tiền bạc, danh vọng, tình dục v.v. Đây là lối sống của những người không có đức tin. Những gì họ muốn có lẽ không phải đều là gian ác, nhưng vì họ muốn quá nhiều nên nó khiến họ hành động làm thiệt hại đến người khác, hay có những hành động tội lỗi. Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *dục vọng* có một ý nghĩa mạnh mẽ: một người không phải chỉ ham muốn một điều gì đó, nhưng người ấy thèm khát và đeo đuối nó và điều đó điều khiển những hành động của mình.

## 2:12b

Trong 2:12a, sứ đồ Phao-lô nói đến hai điều mà một tín hữu không nên làm, vì họ có ân sủng của Đức Chúa Trời. Ở đây ông nói đến ba điều tích cực mà một tín hữu cần phải làm.

**phải sống tiết độ:** Sứ đồ Phao-lô đã dùng từ này trong các câu 1:8c, 2:2a, 2:5a, 2:6. Hãy xem lời giải nghĩa của những câu trên. Ân điển của Đức Chúa Trời khiến cho dân sự của Ngài tự chủ được trong cách cư xử của họ, suy nghĩ và hành động một cách hợp lý.

**công chính:** Sống *công chính* là sống ngay thẳng, không gian dối, một đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời. Xem "công chính" trong Lời Giải Nghĩa ở cuối sách này.

**tin kính:** *Tin kính* là trái ngược lại với không *tin kính* được đề cập ở trên. Các từ này có ý nghĩa tương tự là "sùng đạo", "sùng kính", và "mộ đạo". Một người *tin kính* là người đầu phục Đức Chúa Trời, người có đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời. (Hãy xem lời giải nghĩa về "sự tin kính" ở 1:1d.) Có thể dùng nhóm từ sau đây là một mẫu để chuyển ngữ: "hành động một cách đẹp lòng Đức Chúa Trời", hay "làm bất cứ điều gì đẹp lòng Đức Chúa Trời".

**đời này:** Đây có nghĩa là "trong thời hiện tại này", hay "trong những ngày này" hay "trong khi chúng ta sống trên thế giới này".

## 2:13a

**đang khi:** Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu với chữ *prosdechomenoi* "đang chờ đợi." Có hai cách để hiểu cách câu này nối liền với hai câu trước:

- (1) "Trong khi:" Như thế câu này nói rằng Cơ-đốc nhân nên thánh hóa trong khi họ đang chờ đợi Cứu Chúa Giê-su trở lại (BDM, BDC, BDY).
- (2) Câu này cho biết lý do tại sao Cơ-đốc nhân nên cư xử theo cách đã được nói đến trong 2:12. Như thế, câu này nói rằng, Cơ-đốc nhân phải "dứt khoát" với mọi cảm dỗ của tội lỗi vì họ đang chờ Cứu Chúa Giê-su trở lại (BCG).

Đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất. Tuy nhiên, nếu bạn muốn theo cách thứ hai, bạn nên bắt đầu câu này như:

[Chúng ta nên cư xử như thế này] vì chúng ta đang chờ đợi...

**trông đợi:** Động từ trong tiếng Hy-lạp chứa đựng ý nghĩa của sự chờ đợi đây hy vọng về một điều gì đó. Cơ-đốc nhân biết chắc rằng Chúa Giê-su sẽ trở lại và họ đang chờ đợi ngày trở lại của Ngài một cách thiết tha.

**niềm hy vọng:** Xem lời giải thích về từ *hy vọng* ở câu 1:2a. *Hy vọng* có nghĩa là mong đợi một điều gì chắc chắn sẽ xảy ra. Nó



<b>2:12b</b>	<p><b>phải sống tiết độ, công chính và tin kính trong đời này,</b>          [Nhờ ân điển của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta] trong khi chúng ta còn sống trên mặt đất này, chúng ta hành động một cách khôn ngoan, công chính, và cư xử trong một cách đẹp lòng Đức Chúa Trời.</p> <p><b>-HAY-</b>          [Thay vì] trong thời gian hiện tại, [chúng ta học] cư xử một cách phải lẽ, đúng, cách mà nó có thể bày tỏ được rằng chúng ta tôn kính Đức Chúa Trời.</p>
<b>2:13a</b>	<p><b>đang khi trông đợi niềm hy vọng phước hạnh</b>          [Chúng ta cư xử theo cách này] trong khi chúng ta mong đợi ngày phước hạnh mà chúng ta hy vọng./,</p> <p><b>-HAY-</b>          [Chúng ta làm điều này] trong khi chúng ta đợi hy vọng này nó sẽ làm cho chúng ta vui mừng./,</p>
<b>2:13b</b>	<p><b>và sự xuất hiện vinh quang của Đức Chúa Trời vĩ đại và Đấng Cứu Thế của chúng ta, Chúa Cứu Thế Giê-su.</b>          khi Chúa Giê-su, là Đức Chúa Trời vĩ đại và Chúa Cứu Thế của chúng ta sẽ trở lại thế gian với tất cả sự vinh hiển của Ngài.</p> <p><b>-HAY-</b>          Hy vọng này là Chúa Cứu Thế Giê-su sẽ trở lại thế gian lần nữa với sự vinh hiển vĩ đại. [Chúa Giê-su này] là Đức Chúa Trời vĩ đại của chúng ta và là Đấng cứu chúng ta [khỏi tội lỗi].</p>

không có nghĩa là chúng ta hoài nghi hay chẳng biết nó sẽ xảy ra hay không.

**phước hạnh:** Trong bản Hy-lạp từ này cũng thường được chuyển ngữ là “vui mừng”.

Bạn có thể bày tỏ cả nhóm từ này giống như: “hy vọng đem đến phước hạnh” hay “hy vọng làm cho chúng ta vui mừng”. Nhưng nếu ngôn ngữ của bạn không thể dùng được danh từ *hy vọng* và phải dùng động từ thay vào đó, bạn có thể bày tỏ như thế này: “trong khi chúng ta trông đợi phước hạnh xảy đến mà chúng ta đang hy vọng”.

### 2:13b

Đa số học giả Kinh Thánh đồng ý rằng phần này của câu chứa đựng “hy vọng phước hạnh” trong 2:13a, tức là, việc Cơ-đốc nhân hy vọng là ngày trở lại của Chúa Giê-su.

**sự xuất hiện:** Nếu bạn không thể dùng một danh từ ở đây, bạn có thể dùng một nhóm từ

như: “khi Ngài xuất hiện” hay “khi Ngài trở lại thế gian”.

**vinh quang:** Đây nói về sự vĩ đại, lộng lẫy, hào quang chung quanh Đức Chúa Trời. Xem từ “vinh quang” trong Lời Giải Nghĩa ở cuối sách này.

**của Đức Chúa Trời vĩ đại, là Đấng Cứu Thế của chúng ta, Chúa Cứu Thế Giê-su:** Cùng một từ trong bản Hy-lạp *kai*, BDC chuyển ngữ “và,” BDM chuyển ngữ “là”. Các học giả Kinh Thánh không có cùng một ý về câu này nói đến Chúa Giê-su hay Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su. Có hai quan niệm:

- (1) Cả nhóm từ nói về Chúa Giê-su, Đấng mà sứ đồ Phao-lô gọi là *Đức Chúa Trời vĩ đại* và cũng là *Đấng Cứu Thế của chúng ta*, như BDM.
- (2) Cả nhóm từ nói về Đức Chúa Trời vĩ đại và Cứu Chúa Giê-su như BDC.

Đề nghị, tốt nhất là bạn nên chọn cách số một (1), nó được sự ủng hộ của đa số bản dịch. Đó là cách rõ nhất theo sự cấu trúc văn phạm trong tiếng Hy-lạp.

### 2:14a

Sứ đồ Phao-lô tiếp tục mô tả về Chúa Giê-su mà ông đã bắt đầu từ câu trước. Bạn có thể bắt đầu một câu mới ở ngay đây. Bạn cũng có thể dùng nhiều câu ngắn trong bản dịch của bạn để diễn tả ý của câu này.

**Đáng dă dang hiến chính mình cho chúng ta:** Nhóm từ *dâng hiến chính mình* cho thấy rằng Cứu Chúa Giê-su đã vui lòng tự hy sinh, chết trên thập tự giá thay cho chúng ta, không phải Ngài bị bắt buộc làm điều đó.

**cho chúng ta:** Hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng, đây có nghĩa là: “thay cho chúng ta”, hay “cho sự lợi ích của chúng ta”.

### 2:14b

Trong phần còn lại của câu này, sứ đồ Phao-lô trung dẫn hai mục đích mà Chúa Giê-su đã chết cho chúng ta.

**cứu chuộc:** Đây có nghĩa là “được giải phóng” hay “được cứu vớt”.

**khởi mọi điều gian ác:** Sứ đồ Phao-lô nói Chúa Giê-su cứu chúng ta *khởi mọi điều gian ác*. Theo các học giả Kinh Thánh, có hai cách giải thích ở đây:

- (1) Chúa Giê-su cứu chúng ta để chúng ta không còn hành động gian ác nữa.
- (2) Chúa Giê-su cứu chúng ta khởi sự trừng phạt mà chúng ta đáng nhận lãnh vì những việc gian ác chúng ta đã làm.

Hầu hết các bản dịch chuyển ngữ nhóm từ này thế nào để có thể giải thích bằng hai cách. Nếu bạn có thể làm được, nên để ý nghĩa tổng quát ở đây. Nếu không, đề nghị rằng bạn nên theo cách giải thích thứ nhất, vì nó phù hợp với ngữ cảnh nhất.

**gian ác:** Theo nghĩa đen là “không có luật pháp”. Có nghĩa là làm những việc nghịch lại với luật pháp của Đức Chúa Trời.

### 2:14c

Đây là mục đích thứ hai mà Chúa Giê-su phải chết.

**tẩy sạch để biến chúng ta:** Đây có nghĩa là “cất bỏ tội lỗi của chúng ta, làm cho chúng ta trong sạch”.

**thành một dân tộc thuộc riêng về Ngài:** Ngài “tẩy sạch” chúng ta bởi vì Ngài muốn chúng ta thuộc về Ngài, chứ không thuộc về ai khác. Nhóm từ *thuộc riêng về Ngài* có nghĩa là các con dân Chúa rất đặc biệt đối với Ngài.

### 2:14d

**một dân sốt sắng làm các việc lành:** Một khi người ta thuộc về Chúa Giê-su, họ rất muốn làm những công việc tốt lành mà Ngài muốn họ làm, không giống như các giáo sư giả mạo (xem 1:16).

## Đoạn văn 2:15

Câu kế tiếp (2:15) là tóm tắt lời tuyên bố của sứ đồ Phao-lô. Các bản dịch BDM, BDC, BCG, BDY bắt đầu một đoạn mới ở đây. Sứ đồ Phao-lô đã cho môn đệ Tích một số giáo huấn chi tiết để truyền lại cho các tín hữu, và ở đây sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích dạy những giáo huấn này với đầy quyền năng. Ông dùng động từ Hy-lạp ở thể mệnh lệnh cách. (Mệnh lệnh cách là chỉ thị trực tiếp giống như “Hãy khuyến khích họ” thay vì chỉ thị gián tiếp như “Con nên khuyến khích họ”, hay “ta muốn con khuyến khích họ.”)

### 2:15a

**Đó là những điều con phải dạy dỗ:** Có thể hiểu nhóm từ này nói đến hoặc là những gì sứ đồ Phao-lô vừa mới bảo ông Tích hay những câu theo sau. Tuy nhiên, hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng nhóm từ này nói về những sự dạy dỗ trong các câu 2:2-14 hay ngay cả trong các câu 1:10-2:14.

2:14a	<b>Đấng đã dâng hiến chính mình cho chúng ta,</b> [Chúa Cứu Thế Giê-su] bằng lòng chịu chết vì chúng ta.
2:14b	<b>để cứu chuộc chúng ta khỏi mọi điều gian ác</b> [Ngài đã làm điều này] để có thể giải cứu chúng ta ra khỏi quyền năng của tội lỗi
2:14c	<b>và tẩy sạch để biến chúng ta thành một dân tộc thuộc riêng về Ngài,</b> và để xóa sạch mọi tội lỗi [của chúng ta] để chúng ta có thể trở thành tuyển dân của Ngài, <b>-HAY-</b> và làm cho chúng ta thánh sạch để được thuộc về Ngài,
2:14d	<b>một dân sốt sắng làm việc lành.</b> [là] người vui lòng hành động cách công chính. <b>-HAY-</b> kết quả là chúng ta sẽ rất muốn làm những việc lành.
2:15a	<b>Đó là những điều con phải dạy dỗ,</b> [Do đó, Tích, ta muốn con] dạy [các con dân Chúa ở Cơ-rét] những điều này [ta đã bảo con]. <b>-HAY-</b> [Hãy để ý đến những điều ta đã dạy con trong thư này,] phải chắc chắn là con dạy họ [những tín hữu ở đó].
2:15b	<b>khích lệ và khiển trách với tất cả uy quyền;</b> Khuyến khích họ [làm những điều này] và khiển trách [họ khi họ không làm những điều này]. [Hãy nhớ rằng] con có thẩm quyền để làm những điều này. <b>-HAY-</b> Hãy kêu gọi [các tín hữu vâng theo những lời chỉ dẫn của con] và bẻ trách [những người không làm theo sự dạy dỗ của con]. Con có đầy uy quyền [để làm như thế].

**2:15b**

**khích lệ và khiển trách:** Sứ đồ Phao-lô kể ra hai việc khi ông Tích dạy các tín hữu: *khích lệ* và *khiển trách* họ.

**khích lệ:** Đây là từ mà sứ đồ Phao-lô đã dùng trong 1:9b và 2:6 (xem lời giải thích trong các câu này). Có nghĩa là ông Tích phải “khuyến bảo” hay “hỗ trợ” các tín hữu làm những điều mà ông Tích dạy dỗ họ.

**khiển trách:** Sứ đồ Phao-lô đã dùng cùng một từ trong 1:13b. Xem lời giải thích ở đó. *Khiển trách* có nghĩa là bảo cho người ta biết rằng họ sai và sửa lại những gì họ tin sai hay cách cư xử sai lầm của họ.

Có lẽ đối với ngôn ngữ của bạn nên nói rõ ai là những người ông Tích khích lệ và khiển trách. Trong trường hợp đó, bạn có thể nói: “các tín hữu ở đó” hay “những người ở dưới sự chăm sóc của con”.

**với tất cả uy quyền:** Sứ đồ Phao-lô nhắc nhở ông Tích rằng, là một lãnh đạo của hội thánh, ông Tích có đầy uy quyền để dạy dỗ những người ông có trách nhiệm chăm sóc về phương diện thuộc linh.

Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về việc nhóm từ *với tất cả uy quyền* nói

liên với phần còn lại của câu. Có hai quan niệm chính:

- (1) Sứ đồ Phao-lô có ý nói rằng ông Tích có tất cả uy quyền trong việc dạy dỗ của ông, kể cả việc “khích lệ và khiển trách”. Một cách để chuyển ngữ là:

dùng tất cả uy quyền của con để khích lệ và khiển trách những đọc giả của con

- (2) Các chữ này chỉ nói về động từ *khuyến trách*.

Đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất, và có thể chuyển ngữ như sau:

Con phải dạy họ những điều này, khích lệ họ làm theo, khiển trách họ nếu cần.  
Con có tất cả uy quyền để làm điều đó.

### 2:15c

***đừng để một ai khinh để con:*** Đây có nghĩa là đừng để một người nào làm ngơ/bỏ qua sự dạy dỗ của con. Ông Tích không được để cho những người ở dưới sự lãnh đạo của ông có những thái độ bày tỏ rằng việc dạy dỗ của ông là không quan trọng.

### Tiểu đoạn 3:1-11 Các tín hữu nên sống trong vòng những người chưa tin Chúa như thế nào

Tiểu đoạn này chứa đựng đề tài chính cuối cùng trong thư của sứ đồ Phao-lô. Trong 2:1-14, ông quan tâm về sự quan hệ giữa các con dân Chúa với nhau. Tuy nhiên, trong 3:1-11, ông quan tâm về mối quan hệ giữa các con dân Chúa với những người chưa tin Chúa. Một lần nữa ông ban cho ông Tích những chỉ dẫn để truyền lại cho các tín hữu: họ phải vâng phục các bậc cầm quyền; họ phải sống hòa thuận với mọi người; đừng tranh luận những việc không có ích lợi gì cho ai. Thêm vào đó, họ cần nhận biết rằng Đức Chúa Trời đã ban cho họ đời sống mới bởi những gì Chúa Giê-su và Đức Thánh Linh đã làm. Đời sống mới này là những người tín hữu có những cách cư xử đặc biệt.

Tích 3:8 chứa đựng đề tài của tiểu đoạn này. Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích dạy những điều này để “những người đã tin cậy Đức Chúa Trời cẩn thận chuyên tâm làm những gì tốt đẹp”.

### Đoạn văn 3:1-2

Trong đoạn văn này, sứ đồ Phao-lô nói các con dân Chúa phải vâng theo luật pháp của nhà cầm quyền. Ông đưa ra các sự hướng dẫn tổng quát về sống hoà thuận một cách khiêm nhường và tử tế với người khác.

Trong bản Hy-lạp hai câu này là một câu dài. Bạn có thể chia câu này thành nhiều câu ngắn trong bản dịch của bạn. Sứ đồ Phao-lô khuyên ông Tích dạy các con dân Chúa ở đảo Cơ-rét một loạt gồm sáu lời chỉ dẫn.

### 3:1a

***Hãy nhắc nhở các tín hữu:*** Động từ *nhắc nhở* trong bản Hy-lạp được dùng ở thể mệnh lệnh cách có nghĩa là đây là một mệnh lệnh trực tiếp của sứ đồ Phao-lô cho ông Tích. Ông Tích phải bảo mọi người ghi nhớ điều họ đã biết. Trong bản Hy-lạp, động từ *nhắc nhở* được dùng ở thì hiện tại có nghĩa là ông Tích phải làm điều này thường xuyên: “Hãy tiếp tục nhắc nhở mọi người...” Ông Tích phải tiếp tục nhắc nhở các tín hữu những gì họ đã biết, hay những gì họ cần biết, vì những điều đó là một phần của lẽ đạo căn bản của Cơ đốc giáo.

2:15c

**đừng để một ai khinh dễ con.**

Phải chắc chắn là không có một ai bỏ qua [những gì] con [dạy].

**-HAY-**

Phải chắc chắn rằng chẳng có một ai làm ngơ con.

**-HAY-**

[Do đó] đừng để một người nào nói rằng những lời nói của con không quan trọng.

**Tiểu đoạn 3:1-11 Các tín hữu nên sống trong vòng những người chưa tin Chúa như thế nào**

3:1a

**Hãy nhắc nhở các tín hữu phải vâng phục các nhà lãnh đạo và chính quyền, vâng lời họ,**

[Con Tích, hãy tiếp tục] nhắc nhở các con dân Chúa kính trọng thẩm quyền của chính phủ và các nhà lãnh đạo địa phương và vâng theo [luật pháp của họ].

***các tín hữu phải vâng phục các nhà lãnh đạo và chính quyền:*** Đây là điều đầu tiên ông Tích nên nhắc nhở mọi người.

***vâng phục:*** Sứ đồ Phao-lô dùng cùng một động từ Hy-lạp, *hupotassō*, ở trong 2:5c (tùng phục) để đề cập đến các người vợ, và trong 2:9a (phục tùng) để nói đến các nô lệ. Có nghĩa là, “phục tùng hay tôn trọng ủy quyền”. Họ phải kính trọng các nhà lãnh đạo và tuân theo luật pháp của họ.

***các nhà lãnh đạo và chính quyền:*** Sứ đồ Phao-lô dùng từ Hy-lạp ở đây, có ý nghĩa tương tự: các nhà thống trị và các người cầm quyền. Hai nhóm từ này xuất hiện chung 10 lần trong Tân Ước, và luôn luôn theo thứ tự này. Đây muốn nói đến chính quyền chứ không phải người lãnh đạo hội thánh. Họ là những người như vua hay tổng thống, các tỉnh trưởng, quận trưởng, bất cứ người nào được bầu lên hay bổ nhiệm để làm người lãnh đạo của cộng đồng hay quốc gia. Đối với ngôn ngữ của bạn nếu không có hai giai cấp của các nhà lãnh đạo chính quyền, bạn có thể chuyển ngữ *các nhà lãnh đạo và chính quyền* với một từ thôi, thí dụ: “những người cai trị”, hay “các nhà lãnh đạo chính phủ”. Tuy nhiên, nếu có hai tầng lớp lãnh đạo của chính phủ trong địa bàn của bạn *các nhà lãnh đạo và chính quyền* bạn có thể nói là:

Phục tùng các nhà lãnh đạo của trung ương và nhà lãnh đạo địa phương.

***vâng lời họ:*** Đây là điều thứ hai mà ông Tích phải nhắc nhở mọi người. Sứ đồ Phao-lô dùng động từ trong tiếng Hy-lạp là *peitharchō*. Có ý nghĩa tương tự như động từ *hupotassō* “vâng phục”. Một số học giả Kinh Thánh nói rằng các từ này đồng nghĩa, nhưng những người khác thì nói là ý nghĩa hơi khác nhau. Hai cách có thể chuyển ngữ:

- (1) Hai từ này có ý nghĩa khác nhau: Các con dân Chúa phải phục tùng chính quyền của các viên chức (*hupotassō*). Do đó họ sẵn sàng vâng theo (*peitharchō*) bởi vì họ chịu phục tùng các viên chức. *hupotassō* nói đến thái độ đối với các nhà lãnh đạo (phục tùng) và *peitharchō* hành động là kết quả (vâng phục).
- (2) Hai từ này là đồng nghĩa. Theo lối văn chương Hy-lạp, tác giả có thể nhấn mạnh điểm/ý của tác giả là dùng hai từ có cùng một ý nghĩa thay vì chỉ dùng một. Có thể đó là trường hợp ở đây. Đây là cách BDY chuyển ngữ ở đây. Bạn có thể chuyển ngữ như vậy:

“Hãy thật lòng vâng phục những mệnh lệnh của những người cầm quyền trên mình.”

Đề nghị bạn nên theo cách thứ nhất ở trên. Cố gắng tìm từ ngữ để diễn tả cho mỗi động từ của hai động từ này.

### 3:1b

**sẵn sàng làm mọi việc lành:** Đây là điều thứ ba mà ông Tích phải nhắc nhở các tín hữu. Các con dân Chúa phải sẵn sàng và bằng lòng làm việc lành và các việc ích lợi cho người khác.

### 3:2a

**Không được nói xấu ai:** Lời chỉ dẫn kế tiếp là *Đừng nói xấu ai*. Đây có nghĩa là các con dân Chúa đừng nói xấu bất cứ một người nào. Cùng một từ Hy-lạp được dùng trong 2:5d (BDM: xúc phạm) và 2:3b (BDM: nói xấu). Xem lời giải thích ở đó.

### 3:2b

**nhưng phải tỏ sự hòa nhã:** Trong bản Hy-lạp đây có nghĩa là “không đánh nhau”. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 3:3. Đây muốn nói đến một người tránh cãi cọ, bất đồng ý kiến và gây lộn với người khác. Một Cơ Đốc nhân nên tránh tranh luận với người khác. Hai cách để chuyển ngữ ở đây:

- Theo cách tích cực:
 

Hãy bảo các con dân Chúa sống hoà thuận với nhau.

-HAY-,

... sống với mọi người một cách hoà thuận.
- Theo cách tiêu cực: Đó là “không đánh nhau” hay “không tranh luận” [với người khác].

**dịu dàng:** Đây có nghĩa là “họ phải tử tế với người khác”. Một số bản dịch dùng từ “nhã nhặn” (BDY).

### 3:2c

**hết sức nhu mì đối với mọi người:** Sứ đồ Phao-lô chỉ thị cho các con dân Chúa là họ phải dịu dàng và khiêm nhường. Họ không được kiêu ngạo, hay hành động như là họ quan trọng hơn những người khác. Thay vào đó, họ phải quan tâm *đối với mọi người*.

**hết sức:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây theo nghĩa đen là “tất cả”. Có hai cách để hiểu ý nghĩa của từ *hết sức* trong ngữ cảnh này:

- (1) Nó bỏ nghĩa cho từ “nhu mì.” Nó nói về phẩm chất của sự nhu mì; nó nên là “sự thực, trọn vẹn” (BDM, BDC).
- (2) Nó có thể chuyển ngữ như một từ chỉ về thời gian, “luôn luôn.” “Tín hữu nên luôn luôn bày tỏ sự nhu mì” (BCG).

Đề nghị bạn nên theo cách thứ nhất. BDY không chuyển ngữ từ này, nhưng đây mất đi sự nhấn mạnh mà sứ đồ Phao-lô muốn làm ở đây.

### Đoạn văn 3:3-7

Bản Hy-lạp của 3:3 có từ *gar*. Thông thường từ này được chuyển ngữ là “bởi vì”. Đây là từ nối đoạn đầu (trong 3:1-2) với đoạn bắt đầu ở 3:3-8. Sứ đồ Phao-lô đã bảo ông Tích việc các tín hữu nên có đời sống như thế nào (trong 3:1-2). Ở đây (3:3-8) ông đưa ra các lý do tại sao họ nên có đời sống như thế, đó là Đức Chúa Trời đã nhân từ và yêu thương các tín hữu trong khi họ vẫn còn là kẻ có tội, do đó họ cũng nên tử tế và yêu thương những người khác như thế.

BCG và BDY không bắt đầu một phân đoạn mới ở đây.

### 3:3a

Sứ đồ Phao-lô đưa ra các lý do tại sao các tín hữu cần hành động khiêm nhường và tử tế với những người khác. Ông nói rằng trước khi họ nhận được đời sống mới, họ cũng đã sống trong tội ác. Các tín hữu nên nhớ lại họ đã có đời sống như thế nào trước khi họ biết Đức Chúa Trời.

**đã có một thời:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây không xác định rõ thời điểm “trước đây”. Trong ngữ cảnh này có nghĩa là “lúc/khi chúng ta chưa trở thành Cơ Đốc nhân” hay “khi chúng ta chưa tin Chúa Giê-su”.

**chúng ta cũng ngu muội:** Sứ đồ Phao-lô có ý nói, “chúng ta cũng đã ngu muội, [giống như những người chưa biết Đức Chúa Trời là những người hiện đang ngu muội].”

<b>3:1b</b>	<b>sẵn sàng làm mọi việc lành.</b> [Hãy nhắc nhở họ] bằng lòng/sẵn sàng làm bất cứ điều gì tốt lành/có lợi [cho những người khác],
<b>3:2a</b>	<b>Không được nói xấu ai,</b> đừng vu cáo cho ai,
<b>3:2b</b>	<b>nhưng phải tỏ sự hòa nhã, dịu dàng,</b> [nhưng] sống trong sự hòa thuận [với người khác] bày tỏ lòng nhân từ đối với họ. <b>-HAY-</b> đừng cãi lộn [với người khác] nhưng phải dịu dàng,
<b>3:2c</b>	<b>hết sức nhu mì đối với mọi người.</b> và thật sự khiêm nhường [trong khi đối xử] với mọi người. <b>-HAY-</b> và hạ mình trước mặt mọi người.
<b>3:3a</b>	<b>Vì đã có một thời chúng ta cũng ngu muội, bất phục tùng, bị lầm lạc,</b> [Nhắc nhở họ cư xử như thế này] bởi vì trước kia chúng ta cũng ngu muội, không vâng lời [Ngài/Đức Chúa Trời] và bị người ta lừa gạt, <b>-HAY-</b> Vì đã có một thời chúng ta cũng ngu dại, [giống như những người chưa tin Chúa bây giờ] chúng ta đã không vâng lời, [bị người ta] lừa gạt chúng ta [sa vào cách cư xử gian ác mà họ đã dạy].

**chúng ta:** Sứ đồ Phao-lô muốn nói cả chính ông và các con dân Chúa ở đảo Co-rét. Đây cũng hàm ý rằng “chính [đời sống] chúng ta tương phản với những người khác.

**ngu muội:** Từ *ngu muội* có nghĩa là “ngu đần” hay “không có sự hiểu biết”. Trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là họ không có sự hiểu biết về những vấn đề thuộc linh.

**bất phục tùng:** Họ đã *bất phục tùng*, đó là họ đã không vâng lời. Xem lời giải thích ở 1:16c cho việc thảo luận về nhóm từ *bất phục tùng*. Sứ đồ Phao-lô đã không nói rõ là không vâng lời ai. Theo các học giả Kinh Thánh, có hai cách để giả thích nhóm từ này:

(1) Đây nói đến việc không phục tùng Đức Chúa Trời.

(2) Đây có một ý tổng quát hơn, có nghĩa là không phục tùng Đức Chúa Trời và các nhà lãnh đạo.

Hầu hết các người chuyển ngữ để ý ở đây tổng quát. Nếu có thể, bạn cũng nên làm như vậy bằng ngôn ngữ của bạn. Tuy nhiên, nếu bạn phải nói bất phục tùng ai để nghị bạn nên nói là Đức Chúa Trời.

**bị lầm lạc:** Dù chính Sa-tan làm cho người ta lầm lạc, nhưng Sa-tan cũng dùng con người để làm điều đó nữa. Ở đây sứ đồ Phao-lô không nói ai làm cho người ta “lầm lạc” nhưng có lẽ ông có ý rằng, trước khi các tín hữu tin Chúa Giê-su, họ bị người khác dối họ, lừa gạt họ, cho nên họ đã không tin Chúa Giê-su và họ đã có cuộc sống xấu xa, tội lỗi.

**3:3b*****làm nô lệ cho đủ thứ dục vọng và khoái lạc:***

Trước khi tin Chúa Giê-su, những người này *làm nô lệ* họ bị điều khiển bởi *đủ thứ dục vọng và khoái lạc*. Trong Tân Ước thường nói: “Người ta bị làm nô lệ cho tội lỗi” (thí dụ trong Rô-ma 6:6). Có nghĩa là người ta không thể chọn vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng tội lỗi điều khiển những hành động của họ.

***đủ thứ:*** Nói về cả hai *dục vọng và khoái lạc*. Có nghĩa là hai điều này không chỉ ảnh hưởng một phương diện trong đời sống họ, nhưng nó ảnh hưởng nhiều phương diện trong đời sống họ.

***dục vọng:*** Trong Tân Ước từ này thường được hàm ý và nói về việc thèm khát những điều xấu/ác hay vô đạo đức.

***khoái lạc:*** Cụm từ này có nghĩa tương tự với *dục vọng*. Trong văn mạch của câu này nó có nghĩa là “làm bất cứ điều gì người ta muốn, nghĩ rằng điều đó sẽ làm cho họ hạnh phúc”.

**3:3c**

***sống trong gian ác, ghen tị:*** Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là “*sống trong*” có nghĩa là “thời gian trôi qua trong đời sống của chúng ta” hay “dùng thì giờ của chúng ta”. Như thế, sứ đồ Phao-lô nói: trước khi trở thành Cơ Đốc nhân, người ta đã dùng thời giờ để làm những việc gian ác và ganh tị. Một cách khác để chuyển ngữ:

Đời sống của chúng ta đầy những gian ác và ghen tị.

**3:3d**

***đáng ghét và ganh ghét lẫn nhau:*** Văn phạm Hy-lạp ở đây có hai cách để giải thích từ *đáng ghét*:

- (1) Nó đi với *ganh ghét lẫn nhau*: “Người khác ghét chúng ta và chúng ta cũng ghét họ”. BDC chuyển ngữ là: “đáng bị người ta ghét, và chúng ta cũng ghét lẫn nhau”.
- (2) “Đáng ghét” có nghĩa là họ sống trong một đường lối khiến cho người ta ghét họ. BDY dùng từ “khả ố”.

Cả hai ý đều có thể. PKTCCN theo cách thứ nhất. Nếu muốn bạn có thể theo cách thứ hai, bạn có thể nói:

Chúng ta cư xử trong một cách khiến cho người khác ghét chúng ta, và chúng ta ghét nhau.

**3:4-7**

Trong 3:3 về cách người tín hữu cư xử trước khi tin Chúa Giê-su. Ở đây sứ đồ Phao-lô nhắc nhở họ rằng, các điều đó đã thay đổi bởi những gì Đức Chúa Trời đã làm cho họ. Các câu 3:4-7 là một câu dài trong bản Hy-lạp, nhưng có lẽ bạn cần phân ra mấy câu trong bản dịch của bạn.

Trong những câu này sứ đồ Phao-lô nhấn mạnh rằng, Đức Chúa Trời cứu họ không phải do những việc công chính họ làm, nhưng bởi lòng thương xót của Ngài.

**3:4**

***Nhưng:*** Những gì sứ đồ Phao-lô nói trong câu này nghịch lại với những gì sứ đồ Phao-lô đã nói trong 3:3. Trước khi người ta trở thành Cơ Đốc nhân, tình trạng của họ y như sứ đồ Phao-lô đã nói trong 3:3, nhưng vì Đức Chúa Trời đã cứu họ, tình trạng của họ đã thay đổi.

***khi Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi chúng ta, bày tỏ lòng nhân từ và tình thương:*** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng sứ đồ Phao-lô đang nói đến việc Đức Chúa Trời sai Chúa Giê-su đến thế gian. Có nghĩa là Đức Chúa Trời bày tỏ sự nhân từ và tình yêu thương của Ngài cho con người bằng cách sai Chúa Giê-su đến thế gian. Không còn có những người như tiên tri chỉ nói về tình yêu của Đức Chúa Trời. Khi Chúa Giê-su đến, người ta thấy sự nhân từ và tình yêu thương của Đức Chúa Trời một cách rõ ràng và thật, qua đời sống của Con Ngài, Chúa Giê-su.

***Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi chúng ta:*** Đây sứ đồ Phao-lô nói Đức Chúa Trời là Đấng cứu chuộc.

***lòng nhân từ:*** Nhóm từ có nghĩa là “rộng rãi và sự tốt lành”.

***tình thương:*** Từ Hy-lạp *philanthrōpia* không phải là một từ thông dụng cho tình yêu. Nó rất giống ý của từ được chuyển ngữ là “nhân từ”. Ở đây nó có nghĩa là, tình yêu của Đức Chúa Trời ban cho nhân loại. Xem *tình thương* trong Bảng Chú Giải Từ



<b>3:3b</b>	<p><b>làm nô lệ cho đủ thứ dục vọng và khoái lạc,</b> và chúng ta không ngừng làm mọi việc ác mà chúng ta muốn làm một cách vui sướng. <b>-HAY-</b> Chúng ta đã giống như những kẻ nô lệ, bị điều khiển bởi đam mê làm mọi điều ác một cách thích thú.</p>
<b>3:3c</b>	<p><b>sống trong gian ác, ghen tị,</b> đòi sống của chúng ta đẩy những gian ác và ghen tị.</p>
<b>3:3d</b>	<p><b>đáng ghét và ganh ghét lẫn nhau.</b> Người khác ghét chúng ta và chúng ta cũng ghét họ nữa.</p>
<b>3:4</b>	<p><b>Nhưng khi Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi chúng ta, bày tỏ lòng nhân từ và tình thương đối với loài người,</b> Nhưng [mặc dù chúng ta hành động gian ác,] Đức Chúa Trời Đấng cứu rỗi của chúng ta đã bày tỏ tình yêu thương và lòng nhân từ của Ngài [đối với chúng ta]. <b>-HAY-</b> Nhưng [thời giờ đã đến] khi Đức Chúa Trời Đấng cứu rỗi chúng ta đã bày tỏ cho [chúng ta] rằng Ngài yêu thương và nhân từ [đối với mọi người].</p>
<b>3:5a</b>	<p><b>thì Ngài cứu chúng ta</b> Ngài giải cứu chúng ta [khỏi sự trừng phạt của tội lỗi]. <b>-HAY-</b> Ngài giải phóng chúng ta [khỏi sự trừng phạt về tội lỗi].</p>
<b>3:5b</b>	<p><b>không phải vì những việc công chính chúng ta làm,</b> [Ngài đã làm như vậy,] không phải vì chúng ta đã làm một điều công chính gì <b>-HAY-</b> [Ngài] không [làm điều này] bởi vì chúng ta đã hành động một cách công chính <b>-HAY-</b> [Ngài đã làm điều này cho chúng ta,] không phải vì những việc công chính mà chúng ta đã làm</p>

Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách này.

### 3:5a

**thì Ngài cứu chúng ta:** Từ trong bản Hy-lạp được chuyển ngữ là *cứu* là động từ chính của câu dài (3:4-7).

**cứu:** Xem lời giải thích về “cứu rỗi” trong 2:11.

**chúng ta:** Nói về sứ đồ Phao-lô và tất cả Cơ đốc nhân.

### 3:5b

**không phải vì những việc công chính chúng ta làm:** Các từ này bắt đầu trả lời cho câu hỏi: “Tại sao Đức Chúa Trời cứu chúng ta?” Sứ đồ Phao-lô tuyên bố lý do tiêu cực trước lý do tích cực. Ông nói rằng Đức Chúa Trời đã cứu dân sự của Ngài không phải là để công nhận hay ban thưởng cho các công việc thiện họ đã làm.

**những việc công chính:** Đây có nghĩa là những công việc hay cách cư xử *công chính*. Xem chữ *công chính* trong Bảng Chú Giải Từ

Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách này.

### 3:5c

**nhưng vì lòng thương xót của Ngài:** Những từ này cũng trả lời câu hỏi: “Tại sao Đức Chúa Trời cứu chúng ta?” Lần này sứ đồ Phao-lô nói đến lý do tích cực.

**lòng thương xót:** Một cách khác để diễn tả *lòng thương xót của Ngài* là “Đức Chúa Trời thương xót chúng ta.”

Hầu hết các bản dịch theo thứ tự trong bản Hy-lạp ở đây và để lý do tiêu cực (3:5b) trước lý do tích cực (3:5c). Nếu để lý do tích cực trước sẽ được tự nhiên hơn đối với ngôn ngữ bạn, bạn có thể nói:

Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta. Ngài đã làm điều đó chỉ vì Ngài thương xót chúng ta. Đó không phải vì bất cứ việc công chính nào mà chúng ta đã làm.

### 3:5d

**Chúa cứu chúng ta:** Trong bản Hy-lạp, nhóm từ này chỉ được nói đến một lần trong câu 3:5, nhưng BDM lặp lại ở đây trong 3:5d để bắt đầu một câu mới.

**bằng việc rửa sạch của sự tái sinh và sự đổi mới bởi Đức Thánh Linh:** Đây là một câu khó hiểu. Có nhiều vấn đề mà các học giả Kinh Thánh đã bất đồng ý kiến. Ở đây, trước hết sẽ bàn về ý nghĩa của từng từ một, kể đến là những từ này được nối kết với nhau như thế nào.

**bằng:** Cho thấy điều sứ đồ Phao-lô sắp nói là phương tiện mà Đức Chúa Trời dùng để cứu con người.

**việc rửa sạch:** Ý nghĩa của từ này là việc đầu tiên cần bàn. Theo bản Hy-lạp, từ này chỉ được tìm thấy ở một chỗ khác trong Tân Ước là trong Ê-phê-sô 5:26 (cùng một từ BDC chuyển ngữ là “lấy nước rửa”; BDM chuyển ngữ là “thanh tẩy bằng nước”). Từ này có thể hiểu bằng hai cách:

(1) Hiểu theo nghĩa tượng hình. Có nghĩa là chú trọng rửa sạch bên trong, có nghĩa là thanh tẩy tội lỗi trong lòng của con người.

(2) Nói về phép báp-tem.

Theo ngữ cảnh ở đây, có lẽ cho thấy sứ đồ Phao-lô nói đến việc rửa sạch bên trong lòng, thay vì phép báp-tem (bằng nước), đặc biệt là sứ đồ Phao-lô đã không dùng từ Hy-lạp “báp-tem” ở đây.

Bạn nên tránh dùng từ “báp-tem” trong bản dịch của bạn ở đây. Thay vào đó dùng từ mang ý nghĩa “rửa sạch” hay “thanh tẩy”. Thí dụ: “Ngài rửa sạch tội lỗi chúng ta”.

Nếu có thể được đối với ngôn ngữ bạn, giữ ý *rửa sạch* hay thanh tẩy trong bản dịch của bạn. Nhưng nếu không thể được, bạn có chuyển ngữ theo ý nghĩa một cách trực tiếp, thí dụ: “Ngài giải phóng/tha tội chúng ta” hay “Ngài cất lấy tội lỗi của chúng ta”.

**của sự tái sinh:** Từ *tái sinh* có nghĩa là “đổi mới”. Đây nói đến việc trở thành một Cơ đốc nhân. Có những tác giả Tân Ước khác dùng nghĩa bóng/tượng hình như “sinh lại” để nói đến biến cố của việc trở thành một Cơ Đốc nhân (Giăng 3:3; 1 Phê-rơ 1:3, 23). Nếu bạn đã chuyển ngữ các phần Kinh Thánh này, hãy coi lại cách bạn đã dùng ở đó trước khi quyết định bạn sẽ làm gì ở đây. Nếu bạn không thể giữ ý tượng hình, bạn có thể nói những gì giống như: “Đức Chúa Trời ban cho chúng ta đời sống mới” hay “Đức Chúa Trời đã giúp chúng ta bắt đầu sống trong/theo một lối mới”.

**đổi mới:** Cụm từ *đổi mới* có nghĩa là “làm mới”. Trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa tương tự là tái sinh. Sự khác biệt giữa hai từ này là: tái sinh cho thấy điểm bắt đầu đời sống mới, và *đổi mới* cho thấy kết quả tiến trình của đời sống mới bắt đầu từ khi tái sinh. Một cách để chuyển ngữ là:

Đấng ban cho chúng ta sự tái sinh  
và đời sống mới

Tuy nhiên, hai từ hợp lại nói lên đời sống mới một cách tổng quát. Một số bản dịch hiện đại liên kết hai từ này lại với nhau như:

điều đó biến đổi chúng ta trở thành con người mới.

<b>3:5c</b>	<p><b>nhưng vì lòng thương xót của Ngài.</b>  nhưng vì Ngài tỏ lòng thương xót [đối với chúng ta].  <b>-HAY-</b>  nhưng vì Ngài là nhân từ.</p>
<b>3:5d</b>	<p><b>Chúa cứu chúng ta bằng việc rửa sạch của sự tái sinh và sự đổi mới bởi Đức Thánh Linh,</b>  Ngài đã cứu chúng ta bằng cách ban cho chúng ta Đức Thánh Linh, Đấng rửa sạch tội lỗi và ban cho chúng ta một sự sống mới và cách cư xử mới.  <b>-HAY-</b>  Đức Chúa Trời ban cho chúng ta sự sống mới. Ngài xóa bỏ tội lỗi chúng ta và giúp cho chúng ta có thể bắt đầu một lối sống mới. Ngài làm điều đó bằng cách ban Đức Thánh Linh ngự vào lòng chúng ta.</p>
<b>3:6a</b>	<p><b>Ngài đổ Thánh Linh tràn đầy xuống trên chúng ta</b>  Đức Chúa Trời ban cho chúng ta Đức Thánh Linh một cách nhưng không và dồi dào [để sống trong chúng ta].  <b>-HAY-</b>  Đức Chúa Trời ban cho chúng ta Đức Thánh Linh [để làm việc trong chúng ta] một cách rộng rãi, đầy quyền năng.</p>

Nếu có thể được, cố gắng giữ sự khác biệt giữa hai từ này trong bản dịch của bạn.

Trong bản Hy-lạp, sự cấu trúc phân này của câu (đó là, cách liên kết những từ khác nhau lại với nhau) nghĩa là nó có thể hiểu theo mấy cách khác nhau. Có thể hiểu theo hai cách chính là:

(1) Phần này của câu nên coi một sự bày tỏ/diễn đạt một ý, tức là, Đức Chúa Trời cứu người ta qua việc rửa sạch của sự sinh lại và đổi mới bởi Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh chính là tác nhân của hành động này; là Đấng khiến cho sự việc này xảy ra, thí dụ:

qua việc rửa sạch, Đức Thánh Linh ban cho chúng ta được tái sinh/lại sinh và đổi mới.

BCG chuyển ngữ là: “tái sinh và đổi mới;”  
BDC chuyển ngữ là: “lại sanh và đổi mới;”  
BDY chuyển ngữ là: “tẩy sạch tội lỗi và đổi mới”.

(2) Phần này của câu chứa đựng hai ý phối hợp, đó là, Đức Chúa Trời cứu con người/nhân loại:

- (a) qua sự rửa sạch của sự sinh lại/tái sinh và
- (b) qua việc đổi mới bởi Đức Thánh Linh

Đức Thánh Linh là tác nhân duy nhất của hành động “đổi mới”. (BDM)

Cả (1) và (2) đều được sự ủng hộ trong vòng các học giả Kinh Thánh. Cần ghi nhận là Lời Giải Nghĩa và PKTCCN ở đây dựa theo cách thứ nhất.

### **3:6a**

**Ngài đổ Thánh Linh tràn đầy xuống trên chúng ta:** Động từ *đổ* là một cách nói tượng hình. Sứ đồ Phao-lô nói Đức Chúa Trời *đổ* Đức Thánh Linh trên chúng ta, giống như Đức Thánh Linh là nước. (Cùng một cách nói tượng hình được dùng ở trong Công Vụ 2:17-18, 33.) *Đổ* Đức Thánh Linh trên có nghĩa là “ban Đức Thánh Linh một cách dư dật”, hay “ban cho Đức Thánh Linh một cách phong phú”.

**(BDC) cách dư-dật:** Nhóm từ này làm mạnh thêm ý nghĩa *đổ...trên*. Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh cho các con dân Chúa một cách vui lòng và phong phú. Khi Đức Chúa

Trời ban cho các con dân Chúa Đức Thánh Linh, đó là để giúp các con dân Chúa một cách kỳ diệu.

### 3:6b

**qua Chúa Cứu Thế Giê-su:** Chúa Giê-su là phương tiện mà Đức Chúa Trời đã dùng để đổ Thánh Linh. Các nhà học giả Kinh Thánh giải thích bằng hai cách ở đây:

- (1) Sự sống và sự chết của Chúa Giê-su đã làm cho việc Đức Chúa Trời đổ Thánh Linh có thể thực hiện được. Thí dụ:

Ngài đã đổ Đức Thánh Linh tràn đầy xuống trên chúng ta bởi những gì Chúa Giê-su, Chúa Cứu Thế, của chúng ta, đã làm.

- (2) Đức Chúa Trời sai Chúa Cứu Thế Giê-su (đến thế gian) để ban Thánh Linh của Ngài cho chúng ta. Một cách để chuyển ngữ câu này:

Đức Chúa Trời sai Chúa Cứu Thế Giê-su để ban cho chúng ta Thánh Linh của Ngài.

Có lẽ ngôn ngữ của bạn đòi hỏi sắp đặt lại thứ tự của những phần này của câu để giúp cho người đọc hiểu được dễ dàng. Một cách có thể làm là:

<sup>3:6b</sup> Vì Chúa Giê-su đã chết để trở thành Chúa Cứu Thế của chúng ta, <sup>3:6a</sup> Đức Chúa Trời ban Thánh Linh của Ngài trên chúng ta một cách phong phú và trọn vẹn. <sup>3:5b</sup> Bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, Đức Chúa Trời thanh tẩy tội lỗi của chúng ta, và ban cho chúng ta đời sống mới.

### 3:7a,c

**Như thế:** Từ này được dùng ở đây để nói lên mục đích mà Đức Chúa Trời đã đổ Đức Thánh Linh của Ngài trên các tín hữu. Nếu trong bản dịch của bạn, bắt đầu một câu mới ở đây, bạn có thể bao gồm ý của mục đích bằng cách bắt đầu với một lời giới thiệu, thí dụ:

[Đức Chúa Trời đã làm điều này] để chúng ta có thể nhận lãnh sự thừa kế từ nơi Ngài...

-HAY-

[Đức Chúa Trời đổ Thánh Linh của Ngài trên chúng ta] để khiến chúng ta thành con cái của Ngài...

**chúng ta có thể trở nên người kế tự:** Đây là mục đích mà Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta và ban cho chúng ta Thánh Linh của Ngài. Khi Phao-lô nói người ta trở nên người *kế tự* của Đức Chúa Trời, sứ đồ Phao-lô đã dùng hình thái tu từ. Có nghĩa là, giống như con cái mong đợi những vật thừa kế từ cha mẹ của họ, khi một người trở thành Cơ Đốc nhân, người ấy trở thành con cái của Đức Chúa Trời và có thể mong nhận sự sống đời đời từ Đức Chúa Trời. Dù trên thế gian, thông thường người ta chỉ nhận được vật thừa kế khi chủ của vật ấy qua đời, ở đây không nhấn mạnh đến sự chết của một người, nhưng nhấn mạnh đến việc các Cơ Đốc nhân có thể mong nhận những gì từ Đức Chúa Trời, Cha của họ. Nếu ngôn ngữ của bạn không có nhóm từ *con kế tự*, hay bạn không có thể dùng nó ở đây theo cách nói tượng hình, bạn có thể bày tỏ ý này với một động từ, thí dụ:

để chúng ta sẽ được nhận...

Trong Tân Ước Cơ Đốc nhân thường được gọi là con kế tự/thừa tự/thừa kế, thí dụ, Rô-ma 8:17; Ga-la-ti 4:7; Hê-bơ-rơ 6:17; Gia-cơ 2:5. Nếu bạn đã chuyển ngữ những chỗ này (hay những chỗ khác có ý tượng hình) hãy coi lại cách bạn đã làm ở những chỗ đó.

Trong nhóm từ kế tiếp sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích những gì các Cơ Đốc nhân mong đợi để thừa hưởng.

**trong niềm hy vọng sống vĩnh cửu:** Vì Cơ Đốc nhân là những người kế tự của Đức Chúa Trời, họ mong nhận lãnh những gì Đức Chúa Trời đã hứa cho họ: *sống vĩnh cửu*. Hãy xem câu 1:2a và lời giải thích của câu đó.

Trong bản Hy-lạp câu này có cách cấu trúc văn phạm phức tạp, và có hơn một cách để hiểu các nhóm từ khác biệt được phù hợp với nhau. Tuy nhiên, ý nghĩa thì giống nhau: là kế tự của Đức Chúa Trời, Cơ Đốc nhân sẽ được nhận lãnh sự sống đời đời và đây là điều họ có thể mong đợi một cách chắc chắn.

Có hai cách để giải quyết vấn đề trong bản dịch của bạn:

- Nối kết từ *hy vọng* trực tiếp với từ *sống vĩnh cửu*: BCG chuyển ngữ là: "... chúng

- 3:6b** qua Chúa Cứu Thế Giê-su, là Đấng Cứu Thế của chúng ta, qua việc làm của Chúa Cứu Thế Giê-su, Cứu Chúa của chúng ta.  
-HAY-  
vì Chúa Giê-su [đã chết] [cho tội lỗi của chúng ta] để trở thành Cứu Chúa của chúng ta.  
*3:7A-C (ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:)*
- 3:7a-c** <sup>a</sup>Như thế, <sup>b</sup>được tuyên xưng công chính nhờ ân sủng của Ngài, <sup>c</sup>chúng ta trở nên người kế tự trong niềm hy vọng sống vĩnh cửu.
- 3:7a, c** Như thế, chúng ta trở nên người kế tự trong niềm hy vọng sống vĩnh cửu, [Đức Chúa Trời đã làm điều này] để chúng ta có thể trở thành con cái của Ngài, và hy vọng chắc chắn sẽ sống [với Ngài] mãi mãi.
- 3:7b** được tuyên xưng công chính nhờ ân sủng của Ngài.  
[Tất cả điều này là có thể được] vì Đức Chúa Trời đã tuyên xưng chúng ta là vô tội vì ân sủng và sự thương xót của Ngài đối với chúng ta.

ta được thừa hưởng sự sống đời đời như chúng ta vẫn hy vọng”. Một cách khác để chuyển ngữ câu này:

chúng ta trở nên kẻ kế tự và tin chắc rằng chúng ta có sự sống đời đời

- Nối kết từ *con kế tự* trực tiếp với *sự sống đời đời*:

trở nên kẻ kế tự của sự sống đời đời mà chúng ta hy vọng:

PKTCCN dựa theo cách thứ nhất.

### 3:7b

**được tuyên xưng công chính:** Khi một người *được tuyên xưng công chính* bởi Đức Chúa Trời có nghĩa là, dù người đó là một tội nhân hay có tội, Đức Chúa Trời tha tội cho người ấy, người ấy được kể là vô tội. Đây là một hành động trọn vẹn. Nếu bạn đã chuyển ngữ các sách Rô-ma và Ga-la-ti, có lẽ bạn đã quyết định cách chuyển ngữ nhóm từ *được tuyên xưng công chính*. Xem từ “công chính” trong Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh trong phần cuối của sách này.

Nếu việc dùng cách nói trực tiếp được thông dụng đối với ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng cách nói trực tiếp ở đây cho nhóm từ *được tuyên xưng công chính*, thí dụ:

Đức Chúa Trời nói với chúng ta: ‘Các con không còn bị kể là có tội bởi những việc các con đã làm nữa.’

Có hai cách để hiểu thế nào *được tuyên xưng công chính* liên kết với phần còn lại của câu:

- (1) Các chữ *được tuyên xưng công chính* nói lên căn bản hay lý do tại sao Đức Chúa Trời làm cho chúng ta trở nên con kế tự của Ngài:

“... để Đức Chúa Trời làm cho chúng ta trở nên con kế tự của Ngài, vì Ngài [đã kể] chúng ta là công chính.”

- (2) Nhóm từ *được tuyên xưng công chính* là một phần trong mục đích của Đức Chúa Trời:

“... để Đức Chúa Trời có thể tuyên xưng công chính chúng ta ... [và] làm cho chúng ta trở nên kẻ kế tự của Ngài...”

Cách chuyển ngữ thứ nhất là cách dùng trong PKTCCN. Thật rõ ràng trong văn phạm tiếng Hy-lạp của câu này cho biết mục đích chính của Đức Chúa Trời trong việc ban cho chúng ta Đức Thánh Linh là làm cho chúng ta trở nên những kẻ kế tự của Ngài. Cũng trong văn phạm tiếng Hy-lạp của câu này cho chúng ta biết rằng hành động của việc “tuyên xưng công chính nhờ ân sủng của Ngài” xảy ra trước các từ mà nó theo sau trong phần còn lại của câu. Đó là, Ngài “tuyên xưng” chúng ta

trước khi làm cho chúng ta trở thành “người kế tự của Ngài.” Đây là cách chuyển ngữ mẫu cho 3:7:

Đức Chúa Trời làm điều này (3:6), để chúng ta có thể trở thành kế tự/con cái của Ngài [và kết quả là] có thể hy vọng sống đời đời một cách chắc chắn. [Chúng ta trở thành kế tự/con cái của Đức Chúa Trời vì] Ngài đã tuyên xưng chúng ta công chính.

Nhiều bản dịch theo cách giải thích thứ hai, có nghĩa là, họ chuyển ngữ các từ *được tuyên xưng công chính* như là một phần của mục đích của Đức Chúa Trời. Đây là một thí dụ chuyển ngữ câu 3:7 theo cách thứ hai:

[Đức Chúa Trời làm điều đó] để do ân sủng của Ngài, chúng ta sẽ được hòa thuận với Ngài, và do đó chúng ta có thể nhận lãnh sự sống đời đời mà chúng ta hiện đang mong đợi.

***nhờ ân sủng của Ngài:*** Đức Chúa Trời tuyên xưng chúng ta công chính vì *ân sủng của Ngài*, tức là, vì Ngài yêu thương chúng ta và muốn giúp chúng ta. Chúng ta chẳng làm một điều gì để đáng được tình yêu ấy. Xem *ân sủng* trong Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở phần cuối của sách này.

### Đoạn Văn 3:8

3:8 cung cấp một sự nối kết giữa 3:4-7 và nhóm từ kế tiếp, 3:9-11. 3:8 kết luận sự dạy dỗ trong 3:4-7 với một sự đảm bảo rằng những sự dạy dỗ này là thật và một mệnh lệnh cho ông Tích cần chú trọng đến sự dạy dỗ đó. Kế đến, trong 3:8d, sứ đồ Phao-lô nói rằng những sự dạy dỗ này là “tốt và có ích lợi” để đối ngược lại với các sự dạy dỗ “điên dại” và “vô ích” mà ông đề cập đến trong 3: 9-11.

Nhiều bản dịch khác nhau bắt đầu đoạn văn mới này ở những chỗ khác nhau. Vì đoạn này là một liên kết giữa hai đoạn khác, có lẽ tốt nhất nên làm thành một đoạn văn riêng giống như BCG. Tuy nhiên, trong bản dịch của bạn, bạn nên ngắt đoạn ở chỗ nào mà nó có thể giúp cho người đọc dễ hiểu nhất.

### 3:8a

***Đây là lời đáng tin cậy:*** Đây là ý được ưa thích trong cả ba “Thư Gửi Cho Mục Sư”. Sứ

đồ Phao-lô cũng đã dùng nó trong 1 Ti-mô-thê 1:15; 3:1; 4:9 và 2 Ti-mô-thê 2:11. Tuy nhiên, ở đây nó nói đến điều Phao-lô đã nói trong 3:4-7.

***lời:*** Đây nói về các câu 3: 4-7, không phải chỉ một chữ hay một câu nói.

***đáng tin cậy:*** Đây có nghĩa là “chắc chắn”, “tin tưởng được”, “chắc chắn là thật”. Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích rằng ông có thể tin cậy về những gì mà sứ đồ Phao-lô vừa bảo ông, đó là, 3: 4-7.

### 3:8b

Trong bản Hy-lạp nhóm từ này bắt đầu với từ *kai* thường được chuyển ngữ là “và”. Trong văn mạch này có lẽ có nghĩa là “và như vậy” hay “vì vậy”. Nó kết nối phần còn lại của câu với 3:8a.

***Ta muốn con:*** Đây là một cách để đưa ra một mệnh lệnh hay một lời yêu cầu. Bạn có thể chuyển ngữ nó: “Do đó ta yêu cầu con...” hay “Do đó ta bảo con...”

***nhấn mạnh:*** Đây không có nghĩa là ông Tích cần phải la lớn lên. Nó có nghĩa là “đòi hỏi”. Thì của động từ trong bản Hy-lạp được dùng ở đây cho thấy sứ đồ Phao-lô muốn ông Tích luôn làm điều đó.

Có thể ngôn ngữ của bạn đòi hỏi thêm một bổ ngữ gián tiếp của động từ *nhấn mạnh*, đó là, những người mà Tích muốn nhấn mạnh sự dạy dỗ này. Trong câu 3:8c sứ đồ Phao-lô nói về “những người đã tin cậy Đức Chúa Trời,” do đó nếu bạn muốn thêm một bổ ngữ gián tiếp, bạn có thể dùng điều này. Nó có thể đọc giống như dưới đây:

Ta muốn nhấn mạnh những điều này [với những người đã tin cậy Đức Chúa Trời],

***những điều đó:*** Các từ *những điều đó* chỉ về những điều đã được nói đến trong 3:4-7.

### 3:8c

***để:*** Từ *để* cho thấy lý do tại sao sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích phải nhấn mạnh những điều đó.

***người đã tin Đức Chúa Trời:*** Đây nói về các Cơ Đốc nhân, họ là *những người* đã tin cậy Đức Chúa Trời cứu họ nhờ/qua Chúa Cứu thế Giê-su.

<b>3:8a</b>	<p><b>Đây là lời đáng tin cậy.</b>          Con có thể tin cậy vào những lời này [mà ta vừa viết].  <b>-HAY-</b>          [Điều ta mới vừa bảo con] là điều con có thể tin chắc.</p>
<b>3:8b</b>	<p><b>Ta muốn con nhấn mạnh những điều đó</b>          Vậy ta yêu cầu con [tiếp tục] nhấn mạnh những điều này [khi con dạy].</p>
<b>3:8c</b>	<p><b>Để người đã tin Đức Chúa Trời kiên quyết tham gia vào những việc tốt lành.</b>          Để những người tin cậy Đức Chúa Trời sẽ hướng lòng họ vào những công việc lành.  <b>-HAY-</b>          Để những người tin Đức Chúa Trời sẽ luôn chú trọng đến việc làm lành.</p>
<b>3:8d</b>	<p><b>Đó là những điều tốt lành và ích lợi cho mọi người.</b>          Những sự dạy dỗ này là tốt và ích lợi cho mọi người.  <b>-HAY-</b>          Những sự dạy dỗ này là tốt, và chúng ích lợi cho những người [quan tâm đến những điều đó].  <b>-HAY-</b>          Những lễ thật này [mà ta muốn con dạy cho các con dân Chúa] có thể cung cấp sự giúp đỡ tốt đẹp cho mọi người.</p>

**kiên quyết tham gia vào:** Mục đích của những điều sứ đồ Phao-lô muốn ông Tích cần nhấn mạnh là để các tín hữu Cơ-rét hết lòng và cẩn thận làm những việc tốt lành. Trong bản Hy-lạp *kiên quyết* có nghĩa là các tín hữu phải “chú ý đến” hay “phải chắc chắn rằng” họ làm những việc tốt lành.

**những công việc tốt lành:** Hãy xem lời giải thích của 2:7a.

### 3:8d

**Đó là những điều:** Những điều đó nói về cùng *những điều* trong 3:8b, đó là những lễ

đạo chân thật mà sứ đồ Phao-lô đã nói đến trong 3: 4-7

**tốt lành:** Cùng một từ Hy-lạp được chuyển ngữ sang tiếng Việt là “tốt lành” ở đây và ở trong 3:8c. Nếu có thể được, bạn nên chuyển ngữ như thế trong bản dịch của bạn.

**ích lợi:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “hữu ích” hay “giúp ích.”

Đoạn văn 3:9-11

Trong 3:9-11, sứ đồ Phao-lô cho ông Tích và các con dân Chúa ở đảo Co-rét những lời hướng dẫn cuối cùng về cách họ nên đối xử với những người chưa tin Chúa. Ông bảo họ tránh những cuộc tranh luận, cãi vã điên dại, và cũng nên tránh những người gây chia rẽ trong vòng các tín hữu.

**3:9a**

**Nhưng:** Từ *nhưng* cho thấy rằng 3:9 tương phản với những câu trước. Trong 3:4-7 sứ đồ Phao-lô viết cho ông Tích về một số các lẽ thật lớn lao về đức tin Cơ Đốc. Trong 3:8 ông bảo ông Tích rằng những lẽ thật này “tốt lành và ích lợi cho mọi người”. Trong 3:9, ông đối chiếu các sự dạy dỗ tốt ở trong 3:4-7 với sự dạy dỗ không tốt và không ích lợi cho mọi người.

**con hãy tránh những cuộc tranh luận điên dại, những vấn đề gia phả, những tranh chấp, xung đột về kinh luật:** Sứ đồ Phao-lô đưa ra những điều mà ông Tích nên tránh:

**những cuộc tranh luận điên dại:** Trước nhất, ông Tích phải *tránh những cuộc tranh luận điên dại*. Đây là những vấn đề ngớ ngẩn hay khờ dại mà người ta luôn tranh luận, nhưng chẳng đem lại kết quả gì, nó chỉ gây chia rẽ nhau mà thôi. Ông Tích cần tránh những điều đó bằng cách không giao dịch với những người ham thích những cuộc tranh luận.

**những vấn đề gia phả:** Một việc khác mà sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích cần tránh đó là *gia phả*. *Gia phả* là danh sách các tổ phụ trong chi tộc của một người. Các *gia phả* mà sứ đồ Phao-lô nói đến ở đây trong 3:9 chúng ta không rõ là gì, nhưng chắc có quan hệ đến vấn đề tôn giáo. Trong 1 Ti-mô-thê 1:4 sứ đồ Phao-lô cũng nói với ông Ti-mô-thê cùng một vấn đề.

**những tranh chấp, xung đột:** Chuyển ngữ theo nghĩa đen trong bản Hy-lạp là “tranh luận hay cãi cộ”. Hai từ này có cùng một ý nghĩa là “đấu võ mồm” hay đánh nhau bằng lời nói, không phải bằng chân tay. Sứ đồ Phao-lô đã dùng hai từ có cùng một ý nghĩa thay vì một từ cốt để nhấn mạnh điều ông nói.

**về kinh luật:** Kinh luật ở đây nói đến luật của người Do Thái, luật pháp mà Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se. Trong 1:10 sứ đồ Phao-lô đã nói về một nhóm tín hữu Do Thái muốn các tín hữu khác tuân theo các luật Do Thái. Có thể ông cũng nói đến các việc tranh luận như thế ở đây.

Một số ngôn ngữ không có những danh từ trừu tượng như *sự cãi cộ* và *cuộc tranh luận*. Do đó bạn có thể dùng động từ để nói việc “người ta tranh luận”, thay vì dùng danh từ trừu tượng. Thí dụ:

Tránh [những người thích] tranh luận những việc vô ích và gia phả...

**3:9b**

**vì các điều ấy vô ích và hư không:** Trong 3:8 sứ đồ Phao-lô nói rằng các sự dạy dỗ Cơ Đốc ông viết ở trong 3:4-7 là “những điều tốt lành và ích lợi cho mọi người”. Ở đây, ngược lại, ông nói rằng các hành động được liệt kê ở trong 3:9a là *vì các điều ấy vô ích và hư không*.

**vì:** Đây là lý do ông Tích phải tránh quan hệ đến các sự cãi cộ này: *vì* chúng chẳng giúp đỡ gì cho ai và nó cũng không có mục đích.

**vô ích:** Có nghĩa là “không giúp ích gì cho ai”. Nó ngược lại với từ *có ích lợi* trong 3:8d.

**hư không:** Sứ đồ Phao-lô muốn nói “không có mục đích”, “không có giá trị”.

**3:10a**

**Hãy cảnh cáo một hai lần người gây chia rẽ:** Các bản tiếng Việt dùng văn phạm đơn giản hơn bản Hy-lạp nên có thể mất đi chút ít ý nghĩa mà sứ đồ Phao-lô định nói. Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp là “Hãy cảnh cáo một người gây chia rẽ một lần. Sau đó, cảnh cáo người ấy lần thứ hai.” Bản tiếng Việt dùng *hãy cảnh cáo một hai lần*. Như vậy nghe tự nhiên hơn trong tiếng Việt. Sứ đồ Phao-lô dùng một thì trong văn phạm cho thấy là sứ đồ Phao-lô muốn nói mạnh hơn là “cảnh cáo người đó một hay hai lần”. Ông đang mô tả một tiến trình mà ông Tích phải đi theo. Một người gây ra sự tranh cãi nên được cảnh cáo một lần. Nếu người đó không thay đổi, cảnh cáo một lần thứ hai. Nếu người này vẫn lại



<b>3:9a</b>	<p><b>Nhưng con hãy tránh những cuộc tranh luận điên dại, những vấn đề gia phả, những tranh chấp, xung đột về kinh luật,</b>          Nhưng tránh [những người] tranh luận những điều dại dột chỉ làm cho người ta bất đồng ý kiến; cũng hãy tránh những người chỉ chuyên nghiên cứu về vấn đề gia phả, những người [thích] cãi vã, những người tranh luận về luật pháp [mà Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se].  <b>-HAY-</b>          Nhưng đừng tham gia/can dự vào những cuộc tranh luận không có mục đích, [cãi vã] về gia phả, và tranh chấp về luật [của người Do Thái],</p>
<b>3:9b</b>	<p><b>vì các điều ấy vô ích và hư không.</b>          [Con không được dính líu vào những sự cãi cọ này] bởi vì chúng chẳng có ích lợi cho ai cả, và thật là vô dụng.  <b>-HAY-</b>          vì [những điều này] không có giúp ích gì cả.</p>
<b>3:10a</b>	<p><b>Hãy cảnh cáo một hai lần người gây chia rẽ,</b>          Nếu có người nào tiếp tục khiến cho [các con dân Chúa] cãi lộn [với nhau], hãy cảnh cáo người ấy [để người ấy thôi không làm như vậy nữa]. [Nếu người ấy không ngưng] cảnh cáo người ấy lần nữa.</p>
<b>3:10b</b>	<p><b>rời lánh xa họ,</b>          Sau đó, [nếu người ấy vẫn tiếp tục làm] hãy lánh xa họ.  <b>-HAY-</b>          Rồi [nếu người ấy vẫn không nghe con] con phải từ khước/xa lánh người này.</p>

còn gây rắc rối, thì nên lánh xa người ấy. Có thể chuyển ngữ như thế này:

Con phải cảnh cáo người tiếp tục khiến cho người ta cãi cọ, không cho phép họ tiếp tục làm điều xấu đó. Cảnh cáo họ một lần hoặc hai lần nếu cần. Nếu họ vẫn không vâng lời....

**người gây chia rẽ:** Một người gây chia rẽ là người thích cãi lộn và bất đồng ý kiến, và người ấy làm cho người khác cãi lộn và bất đồng ý kiến nữa. Người ấy khiến cho con dân Chúa không có sự hiệp nhất.

Khi sứ đồ Phao-lô nói *người gây*, ông không nói về một người nào nhất định. Ông muốn nói là cảnh cáo bất cứ ai là người khiến cho có sự chia rẽ ở trong hội thánh.

### 3:10b

**rời:** Có nghĩa là, sau khi ông Tích cảnh cáo người đó lần thứ hai.

**lánh xa họ:** Nếu người đó không sửa đổi thái độ của họ sau khi ông Tích cảnh cáo, ông Tích phải có phản ứng bằng hành động đối với người ấy. Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về ý chính xác của sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích làm là gì, vì động từ trong tiếng Hy-lạp được dùng ở đây có nhiều hơn một ý nghĩa. Nó có ý nghĩa mạnh mẽ hơn là chữ *tránh* mà sứ đồ Phao-lô đã dùng trong 3:9b. Nó có nghĩa “từ khước/loại bỏ người ấy”, hay “xa lánh người ấy”. Đây có lẽ có nghĩa là ông Tích không được tốn nhiều thì giờ hơn cho người ấy, và cũng không để người ấy ảnh hưởng các tín hữu khác. Có lẽ không có nghĩa công bố tuyệt thông.

**3:11a**

*vì biết rằng:* Ông Tích biết rõ, không chút nghi ngờ về sự thật của vấn đề.

*hạng người như thế:* Đó là, hạng người chia rẽ trong 3:10, người ấy từ chối không lưu ý đến lời cảnh cáo của ông Tích.

*đã lầm lạc:* Từ Hy-lạp được dùng ở đây nói về có thái độ cho thấy người ấy không chấp nhận sự cảnh cáo. Ở đây có lẽ nói về cả đến sự suy nghĩ và hành động.

**3:11b**

*mà cứ phạm tội:* Sứ đồ Phao-lô bảo ông Tích rằng bất cứ ai muốn chia rẽ hội thánh là có tội. Ông Tích *phải biết chắc* hoặc không nghi ngờ sự thật của dữ kiện này.

Người như vậy là có tội bởi vì họ gây nên rắc rối ở giữa vòng các con dân Chúa và bởi vì họ từ chối không đi theo và dạy Lời Chúa một cách chính xác.

*thì đã tự kết án cho mình:* Hạng người này *tự kết án cho mình* bằng cách cư xử của người ấy. Hành động hư hoại của người ấy cho mọi người thấy rõ là người ấy có tội.

**Tiểu đoạn 3:12-15 Lời hướng dẫn cuối và lời chào thăm**

Đây là tiểu đoạn cuối của lá thư. Sứ đồ Phao-lô kết luận thư gửi cho ông Tích giống như hầu hết các thư khác của ông trong Tân Ước: ông viết các lời hướng dẫn đặc biệt, lời chào thăm kết luận, và một lời chúc phước. Các người chuyển ngữ có thể phối hợp để làm 3:12-13 là một đoạn văn, 3:14 là một đoạn văn riêng biệt, và rồi 3:15 là một đoạn văn kết luận. Một mẫu khác có thể theo để chia tiểu đoạn này ra làm hai đoạn: 3:12-14 là một đoạn văn, và 3:15 là một đoạn văn riêng (BCG).

## Đoạn văn 3:12-14

**3:12a**

*Khi ta sai A-tê-ma hoặc Ti-chi-cơ qua gặp con:* Sứ đồ Phao-lô quy hoạch sai các ông A-tê-ma hay Ti-chi-cơ qua thay thế cho ông Tích ở đảo Cơ-rét. Đó là lý do sứ đồ Phao-lô sai một trong hai người này qua đảo Cơ-rét. Khi sứ đồ Phao-lô viết thư này cho ông Tích, ông chưa sai ai đi cả. Ông đã không nói rõ là khi nào ông định sai họ đi. Bạn có thể chuyển ngữ là:

Sau này ta sẽ sai hoặc ông A-tê-ma hoặc ông Ti-chi-cơ [sang thay thế con]. Ngay khi họ tới...

*A-tê-ma:* Tên ông chỉ được nhắc đến có một lần ở đây nên chúng ta không biết gì thêm về ông A-tê-ma.

*Ti-chi-cơ:* Đường như đây là cùng một ông Ti-chi-cơ được nói đến ở trong Công Vụ 20:4; Cô-lô-se 4:7; Ê-phê-sô 6:21; 2 Ti-mô-thê 4:12.

**3:12b**

*con hãy mau:* Động từ Hy-lạp được dùng ở đây chứa đựng ý nghĩa “hãy mau” giống như BDM, chuyển ngữ, nhưng có lẽ đó không phải là ý chính ở đây. Một cách khác để chuyển ngữ nó là “cố gắng”.

*đến ngay với ta ở Ni-cô-bô-li:* Sứ đồ Phao-lô muốn ông Tích đến gặp ông ở thành phố Ni-cô-bô-li. Thành phố này ở trong tỉnh A-chai, vào khoảng 32 km tây bắc của thành phố A-then.

**3:12c**

*vì ta định ở lại đó qua mùa đông:* Sứ đồ Phao-lô đã quyết định rằng ông sẽ ở qua mùa đông tại thành phố đó. Các tàu họ không đi lại từ tháng Mười Một đến tháng Ba. Sứ đồ Phao-lô đã tìm được một chỗ để ở suốt thời gian đó.

Khi sứ đồ Phao-lô viết thư này, ông chưa đến thành phố Ni-cô-bô-li. Vậy bạn có thể chuyển ngữ rõ ràng như sau:

... bởi vì ta đã quyết định [đến đó và] ở đó qua mùa đông.

- 3:11a**      **vì biết rằng hạng người như thế đã lầm lạc**  
 Con có thể biết chắc chắn rằng, đây là người đã từ bỏ [lẽ thật].  
**-HAY-**  
 Con có thể biết, không cần nghi ngờ, đây là loại người [cố ý/có tính toán] đi vào con đường lầm lạc.
- 3:11b**      **mà cứ phạm tội thì đã tự kết án cho mình.**  
 Chính việc làm của người ấy xác nhận tội lỗi của hân.  
**-HAY-**  
 Bởi vì người ấy phạm tội, người ta biết chắc người ấy sai [trước mặt Đức Chúa Trời].

**Tiểu đoạn 3:12-15 Các lời hướng dẫn sau cùng và lời chào thăm**

- 3:12a**      **Khi ta sai A-tê-ma hoặc Ti-chi-cơ qua gặp con,**  
 Ta sắp sửa sai ông A-tê-ma hoặc Ti-chi-cơ qua [đó giúp đỡ] con.  
**-HAY-**  
 Ta sẽ sai ông A-tê-ma hoặc Ti-chi-cơ đến với con [ở đảo Cơ-rét].  
**-HAY-**  
 Ta muốn sai người đến để [thay] con [làm việc con làm], Có thể là ông A-tê-ma hay Ti-chi-cơ.
- 3:12b**      **con hãy mau đến ngay với ta ở Ni-cô-bô-li**  
 Khi người ấy đến nơi, hãy cố gắng [rời đó và] đến gặp ta tại [thành phố] Ni-cô-bô-li,  
**-HAY-**  
 Sau khi một trong hai người [ta sai] đến, con hãy cố gắng hết sức để đến [gặp] ta tại Ni-cô-bô-li,
- 3:12c**      **vì ta định ở lại đó qua mùa đông.**  
 vì ta đã quyết định ở đó qua hết mùa đông.  
**-HAY-**  
 vì [đó là nơi] ta đã quyết định [đi đến và] ở lại suốt mùa đông.

**-HAY-**

bởi vì đó là nơi ta sẽ [đến] ở qua mùa đông.

**qua mùa đông:** Đây có nghĩa là ở đó trong những tháng mùa đông. Những ngôn ngữ không có khái niệm về mùa đông, có một vài cách có thể chuyển ngữ như sau:

- Bạn có thể dùng một nhóm từ như là “mùa trời lạnh” hay “những tháng

lạnh”, hay “lúc lạnh nhất trong năm”. Cách này giữ một yếu tố chính của mùa đông, đó là lạnh.

- Một cách nói khác có thể dùng là chọn một từ dùng cho lúc mà khí hậu xấu nhất trong năm, hay khi trời mưa nhiều, hay có lẽ là mùa không đi biển được. Thí dụ: “lúc trời xấu”, “mùa bão”.

**3:13a**

**Hãy hết sức giúp đỡ luật sư Xê-na và ông A-bô-lô khi họ lên đường:** Đây không rõ, khi sứ đồ Phao-lô viết thư cho ông Tích thì hai ông Xê-na và A-bô-lô đang ở đâu. Có thể là:

- (1) Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng hai người này ở với sứ đồ Phao-lô và ông biết rằng họ sắp đi đến đảo Cơ-rét. Một số người nghĩ là họ là người đem thư này đến cho ông Tích.
- (2) Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng họ ở trên đảo Cơ-rét với ông Tích, và sứ đồ Phao-lô biết rằng họ sắp bắt đầu một cuộc hành trình.

Trong bản dịch của bạn, bạn nên tránh nói rõ là hai người đàn ông này đang ở đâu, vì sứ đồ Phao-lô không cho chúng ta biết tin tức này.

**Hãy hết sức:** Cùng một từ Hy-lạp được dùng trong 3:12b đã dùng ở đây. Ở đó BDM chuyển ngữ là “hãy mau”. Cùng một từ ở đây BDM chuyển ngữ là *hết sức*.

**Luật sư Xê-na:** Các học giả không biết gì về ông Xê-na. Ông có thể chuyên về luật Hy-lạp, La-mã hay Do Thái. Nếu ngôn ngữ bạn không có từ cho *luật sư*, bạn có thể chuyển ngữ là “một chuyên gia về luật pháp”, hay “là một chuyên gia về luật của cộng đồng”.

**A-bô-lô:** Đây có lẽ là cùng ông A-bô-lô được nhắc đến ở trong Công Vụ 18:24;19:1 và trong nhiều chỗ ở 1 Cô-rinh-tô: 1:12; 3:4-22; và 16:12.

**giúp đỡ:** Mỗi lần từ Hy-lạp này được dùng trong Tân Ước, nó nói về việc các Cơ Đốc nhân giúp đỡ những du khách bắt đầu một cuộc hành trình. Hãy xem Công Vụ 15:3; 20:38; 21:5; La-mã 15:24; 1 Cô-rinh-tô 16:6,11; 2 Cô-rinh-tô 1:16; 3 Giăng 6.

**3:13b**

**dùng để họ thiếu thốn gì cả:** Ông Tích cần phải chuẩn bị các thứ mà các ông Xê-na và A-bô-lô cần cho cuộc hành trình của họ. Sứ đồ Phao-lô không muốn họ thiếu thốn gì cả. Các nhu cầu cơ bản của họ là thức ăn và quần áo. Nếu được tự nhiên hơn đối với

ngôn ngữ bạn, bạn có thể chuyển ngữ theo một cách tích cực:

phải chắc chắn rằng họ có đủ những gì họ cần.

**3:14a**

**Các anh chị em của chúng ta:** Đây nói đến các tín hữu khác ở đảo Cơ-rét: Các đồng hương khác của bạn có thể hiểu lầm cách chuyển ngữ theo từng từ một ở đây, *anh chị em của chúng ta*, bạn có thể nói “anh chị em tín hữu của chúng ta”, hay “các tín hữu khác [ở trên đảo Cơ-rét]”.

**cũng phải:** Sứ đồ Phao-lô nói với ông Tích rằng, không phải chỉ mình ông Tích giúp đỡ các ông Xê-na, A-bô-lô, nhưng các tín hữu khác ở đảo Cơ-rét cũng phải noi gương của ông Tích giúp đỡ những người khác nữa.

**học:** Để người ta có thể *học*, phải có người khác dạy họ. Nếu được tự nhiên hơn đối với ngôn ngữ bạn, bạn có thể dùng động từ “dạy” ở đây và nhận diện ông Tích như một người dạy các tín hữu khác. Do đó bạn có thể nói:

con hãy dạy các tín hữu [ở đảo Cơ-rét] rằng họ nên...

Thì của động từ *học* trong tiếng Hy-lạp cho thấy rằng các tín hữu nên tiếp tục học những điều này.

**tham gia:** Đây là cùng một nhóm từ được tìm thấy ở trong 3:8c. Xem lời giải thích về câu đó. Sứ đồ Phao-lô nói rằng các con dân Chúa phải tiếp tục học tập trung về việc làm việc lành.

**vào những công việc tốt đẹp:** Đây là một trong những đề tài chính của thư này. Sứ đồ Phao-lô đã bàn luận điều này trong các câu 1:16; 2:7; 2:14; 3:1 và 3:8.

**3:14b**

**để đáp ứng các nhu cầu cần yếu:** Đây kể những loại của “những việc lành” mà sứ đồ Phao-lô muốn các tín hữu Cơ-rét học để thực hành, đó là, giúp đỡ người khác khi họ có nhu cầu. Sứ đồ Phao-lô không giới hạn việc giúp đỡ trong vòng các tín hữu, tín hữu giúp

<b>3:13a</b>	<b>Hãy hết sức giúp đỡ luật sư Xê-na và ông A-bô-lô khi họ lên đường,</b> Khi người luật sư [tên là] Xê-na và [một người khác tên là] A-bô-lô lên đường [trong cuộc hành trình của họ], hãy làm điều con có thể làm để giúp đỡ họ.
<b>3:13b</b>	<b>đừng để họ thiếu thốn gì cả.</b> Hãy chắc chắn là họ có đủ mọi sự họ cần [cho cuộc hành trình của họ]. <b>-HAY-</b> Hãy cho họ bất cứ điều gì họ cần [để họ sẽ không thiếu bất cứ thứ gì trong khi đi công tác].
<b>3:14a</b>	<b>Các anh chị em của chúng ta cũng phải học tham gia vào những việc tốt đẹp,</b> Thêm vào đây, [tất cả] anh chị em tín hữu của chúng ta [ở đảo Co-rét] nên [tiếp tục] siêng năng làm các việc lành, <b>-HAY-</b> Không chỉ riêng con [nên làm điều đó], nhưng [tiếp tục] dạy các tín hữu chú trọng đến việc làm các việc tốt lành,
<b>3:14b</b>	<b>để đáp ứng các nhu cầu cần yếu</b> cho những ai có nhu cầu, <b>-HAY-</b> cho những người cần những nhu yếu phẩm [chẳng hạn như đồ ăn và quần áo].
<b>3:14c</b>	<b>và như thế họ sẽ không sống một cuộc đời thiếu kết quả.</b> như thế các tín hữu sẽ không sống một cuộc sống vô dụng.
<b>3:15a</b>	<b>Tất cả những người đang ở với ta tại đây gửi lời thăm con.</b> Tất cả [các con dân Chúa ở đây] với ta gửi lời thăm con, [Tích].

đỡ bất cứ ai có nhu cầu, kể cả người chưa tin Chúa.

### **3:14c**

**và như thế họ sẽ không sống một cuộc đời thiếu kết quả:** Trong bản Hy-lạp nhóm từ này được bắt đầu bằng một từ *hina* có nghĩa là “để” và nó cho thấy mục đích sau của các tín hữu là giúp đỡ những người khác: Nếu các tín hữu giúp đỡ những người khác, thì cuộc sống của họ có mục đích tốt và có ích lợi. Bạn có thể chuyển ngữ theo một ý tiêu cực như BDM hay tích cực như BDY: “để đời sống họ kết quả tốt đẹp”.

### **Đoạn văn 3:15**

Đây là lời kết luận thư này. Nó giống như lời chào ở phần cuối của những thư khác trong Tân Ước.

### **3:15a**

**Tất cả những người đang ở với ta tại đây gửi lời thăm con:** Tất cả các con dân Chúa đang ở với sứ đồ Phao-lô muốn gửi lời thăm ông Tích.

**3:15b**

**Xin gửi lời thăm những anh chị em yêu mến chúng tôi:** Sau khi chỉ chào thăm ông Tích, sứ đồ Phao-lô xin ông Tích gửi lời thăm đến tất cả các con dân Chúa khác ở đảo Cơ-rét.

**yêu mến:** Xem “tình thương, yêu mến” trong Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách này.

**trong niềm tin:** Các học giả Kinh Thánh nói rằng nhóm từ *trong niềm tin* là:

- (1) một ý chung có nghĩa là tất cả anh chị em tín hữu của ông Tích ở đảo Cơ-rét.
- (2) được sứ đồ Phao-lô dùng để cho thấy rõ rằng sứ đồ Phao-lô loại bỏ các giáo sư giả mạo ra ngoài vòng của những tín hữu có đức tin thật.

Đề nghị bạn nên theo cách thứ nhất.

Có thể chuyển ngữ giản dị là:

Hãy chào thăm các tín hữu [ở Cơ-rét] là người yêu mến chúng tôi.

-HAY-

Xin vui lòng gửi lời ‘Chào!’ đến các bạn hữu cùng một đức tin với chúng tôi.

**3:15c**

**Nguyện xin ân sủng ở với toàn thể anh chị em:** Đây là một cách thông thường để chấm dứt lá thư gửi cho các anh chị em Cơ Đốc nhân. Hãy xem ý tương tự trong Ê-phê-sô 6:24; Cô-lô-se 4:18; 1 Ti-mô-thê 6:21; 2 Ti-mô-thê 4:22, và Hê-bơ-rơ 13:25. Nếu bạn đã chuyển ngữ các câu trên, coi lại cách bạn chuyển ngữ phần chấm dứt của các thư đó. Một cách để chuyển ngữ là:

Tôi cầu xin Đức Chúa Trời sẽ ban ân sủng của Ngài cho tất cả anh chị em.

**ân sủng:** Hãy xem lời giải thích ở 1:4b. Giống như ông đã làm ở đầu thư, ở đây sứ đồ Phao-lô dùng *ân sủng* như một lời chúc phước của Cơ Đốc nhân. Do đó bạn nên tránh dùng một nhóm từ dài để chuyển ngữ từ *ân sủng* trong ngữ cảnh này. Xem *ân sủng* trong Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh ở cuối sách này.

- 3:15b**      **Xin gửi lời thăm những anh chị em yêu mến chúng tôi trong niềm tin.**  
[Chúng tôi xin con] chào thăm những con dân Chúa [ở đảo Cơ-rét] là người yêu  
mến chúng tôi.
- 3:15c**      **Nguyện xin ân sủng ở với toàn thể anh chị em.**  
Nguyện xin Đức Chúa Trời ban phước cho tất cả các anh chị em.

# BẢNG CHÚ GIẢI TỪ NGỮ CHỦ YẾU TRONG KINH THÁNH ĐỂ DÙNG SONG SONG VỚI

## *BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA THƯ CỦA PHAO-LÔ GỬI CHO TÍCH*

### Lời mở đầu

Chú giải này dựa theo “Những Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh” của Tiến Sĩ Katy Barnwell, được ghi trong *Tài Liệu dành cho người dịch, ấn bản 3.0 bằng CD*.

### Ân Sủng

Từ “ân sủng” được Bản Dịch Mới (BDM) chuyển ngữ từ tiếng Hy-lạp *charis*. Nó có thể có những ý nghĩa khác nhau trong Tân Ước. Trong sách Tịch từ này xuất hiện bốn lần với hai ý nghĩa khác nhau trong các câu 1:4b, 2:11, 3:7 và 3:15c.

Ý thứ nhất: **Câu chúc cho một người nào đó, chúc một người nào đó được khỏe mạnh, đặc biệt như một phần trong việc chào thăm/hỏi.**

Từ “ân sủng” thường được dùng trong những lời chào thăm trong phần mở đầu, và đôi khi ở phần cuối của các thư tín trong Tân Ước. Trong ngữ cảnh này, ý chính là tác giả mong ước hay cầu xin những lợi ích cho những người mà tác giả đang viết thư cho. Sứ đồ Phao-lô cầu nguyện rằng, Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ ân sủng của Ngài cho những người đó. Từ ân sủng được dùng trong ý nghĩa này ở Tịch 1:4b và 3:15c.

Đề nghị cách chuyển ngữ “ân sủng” trong các lời chào thăm:

- Cầu xin Đức Chúa Trời bày tỏ/ban lòng nhân từ của Ngài đến quý anh chị em
- Cầu xin sự nhân từ của Đức Chúa Trời ở cùng anh chị em

Ý thứ hai: Thái độ được ưa chuộng, yêu thương nhân từ được bày tỏ từ người này đến người khác, đặc biệt nói về lòng yêu thương nhân từ của Đức Chúa Trời đối với con người cho dù con người không xứng đáng để nhận lãnh những điều đó.

- Hãy để ý rằng “ân sủng” mang nhiều ý nghĩa hơn là “nhơn từ”. “Nhơn từ” có nghĩa là “bỏ qua, không trừng phạt một người trong khi người đó đáng nhận lãnh án phạt”, nhưng “ân sủng” có nghĩa là bày tỏ (trong tinh thần tích cực) lòng tử tế hay khoan dung/khoan hồng đối với một người cho dù người ấy không xứng đáng để nhận lãnh. Ý này được dùng trong Tịch 2:11 và 3:7.

Đề nghị cách dịch “ân sủng” trong Tịch 2:11:

- Lòng yêu thương-nhân từ của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua chương trình cứu rỗi của Ngài.

### Chúa Cứu Thế, Christ

*Christ* là sự hội nhập của tiếng Anh từ *Christos* của tiếng Hy-lạp. Nó có nghĩa là “người được xúc dầu [bổ nhiệm] bởi Đức Chúa Trời cho một mục đích đặc biệt”. Các từ này được dùng trong Tân Ước qua hai cách: (a) như một tước vị: Đấng Cứu Rỗi (b) như một tên riêng để dùng cho Chúa Jêsus: *Jêsus Christ*. Khi để ý đến cách để chuyển ngữ “Christ”, cần phải đặt ra hai câu hỏi quan trọng:



- Chỗ nào được dùng như tước vị trong Tân Ước (nên chuyển ngữ như tước vị) và chỗ nào được dùng như một tên (nên chuyển ngữ theo phiên âm)?
- Làm thế nào để chuyển ngữ từ này khi được dùng như một tước vị?

Theo luật tổng quát, trong các sách Phúc Âm, *Christos* thường được dùng như một tước vị, trong khi các sách Thư Tín thường dùng như một tên gọi. Có một vài ngoại lệ về điều này.

Khi từ *Christos* được dùng như một tước vị, nó có nghĩa như đã nói ở trên “người được xúc dầu [bổ nhiệm] bởi Đức Chúa Trời cho một mục đích đặc biệt”. Trong tiếng Do Thái từ *mashiaṣh* của *Christos* trong tiếng Hy-lạp cũng có nghĩa là “người được xúc dầu”. Phong tục xúc dầu là một biểu hiệu của sự được bổ nhiệm và biệt riêng ra bởi Đức Chúa Trời cho một địa vị có thẩm quyền và trách nhiệm, đặc biệt cho sự Phong Vương, hay làm Thầy Thượng Tế. Ê-sai 45 và 47 cô đọng các đặc điểm đây ý nghĩa của việc xúc dầu.

- một người được Đức Chúa Trời chọn lựa (45:1)
- bổ nhiệm để đứng đầu các quốc gia (45:1-3)
- bổ nhiệm để hành động thay cho Đức Chúa Trời; khi họ hành động chính là Đức Chúa Trời hành động qua họ. (45:1-7)
- bổ nhiệm để hoàn tất sự cứu chuộc cho dân sự của Đức Chúa Trời (45:11-13)
- bổ nhiệm để làm phương tiện đem đến sự chiến thắng của Đức Chúa Trời trên kẻ thù (47)

Trong thời Tân Ước, người Do Thái dùng từ *mashiaṣh* (phiên âm bằng tiếng Việt là Mê-si-a) để chỉ rõ nhân vật đặc biệt mà Đức Chúa Trời đã hứa bổ nhiệm, người sẽ cứu quốc gia của họ. Người ấy sẽ là Vua, Tiên Tri, Đấng Cứu Chuộc, Chúa Cứu Thế. Bản Dịch Mới chuyển ngữ *Christos* đã dựa theo ý nghĩa “Chúa Cứu Thế”.

Khi chuyển ngữ từ *Christos* dùng như một tước hiệu, nên cố gắng tìm một thành ngữ có thể đem đến ý nghĩa của:

- người được Đức Chúa Trời bổ nhiệm cách đặc biệt
- trở nên Cứu Chúa hay Vua

Nếu *Christos* được dùng như một tên thì chỉ cần phiên âm. Ví dụ, Bản Công Giáo (BCG) dùng *Ki-tô* như trong *Đức Giê-su Ki-tô*.

Trong Bản Hy-lạp, có sự thay đổi về thứ tự của các từ trong thứ tự của tên được dùng để gọi Đức Jêsus. Đôi khi tên Ngài được viết là Chúa Jêsus Christ (Cứu Thế) (thứ tự thường được dùng cho một tên trong tiếng Hy-lạp) và những chỗ khác được viết là Chúa Cứu Thế Giê-su (có lẽ để nhấn mạnh chức vụ của Ngài). Bản Công Giáo thay đổi thứ tự giống như bản Hy-lạp. Nếu bạn nghĩ điều này có thể gây bối rối cho người đọc, bạn có thể luôn luôn tiếp tục giữ thứ tự giống như trong BDM và BDC đã làm.

Trong nguyên bản Hy-lạp cả hai tên của *Đức Chúa Trời* và *Đức Giê-su* được dùng một mình, không có tước vị *Đức*. Trong tiếng Hy-lạp đây là sự kính trọng nhưng bằng tiếng Việt thì có nghĩa là không kính trọng. Tất cả các giáo chủ, các nhân vật đặc biệt trong lịch sử và các thánh nhân phải có chữ “Đức” ở trước tên của họ. Vì vậy đối với tiếng Việt, từ “Đức” được thêm vào từ *Chúa Trời* và *Giê-su*.

Không phải mọi ngôn ngữ đều cần đến tước vị, do đó nên xem lại với những người khác cùng nói một ngôn ngữ để kiểm chứng lại xem từ dùng cho tước vị đó có nghĩa kính trọng thích đáng không.

*Chúa* được dùng để chuyển ngữ từ Hy-lạp *kurios*. Từ Hy-lạp này có nghĩa là ‘chủ’ hay một người lãnh đạo được tôn trọng. Đức Jê-sus là người lãnh đạo thuộc linh của chúng ta. Hãy xem xét từ này lại cho cẩn thận về tất cả các hàm ý có thể có ý nghĩa sai lầm. Thí dụ, đối với một vài ngôn ngữ từ “chủ” làm người ta có cảm giác hay thái độ tiêu cực về nó. Nếu như thế từ này chắc chắn không thể dùng để đề cập đến Đức Giê-su. Trong tiếng Việt, “Chúa” còn có nghĩa là người cai trị như là Vua của một vùng (lãnh thổ), làm chủ cai trị trên tất cả dân chúng trong lãnh thổ đó. Từ *Chúa* được dùng để chỉ sự cai trị và làm chủ trong tấm lòng của người tín hữu.

Trong Bản Dịch Cũ (BDC) tên của Chúa “Jê-sus” được dựa trên sự hội nhập của tiếng Anh từ nguyên bản Hy-lạp. Từ “Jê-sus” của BDC được đổi lại là *Giê-su* trong Bản Dịch Mới (BDM) để cho thích hợp hơn với cách viết và phát âm của tiếng Việt Nam.

Trong tiếng Hy-lạp, tên “Jesus” được coi như là tên (riêng) của Chúa Giê-su. “Christ” được coi như là tên họ. Vì lý do đó Bản Dịch Mới không dùng theo thứ tự của truyền thống “Jê-sus Christ”, thay vào đó dùng “Chúa Cứu Thế Giê-su” như là một tên trong tiếng Việt.

## Công Chính

Từ “công chính” được chuyển ngữ từ tiếng Hy-lạp *dikaios*. Từ này xuất hiện ba lần trong sách Tích, các câu 2:12b; 3:5b; và 3:7b và mỗi lần đều có ý nghĩa khác nhau.

Ý thứ nhất: Trong 2:12b tiếng Hy-lạp được dùng trong dạng của một trạng từ và nó nói đến việc làm công chính của con người dựa theo ý chỉ và tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời.

Ý thứ hai: Trong câu 3:7b, đây là ý thứ hai được dùng trong sách Tích cùng một từ trong tiếng Hy-lạp nhưng trong dạng của một động từ và để **tuyên bố một người nào đó được chấp nhận bởi Đức Chúa Trời**. BDM dùng nhóm từ “được tuyên xưng công chính” để chuyển ngữ từ Hy-lạp này.

Đề nghị cho việc chuyển ngữ từ “công chính” theo ý nghĩa thứ hai:

- Đức Chúa Trời chấp nhận một người, người ấy được kể như chưa hề phạm tội/vô tội
- Đức Chúa Trời nhận trong sự tha thứ
- Đức Chúa Trời tuyên bố một người là vô tội

Trong tiếng Hy-lạp động từ này ở dạng thụ động, cho nên “được tuyên xưng công chính” cần có một chủ từ, và chủ từ là Đức Chúa Trời.

Ý thứ ba: Trong 3:5b dạng của từ Hy-lạp này là một danh từ. Trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là đặc tính của việc làm đúng theo cách nhìn của Đức Chúa Trời, một đời sống tốt, ngay thẳng, thành thật. BDM chuyển ngữ là “những việc công chính”.

Đề nghị cách chuyển ngữ từ “công chính” theo ý thứ ba:

- làm những gì đúng theo cách nhìn của Đức Chúa Trời.

Gìn giữ những điều răn của Đức Chúa Trời.

**Đấng Cứu Rỗi**

Từ “Đấng Cứu Rỗi” được dùng trong sách Tịch 1:3c, từ này được chuyển ngữ từ Đấng Cứu Khỏi tiếng Hy-lạp *sōtēr* và chỉ được dùng một lần trong sách này.

Ý nghĩa: “Đấng Cứu Rỗi” được dùng trong Tân Ước để chỉ về “Đấng cứu tâm linh và sự hư mất đời đời”. Từ này chỉ về hoặc Đức Chúa Trời hay Chúa Cứu Thế Giê-su.

**Tin , Tin cậy, Tín Nhiệm**

Tất cả các từ này đều được chuyển ngữ sang từ cùng một chữ Hy-lạp, nhưng xuất hiện trong ba dạng: động từ, tính từ, và danh từ. Đối với nhiều ngôn ngữ, dạng danh từ và tính từ thường được giải nghĩa, ít nhất là trong một số ngữ cảnh, bằng dạng động từ. Do đó, cho nguyên cả nhóm này sẽ được suy xét chung với nhau.

Ý thứ nhất: Dạng động từ trong tiếng Hy-lạp *pisteuo* có nghĩa: **tin, có đức tin, tin cậy**. Một vài ngôn ngữ dùng một thành ngữ để diễn tả ý nghĩa này, thí dụ: “phó thác trong tay của một người”. Dạng/Hình thức này được dùng trong Tịch 1:3.

Ý thứ hai: Dạng tính từ trong tiếng Hy-lạp, chữ *pistos* có nghĩa là “[**một người**] **có đức tin, đáng tin cậy**,”. Dạng tính từ xuất hiện ba lần: Tịch 1:6, 1:9; 3:8. Tịch 1:6 là một thí dụ trong tiếng Hy-lạp về việc giải nghĩa dạng tính từ bằng dạng động từ. BDM chuyển ngữ dạng tính từ trong Tịch 1:6 là “con cái đều tin Chúa”. Trong Tịch 1:9 và 3:8, tính từ trong tiếng Hy-lạp lại được chuyển ngữ bằng dạng động từ: đáng tin cậy.

Ý thứ ba: Trong ngữ cảnh của sách Tịch, dạng danh từ trong tiếng Hy-lạp *pistis* có nghĩa là, **sự tin tưởng , lòng trung thành, tính chất đáng tin cậy...** Trong các bản dịch tiếng Việt, ở đây được chuyển ngữ là, “đáng tín nhiệm” hay “lòng trung tín hoàn toàn”.

**Sứ Đồ**

Từ “sứ đồ” chỉ được tìm thấy một lần trong cả sách Tịch, 1:1b.

Ý nghĩa: Một sứ đồ là một người được Chúa Cứu Thế sai đi để đại diện cho Ngài. Những nhiệm vụ chính của sứ đồ là:

- a) làm một nhân chứng về sự kiện Chúa Giê-su đã sống lại từ kẻ chết
- b) rao giảng Tin Lành và thành lập các hội thánh mới
- c) trả lời những câu hỏi và có những quyết định liên quan đến giáo lý về sự cứu rỗi và thực hành trong hội thánh.

Nếu trong tập quán của bạn, có một nhóm người có nhiệm vụ là đại diện, hay sứ giả của một thẩm quyền cao hơn, từ mà bạn dùng để chỉ về những người này là “sứ đồ”. Từ bạn dùng cho sứ đồ nên chỉ về một chức vụ của thẩm quyền và của sự tin cậy. Có thể bạn nên thêm các từ “của Chúa Giê-su” để cho thấy thẩm quyền của họ từ đâu đến.

Đây là một vài cách khác bạn có thể chuyển ngữ từ “sứ đồ”:

- những người đại diện [của Chúa Giê-su]
- những sứ giả (đặc biệt) [của Chúa Giê-su]
- những người được sai đi [bởi Chúa Giê-su]

## Sùng Kính

Từ “sùng kính” là cách mà BDM dùng để chuyển ngữ từ Hy-lạp *hagios*. Từ này xuất hiện một lần trong Tích 1:8c. Từ “sùng kính” có thể có ba ý nghĩa. Một trong ba ý này được tìm thấy trong sách Tích.

**Ý nghĩa:** Có một bản chất của Đức Chúa Trời, đó là, **một đời sống tốt đẹp và thánh sạch.**

Đây là ý được lấy ra từ một ý thông dụng hơn **biệt riêng ra từ những vật và những con người bình thường, để hầu việc Đức Chúa Trời.** Người được biệt riêng cho Đức Chúa Trời phải là những người có bản chất giống bản chất của Ngài. Người ấy phải là một người công chính, một đời sống không có thói quen phạm tội. Từ này được dùng trong ý của Tích 1:8c.

Đề nghị cho việc chuyển ngữ từ “sùng kính” dựa theo ngữ cảnh này:

- người chỉ đi theo Đức Chúa Trời
- người giữ mình để không phạm tội

Một số người dịch dùng từ “thánh sạch” để chuyển ngữ từ *hagios*. Tuy nhiên, nếu từ “thánh sạch” trong ngôn ngữ bạn chỉ nói đến việc thánh sạch về thân thể (đó là sạch khỏi bụi bặm), thì nó không phù hợp. Từ bạn dùng nên có ý nghĩa là “không phạm tội”, “thánh sạch”, “người có đời sống thánh sạch”.

## Tình Thương, Yêu Mến

Có nhiều chữ khác nhau trong tiếng Hy-lạp được dịch sang tiếng Việt là “tình thương” hay “yêu mến”. Bốn chữ như thế đã xuất hiện năm lần trong sách Tích: 1:8b, 2:2b, 2:4b, 3:4 và 3:15b, mỗi lần với một ý nghĩa khác nhau.

**Ý thứ nhất:** **Đề cao giá trị của một người hay vật.** Có thể chuyển ngữ là “yêu quý”. Nó được dùng trong Tích 1:8b.

**Ý thứ hai:** **Lòng thương yêu của một người đối với những người khác trong gia đình,** được dùng trong Tích 2:4

**Ý thứ ba:** **Mong điều tốt nhất cho một người, tận hiến cho một người,** kể cả việc đối xử tử tế, được dùng trong Tích 2:2b và 3:4

**Ý thứ bốn:** **Mối quan hệ trong tình bạn với một người,** được tìm thấy trong Tích 3:15b

## Vinh Quang

Từ “vinh quang” được dịch sang từ chữ Hy-lạp *doxa*. Từ này được dùng trong Tích 2:13

**Ý nghĩa:** Ý nghĩa căn bản của từ “vinh quang” là **một điều gì hùng vĩ, vĩ đại, hết sức đặc biệt, không thể diễn tả được.** Tuy nhiên, cách từ này được dùng trong Tân Ước có nhiều ý nghĩa khác nhau. Trong Tích 2:13 nó được dùng để diễn tả những gì đẹp đẽ, vĩ đại có liên hệ đến Chúa và sự hiện diện của Ngài. Cái gì có thể bày tỏ quyền năng và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Một ánh sáng vĩ đại được hàm ý.